

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨ NHAI

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨ NHAI

Thái Nguyên, năm 2025

SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAİ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA TRUNG TÂM Y TẾ VÕ NHAİ**

CHỦ CƠ SỞ
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC
Hà Văn Rã**

Thái Nguyên, năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	3
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	4
DANH MỤC HÌNH	5
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở:.....	6
2. Tên cơ sở:.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:.....	8
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	8
3.2. Quy trình hoạt động khám chữa bệnh:	9
3.3. Sản phẩm của cơ sở:.....	9
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	10
5. Các thông tin khác liên quan	10
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	17
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	17
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:	17
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨ NHAI	19
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	19
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:	19
1.2. Thu gom, thoát nước thải:	20
1.3. Xử lý nước thải:.....	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	29
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	30
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH).....	31
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	33
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	34
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:	37
Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	40

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:	40
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	41
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:	41
Chương V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	42
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường.....	42
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải	43
3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải	45
4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường	45
Chương VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.....	46
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	46
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định	46
Chương VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	47

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Tên ký hiệu
1	CB	Cán bộ
2	CS	Công suất
3	CTNH	Chất thải nguy hại
4	CTR	Chất thải rắn
5	ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
6	Ng.đ	Ngày đêm
7	NTSH	Nước thải sinh hoạt
8	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
9	TTYT	Trung tâm Y tế
10	XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Kết quả khám chữa bệnh năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai	9
Bảng 2. Nguyên, nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của Trung tâm.....	10
Bảng 3. Các hạng mục công trình phục vụ hoạt động của trung tâm:	12
Bảng 4. Khối lượng hạng mục thu gom nước mưa của Trung tâm	20
Bảng 5. Bảng tổng hợp hạng mục thu gom nước thải.....	21
Bảng 6. Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải	27
Bảng 7. Chi tiết danh mục thiết bị của Trạm xử lý nước thải.....	27
Bảng 8. Biện pháp thu gom CTR sinh hoạt	30
Bảng 9. Khối lượng CTNH phát sinh của Trung tâm.....	31
Bảng 10. Thống kê thiết bị lưu chứa CTNH tại Trung tâm	32
Bảng 11. Tổng hợp đánh giá các nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường và giấy phép xả thải đã phê duyệt	38
Bảng 12. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải xin cấp phép	40
Bảng 13. Kết quả quan trắc định kỳ năm 2023:.....	43
Bảng 14. Kết quả quan trắc năm 2024	44
Bảng 15. Khối lượng chất thải chuyên giao xử lý năm 2023, 2024	45

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Vị trí của Trung tâm y tế qua hình ảnh vệ tinh	6
Hình 2. Sơ đồ quy trình hoạt động khám, chữa bệnh của Trung tâm	8
Hình 3. Sơ đồ tổ chức bộ máy của Trung tâm y tế huyện Võ Nhai hiện nay	12
Hình 4. Mặt bằng tổng thể các hạng mục công trình tại trung tâm	16
Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa	19

Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở:

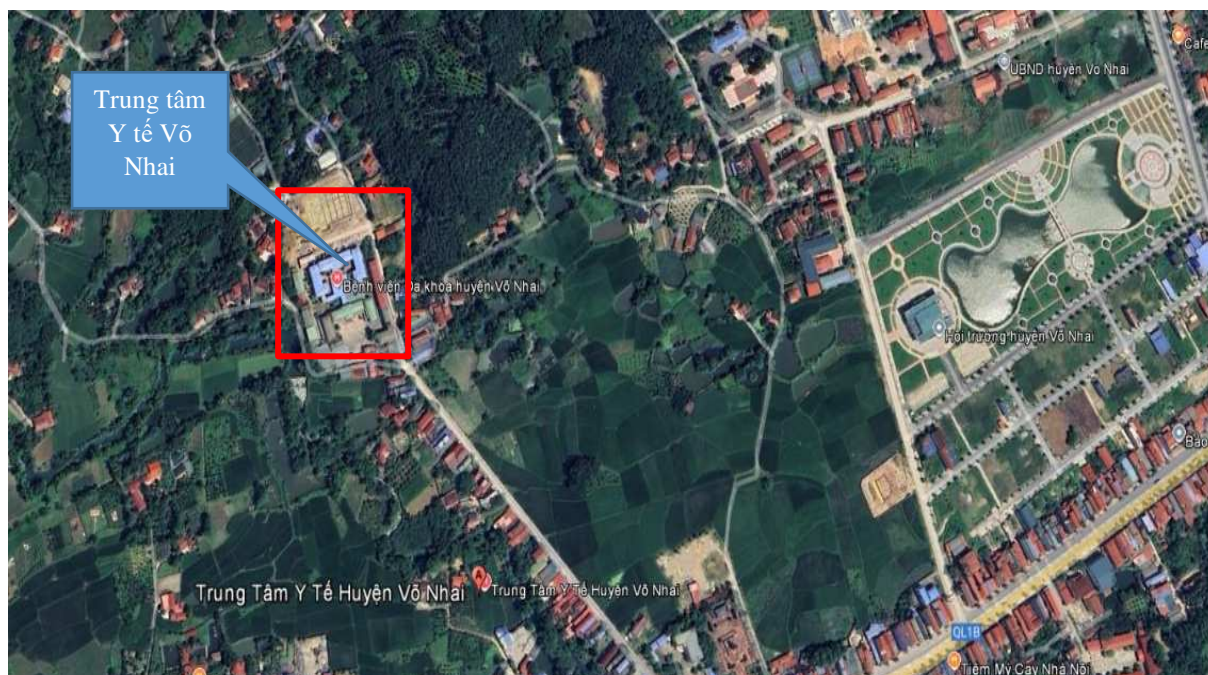
TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAI

- Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai
- Địa chỉ: Tổ dân phố Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai
- Người đại diện: Ông **Hà Văn Rã** - Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0208 3863181
- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số: Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Bệnh viện đa khoa các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Võ Nhai, Định Hóa, Võ Nhai thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên.

2. Tên cơ sở:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAI

- Địa chỉ: Tổ dân phố Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai



Hình 1. Vị trí của Trung tâm y tế qua hình ảnh vệ tinh

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần (nếu có):
 - + Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 19/1/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai;
 - + Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 19.000171.T

+ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 1159/GP-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên ngày 31/5/2024

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 699/GP-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên ngày 16/3/2020

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

+ Theo Quyết định số 207/QĐ-DADD&CN ngày 19/7/2023 phê duyệt dự toán một số gói thầu giai đoạn thi công Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, trung tâm y tế huyện, tỉnh Thái Nguyên, dự toán thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy hạng mục công trình Xây dựng mới nhà điều trị và mua sắm trang thiết bị - Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai là **67.756.347.582** đồng;

+ Theo Quyết định số 2543/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai, tổng mức đầu tư của dự án là **15.020.000.000** đồng.

+ Theo Quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trạm xử lý và mạng lưới thu gom nước thải Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nha, tổng mức đầu tư của dự án là **5.677.365.276** đồng

Vậy tổng mức đầu tư toàn bộ các công trình của Trung tâm y tế huyện Võ Nhai (sau đây gọi là Trung tâm) là **88.453.712.858** đồng. Theo tiêu chí phân loại dự án của Luật Đầu tư công 2024, Trung tâm y tế huyện Võ Nhai thuộc dự án nhóm C (*khoản 4, Điều 11 Luật Đầu tư công 2024 - Dự án thuộc lĩnh vực y tế có tổng mức đầu tư dưới 90 tỷ đồng*).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025: Không có.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: khám bệnh, chữa bệnh.

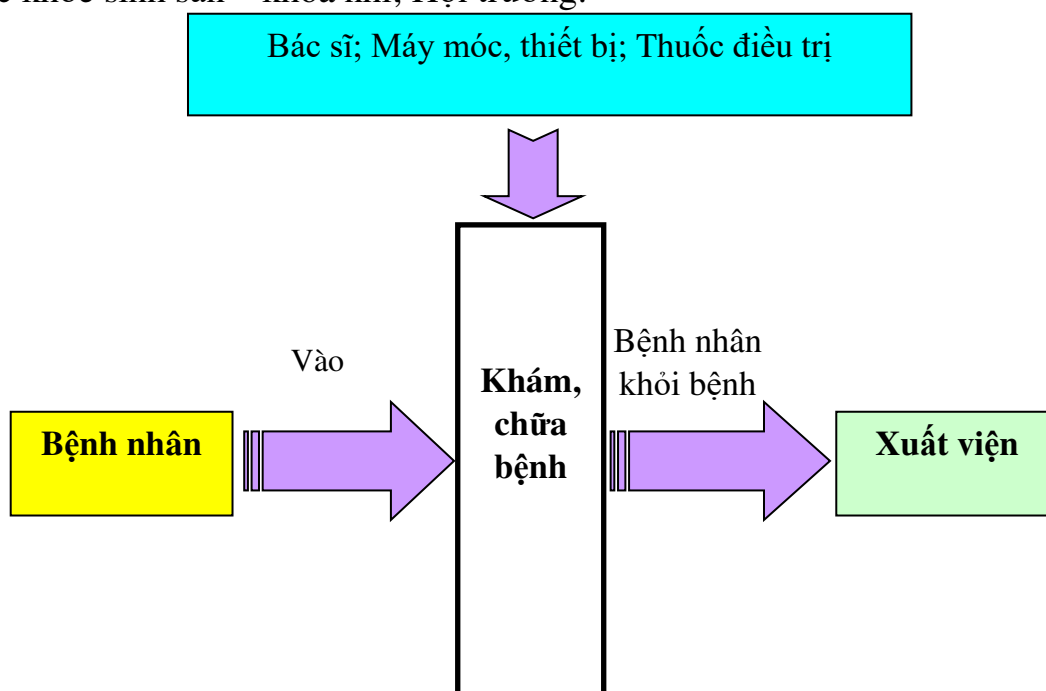
- Phân nhóm dự án đầu tư: nhóm III

Đối chiếu quy định về bảo vệ môi trường, Trung tâm thuộc nhóm dự án đầu tư nhóm B được phân loại theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải phải được xử lý, quy định tại mục II.2, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực có phát sinh nước thải y tế >10 m³/ngđ phải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường, do đó Trung tâm thuộc đối tượng phải có Giấy phép môi trường theo quy định tại Khoản 2, Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường và Điểm d Khoản 31 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Điều 75 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

Theo điểm c, khoản 3, điều 41, Luật Bảo vệ môi trường, Trung tâm y tế huyện Võ Nhai được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết, do đó thuộc đối tượng được UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường.

Trung tâm y tế huyện Võ Nhai được UBND tỉnh phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai (nay là Trung tâm y tế huyện Võ Nhai) tại Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 19/1/2016 với quy mô 174 giường bệnh với 5 khoa, phòng chuyên môn. Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai đang hoạt động với quy mô là 175 giường bệnh theo kế hoạch giao, cơ bản không thay đổi so với đề án được phê duyệt.

Hiện nay Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai được hưởng lợi 01 công trình Nhà điều trị 5 tầng theo Quyết định phê duyệt Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên tại Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 6/3/2023, được điều chỉnh tại Quyết định 3458/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên làm chủ đầu tư. Nhà điều trị này được đưa vào sử dụng từ 1/1/2025, được bố trí chức năng sử dụng gồm: Khoa xét nghiệm – chẩn đoán hình ảnh; Khoa nội – truyền nhiễm – hồi sức cấp cứu; Khoa ngoại – gây mê hồi sức – liên chuyên khoa; Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản – khoa nhi; Hội trường.



Hình 2. Sơ đồ quy trình hoạt động khám, chữa bệnh của Trung tâm

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Diện tích của đơn vị: 26.358 m².

Số giường bệnh hiện trạng được giao hoạt động: 175 giường.

3.2. Quy trình hoạt động khám chữa bệnh:

Thuyết minh quy trình:

Trung tâm tiếp nhận các bệnh nhân. Tùy theo tình trạng bệnh, thầy thuốc có thể chỉ định xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng hoặc chẩn đoán xác định và kê đơn điều trị mà không cần chỉ định xét nghiệm cận lâm sàng. Nếu có các xét nghiệm cận lâm sàng, bệnh nhân đến bàn hướng dẫn có hộ lý khoa khám bệnh và hướng dẫn viên hướng dẫn cụ thể đến các khoa X-quang, phòng xét nghiệm... Sau khi có kết quả cận lâm sàng, người bệnh trở lại phòng khám để bác sĩ kết luận và giải quyết cho vào điều trị hoặc khám chuyên khoa, kê đơn thuốc. Trong quá trình hoạt động khám chữa bệnh làm phát sinh các loại chất thải như: CTR sinh hoạt, CTR y tế, nước thải sinh hoạt, nước thải y tế...

Máy móc phục vụ cho quá trình khám bệnh đều là các máy móc hiện đại, tự động kết nối với máy tính, tivi. Đặc biệt máy chụp X-Quang kỹ thuật số, truyền hình ảnh sang máy tính sau đó in trực tiếp hình ảnh, không phải rửa phim như máy X-Quang trước đây nên không phát sinh nước thải rửa phim cũng như các tia phóng xạ.

3.3. Sản phẩm của cơ sở:

Kết quả khám, chữa bệnh năm 2024 của TTYT thành phố Võ Nhai như sau:

Bảng 1. Kết quả khám chữa bệnh năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai

STT	Nội dung	Kết quả đạt được năm 2024
1	Tổng số lần KCB	48.874
2	Số BN điều trị nội trú	9.946
3	Tổng số ngày điều trị nội trú	67. 970
4	Công suất sử dụng giường bệnh	106
5	Ngày điều trị TB	6,8
6	Tổng số ca PT	648
7	Tổng số ca thủ thuật	29.060
8	Tổng số tiêu bản XN	459.055
9	Tổng số ca Siêu âm	13.162
10	Tổng số ca chụp X.Q	19.167
11	Tổng số ca Điện tim	5.920
12	Tổng số ca Nội soi	2.282
13	Số ca chuyển viện	3.947

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

- Nhu cầu sử dụng nước:

Trung tâm y tế TP Võ Nhai hiện có 175 giường bệnh theo kế hoạch giao. Nhu cầu sử dụng nước của trung tâm được tính theo công suất sử dụng thực tế của máy bơm nước đang sử dụng. Hiện Trung tâm đang sử dụng 1 máy bơm nước sạch phục vụ cho hoạt động của toàn Trung tâm với công suất là 3.2KW (lưu lượng 30 m³/giờ). Trong đó lưu lượng bơm trung bình mỗi ngày khoảng 1,5 giờ, tương đương: 1,5*30=45m³/ngày.

Nguồn cung cấp nước: Nước giếng khoan, theo giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 1159/GP-UBND tỉnh ngày 31/5/2024, lưu lượng 48,8 m³/ngđ, thời hạn 10 năm.

- *Nhu cầu vật tư y tế:* gồm: chất thử chẩn đoán Protein trong máu; dung dịch rửa đậm đặc; hóa chất xét nghiệm acid uric trong máu; albumin trong máu; amylase trong máu; AS latex; bilirubin toàn phần; bilirubin trực tiếp; calci trong máu; cholesterol trong máu; CK-MB; CK-NAC; creatinin trong máu; định lượng CRP; GGT trong huyết thanh; định lượng HbA1C, khí y tế, bông, băng, gạc, bơm kim tiêm...

- *Nhu cầu sử dụng hóa chất:* methanol 2kg/ngày; javen 2 lít/ngày (cho trạm xử lý nước thải)

- *Nhu cầu sử dụng điện:* khoảng 770 KWh/ngày

Bảng 2. Nguyên, nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của Trung tâm

Stt	Nguyên, nhiên liệu	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung ứng
1	Nước	m ³ /ngày	45	Nước giếng
2	Điện	KWh/ngày	770	Công ty Điện lực Thái Nguyên
3	Vật tư y tế			
	Bông băng, gạc	Kg/tháng	5	Công ty Dược Thái Nguyên
	Còn	Lít/tháng	15	
	Thuốc	Theo từng nhóm hoạt chất		

5. Các thông tin khác liên quan

5.1. Quá trình hoạt động của trung tâm

Trung tâm y tế huyện Võ Nhai được thành lập theo Quyết định số 2033/UB-QĐ ngày 25/12/1990, chịu sự quản lý trực tiếp của UBND huyện Võ Nhai, đồng thời chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ theo hệ thống ngành dọc của y tế tuyến trên. Đến năm 2008, UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 thành lập Bệnh viện đa khoa các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Võ Nhai, Định Hóa, Võ Nhai thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên

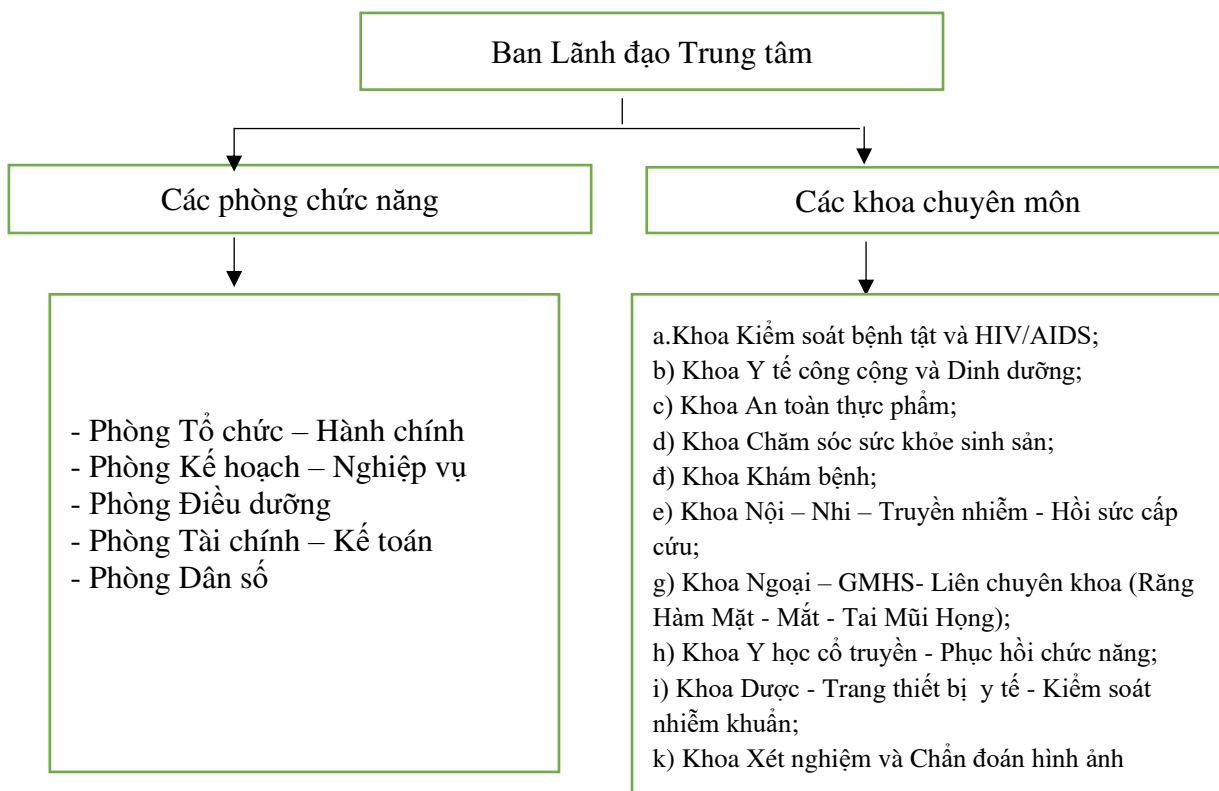
Năm 2018 UBND tỉnh ra Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai và Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên, với 02 cơ sở gồm:

- Cơ sở 1 (trụ sở Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai cũ) có địa chỉ tại Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai;
- Cơ sở 2 (trụ sở Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai cũ) có địa chỉ tại Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

Phạm vi xin cấp giấy phép môi trường của Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai là xin cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở 1 (trụ sở Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai cũ) có địa chỉ tại Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai (là cơ sở đã được UBND tỉnh phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết).

Hiện nay các hoạt động khám chữa bệnh của trung tâm chỉ diễn ra tại cơ sở 1 (trụ sở Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai cũ), cơ sở 2 đang cải tạo lại hạ tầng phục vụ cho công tác y tế dự phòng sau này. Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2008 và được Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 723/TNG-GPHĐ ngày 01/7/2018, được UBND tỉnh phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại Quyết định 168/QĐ-UBND ngày 19/1/2016 với quy mô 174 giường bệnh, được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 699/GP-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên ngày 16/3/2020 với lưu lượng xả lớn nhất 54 m³/ngđ, thời hạn 5 năm kể từ ngày kí giấy phép, hết hạn vào ngày 15/3/2025, do đó đơn vị lập hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường theo đúng quy định.

5.2. Cơ cấu tổ chức tại trung tâm



Hình 3. Sơ đồ tổ chức bộ máy của Trung tâm y tế huyện Võ Nhai hiện nay

Bộ máy hoạt động hiện nay của Trung tâm có tổng số 252 cán bộ.

5.3. Các hạng mục công trình hiện trạng của trung tâm

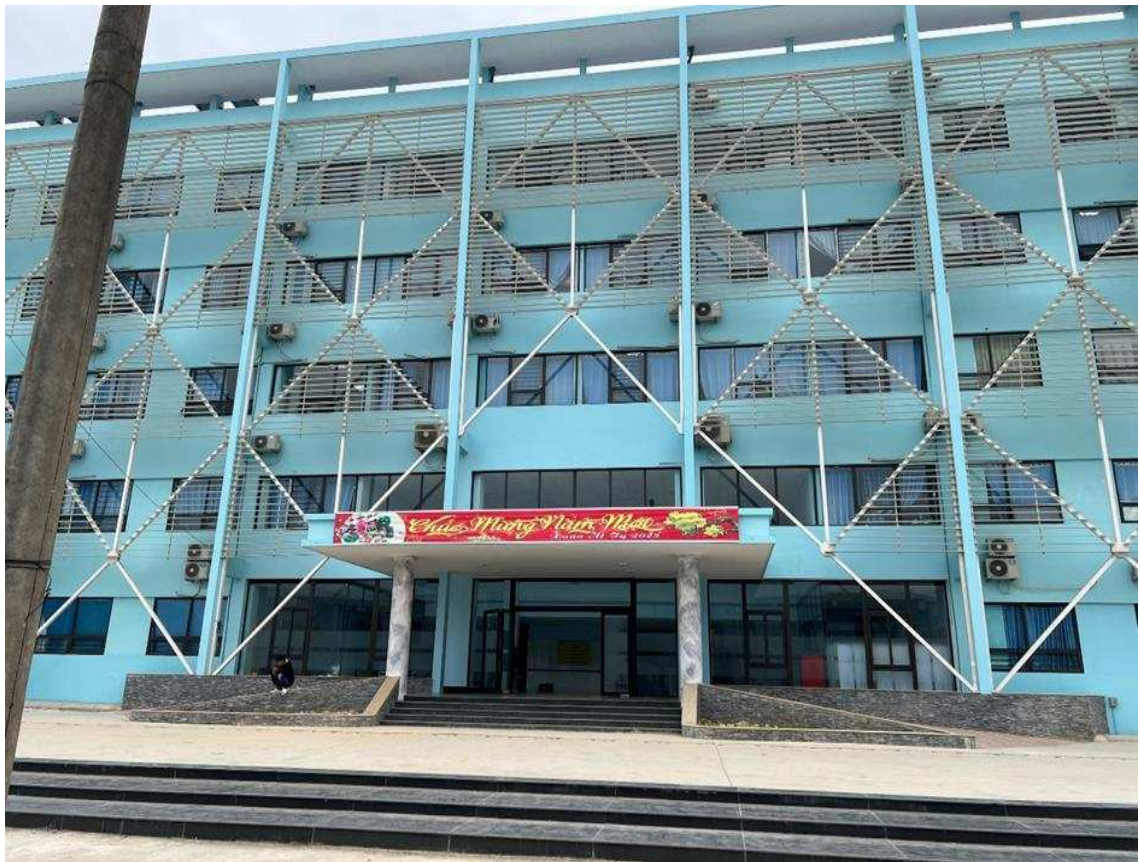
Bảng 3. Các hạng mục công trình phục vụ hoạt động của trung tâm:

TT	Các công trình hiện có	Diện tích (m ²)	Các công trình theo Đề án đã phê duyệt	Diện tích (m ²)	Hiện trạng
A	Công trình phục vụ khám chữa bệnh				
1	Nhà điều trị 5 tầng	8100	Chưa có	2025	Mới xây dựng. Gồm khoa Khoa xét nghiệm – chẩn đoán hình ảnh; Khoa nội – truyền nhiễm – hồi sức cấp cứu; Khoa ngoại – gây mê hồi sức – liên chuyên khoa; Khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản – khoa nhi; Hội trường
2	Nhà để oxy	50	Chưa có	2025	Mới xây dựng

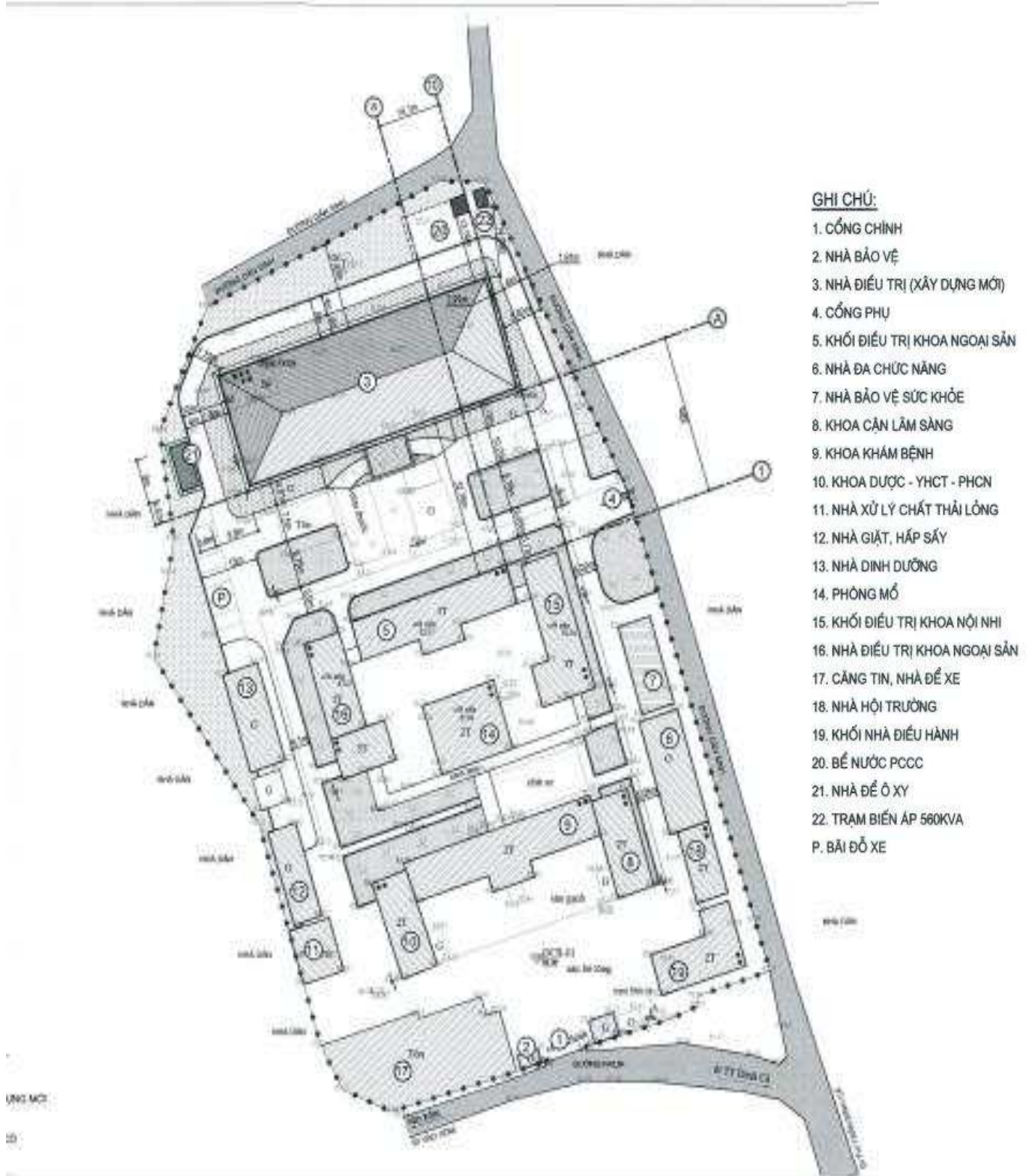
TT	Các công trình hiện có	Diện tích (m²)	Các công trình theo Đề án đã phê duyệt	Diện tích (m²)	Hiện trạng
3	Nhà khoa ngoại cũ	350,7	Nhà khoa ngoại	350,7	Không sử dụng. Được chuyển sang nhà 5 tầng
4	Nhà khoa sản cũ	270,2	Nhà khoa sản	270,2	Không sử dụng. Được chuyển sang nhà 5 tầng
5	Nhà khoa Nội-Nhi cũ	276,4	Nhà khoa Nội-Nhi	276,4	Khoa Y học cổ truyền đang sử dụng
6	Nhà BVSK cán bộ	240,0	Nhà BVSK cán bộ	240,0	Đang sử dụng
7	Nhà mổ cũ	244,2	Nhà mổ	244,2	Không sử dụng. Được chuyển sang nhà 5 tầng
8	Khoa khám bệnh	350,0	Khoa khám bệnh	350,0	Đang sử dụng
9	Nhà khoa dược	171,7	Nhà khoa dược	171,7	Đang sử dụng
10	Khoa cận lâm sàng (Xét nghiệm-X quang)	170,5	Khoa cận lâm sàng (Xét nghiệm-X quang)	170,5	Đang sử dụng, riêng Khoa xét nghiệm được chuyển sang nhà 5 tầng
11	Nhà thi đấu cầu lông	200,0	Nhà thi đấu cầu lông	200,0	Đang sử dụng
12	Khu hành chính	119,0	Khu hành chính	119,0	Đang sử dụng
13	Khu tài vụ	173,4	Khu tài vụ	173,4	Đang sử dụng
14	Nhà dinh dưỡng cũ	230,0	Nhà dinh dưỡng	230,0	Không sử dụng, Nhà dinh dưỡng được chuyển sang khu vực gần cổng chính (trước là nhà xe ô tô)
15	Nhà giặt	109,2	Nhà giặt	109,2	Đang sử dụng
16	Gara ô tô	50,0	Gara ô tô	50,0	Đang sử dụng
17	Nhà gửi xe máy	45,0	Nhà gửi xe máy	45,0	Đang sử dụng
18	Cổng, hàng rào	-	Cổng, hàng rào	-	Đang sử dụng
19	Vườn thuốc nam	172,8	Vườn thuốc nam	172,8	Còn 1 vườn 50m ² tại phía Bắc. 1 vườn 122,8m ² đã được phá bỏ để xây dựng nhà 5 tầng

TT	Các công trình hiện có	Diện tích (m ²)	Các công trình theo Đề án đã phê duyệt	Diện tích (m ²)	Hiện trạng
20	Nhà để máy phát điện	15	Nhà để máy phát điện	15	Đang sử dụng
21	Nhà xe ô tô cũ	36,184	Nhà xe ô tô	36,184	Nhà dinh dưỡng
B	Công trình bảo vệ môi trường				
1	Hệ thống thoát nước mưa (mương 0,4x0,4)	300m	Hệ thống thoát nước mưa (mương 0,4x0,4)	100m	Xây thêm 100m tại khu vực nhà
2	Hệ thống thoát nước thải PVC D150	310m	Hệ thống thoát nước thải PVC D200	378,3m	Cải tạo đường ống thu gom nước thải từ D150 thành D200, xây dựng thêm đường ống thu gom nước thải tại nhà 5 tầng dài khoảng 68,3m
3	Trạm xử lý nước thải	90 m ³ /ngđ	Trạm xử lý nước thải	100 m ³ /ngđ	Nâng cấp, cải tạo trạm xử lý: nâng cấp thành công nghệ AAO – MBR, bổ sung thêm các công đoạn xử lý yếm khí, thiếu khí, công đoạn lọc MBR, cải tiến công nghệ xử lý hiếu khí kết hợp giá thể vi sinh, tăng dung tích bể điều hòa, tăng công suất trạm từ 90m ³ /ngày đêm lên 100m ³ /ngày đêm
4	Công trình thu gom, lưu giữ chất thải				
	Rác sinh hoạt: kho lưu chứa	12m ²	Rác sinh hoạt: kho lưu chứa	20m ²	Kho được mở rộng hơn
	Chất thải y tế nguy hại	- Thùng chứa 1m ³ - Lò đốt chất thải y tế	Chất thải y tế nguy hại	- Kho 30m ² - Hợp đồng xử lý với đơn vị	Thay thế các công trình lưu chứa và biện pháp xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường hơn

TT	Các công trình hiện có	Diện tích (m ²)	Các công trình theo Đề án đã phê duyệt	Diện tích (m ²)	Hiện trạng
		- Hồ chôn chất thải giải phẫu 20m ³		có chức năng	
5	Cửa xả nước thải: 01 cửa	X = 2406349m; Y = 454707m	Cửa xả nước thải: 01 cửa	X = 2406349m; Y = 454707m	Không thay đổi



Nhà điều trị 5 tầng



Hình 4. Mặt bằng tổng thể các hạng mục công trình tại trung tâm

Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

** Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:*

- Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai phù hợp với Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe tỉnh Thái Nguyên được phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ Tướng Chính Phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Theo đó, các đơn vị Y tế tuyến huyện định hướng tiếp tục mở rộng quy mô giường bệnh của các bệnh viện, trung tâm y tế có giường bệnh phù hợp với tình hình nhân lực, quy mô dân số và nhu cầu khám chữa bệnh trên địa bàn. Thực hiện tốt các danh mục kỹ thuật của tuyến huyện, khuyến khích triển khai kỹ thuật mới để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân

+ Củng cố, nâng cao năng lực công tác y tế dự phòng, truyền thông giáo dục sức khỏe; phát huy tốt vai trò của mạng lưới y tế trong công tác phòng chống dịch bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

+ Duy trì các cơ sở điều trị, cơ sở cấp phát thuốc Methadone tại các địa điểm hiện có; xem xét mở rộng cơ sở điều trị, bổ sung các điểm cấp phát thuốc phù hợp nhu cầu thực tế và nhân lực của ngành nhằm đảm bảo thuận lợi cho người sử dụng, giảm tỷ lệ bỏ điều trị.

** Phân vùng môi trường:*

Trung tâm có địa chỉ tại thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, thuộc khu vực nội thành, nội thị của các đô thị loại V là khu vực hạn chế phát thải theo Hệ thống phân vùng môi trường tỉnh Thái Nguyên được phê duyệt tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023 của Thủ Tướng Chính Phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường, Trung tâm luôn thực hiện tốt việc thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; thực hiện thu gom và quản lý chất thải rắn nguy hại, chất thải rắn y tế theo quy định, bảo đảm không gây tác động xấu tới nguồn tiếp nhận và đến môi trường xung quanh.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:

Theo Đề án bảo vệ môi trường được phê duyệt, Trung tâm có các công trình xử lý chất thải gồm:

+ Hoạt động 01 lò đốt chất thải rắn y tế công suất 20kg/mẻ để xử lý chất thải rắn y tế, khí thải của lò đốt xử lý đảm bảo quy chuẩn QCVN 02:2012/BTNMT trước khi xả ra môi trường.

+ Hoạt động 01 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 90m³/ngày đêm xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo Đề xuất cấp Giấy phép môi trường, Trung tâm không duy trì hoạt động của lò đốt chất thải rắn y tế do thiết bị hoạt động không hiệu quả, thường xuyên hỏng hóc, không đảm bảo quy định vận hành theo quy chuẩn QCVN 02:2012/BTNMT, chi phí vận hành, sửa chữa cao. Do đó Trung tâm đã ngừng hoạt động của lò đốt từ tháng 8/2015, thực hiện thu gom chất thải rắn y tế, chất thải rắn sinh hoạt và bàn giao cho đơn vị đủ chức năng đưa đi xử lý.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung đã được cải tiến, bổ sung công đoạn xử lý và nâng công suất 100m³/ngày đêm, đã được UBND tỉnh cấp phép môi trường năm 2020, xử lý nước thải đạt Quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, k=1,2) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là suối Làng Hin, thuộc thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

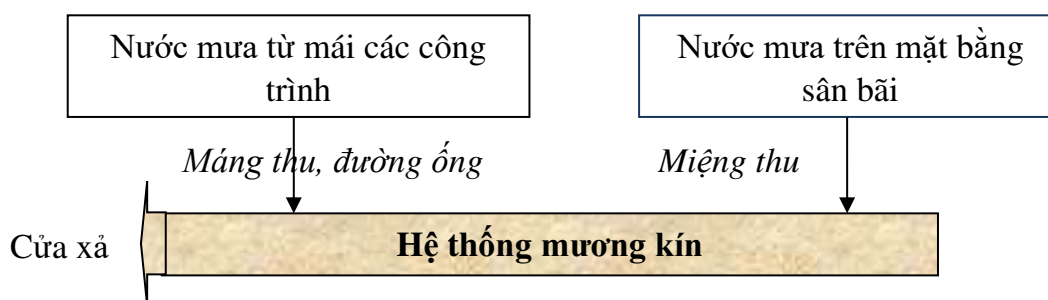
Do đó việc xả nước thải của Trung tâm phù hợp với khả năng tiếp nhận của môi trường.

Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨNH NHAI

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

* Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa:



Hình 5. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa

* Mô tả hệ thống thu gom nước mưa:

+ Để thu gom nước mưa từ mái các công trình văn phòng, các khoa... thiết kế các máng thu trên mái các công trình, sau đó nước mưa được gom theo đường ống nhựa D160 dẫn xuống hệ thống mương kín bố trí quanh chân các công trình, sau đó thoát ra cửa xả nằm gần hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ Đối với mặt bằng khu vực sân nội bộ có bố trí các miệng thu để thu nước mưa dọc theo các tuyến đường vào hệ thống mương kín, có nắp đậy bê tông, sau đó cũng thoát ra cửa xả nằm gần hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước mưa sau khi thoát qua 1 điểm xả vào suối Làng Hin.

Do địa hình mặt bằng khu vực khá dốc so với hệ thống tiêu thoát nước xung quanh nên nước mưa được tiêu thoát khá tốt, không bị úng đọng.



*** Thống số kỹ thuật:**

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa của Trung tâm được đầu tư với thông số kỹ thuật cụ thể như sau:

- Hệ thống đường ống thu nước mưa mái: Tổng chiều dài khoảng 500 m, ống nhựa PVC D160.

- Hệ thống mương kín, nắp đậy bê tông: Dài x rộng x sâu = 400x0,4x0,4 (m)

- Trên hệ thống mương có bố trí 15 hố ga thu nước: kích thước 1 x 1,2 m; xây gạch, trát xi măng, đậy nắp bê tông.

*** Biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước mưa**

- Thiết kế riêng hệ thống thu gom nước thải và nước mưa để tránh lẫn dòng nước thải vào nước mưa.

- Thực hiện quản lý, thu gom chất thải theo quy định, không để rơi vãi trên mặt bằng.

- Quy hoạch các khu tập kết nguyên vật liệu, thiết kế có mái che, không để ngoài trời.

- Hàng ngày, vệ sinh sạch sẽ mặt bằng nhà xưởng, sân bãi.

- Thường xuyên nạo vét hố ga, khơi thông dòng chảy.

Bảng 4. Khối lượng hạng mục thu gom nước mưa của Trung tâm

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Ống PVC D160	m	500
2	Mương kín, nắp đậy bê tông 0,4x0,4	m	400
3	Hố ga lắng cặn 1x1,2m	Hố	15

1.2. Thu gom, thoát nước thải:

*** Nguồn phát sinh nước thải của Trung tâm bao gồm:**

+ Nước thải sinh hoạt: Từ hoạt động sinh hoạt của y bác sỹ trong trung tâm, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách vãng lai, khu nhà giặt là phát sinh khoảng 44,8 m³/ngày (theo số liệu ghi chép trong Nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải của đơn vị).

+ Nước thải xét nghiệm: phát sinh từ phòng xét nghiệm nhưng không chứa thành phần nguy hại, phát sinh tối đa khoảng 0,225 m³/ngày đêm.

Các loại nước thải phát sinh đều có biện pháp, công trình thu gom và xử lý, cụ thể việc thu gom nước thải như sau:

*** Biện pháp, công trình thu gom nước thải:**

- Nước thải phát sinh từ khu xét nghiệm: Nước thải này (phát sinh ít, khoảng 4-6 lít/tháng) không chứa thành phần nguy hại do vậy theo quy định tại Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế, nước thải không chứa thành phần nguy hại được coi là nước thải không nguy hại, vì vậy Trung tâm đưa về trạm xử lý nước thải để xử lý. Nước thải này được thu gom bởi đường ống PVC D75 dài khoảng 20m dẫn ra hố gom nước thải của nhà 5 tầng, sau đó chảy về hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt thu gom như sau:

+ Nước thải xám (nước rửa chân tay, rửa sàn...): được thu gom theo đường ống nhựa D200 chảy ra hệ thống XLNT tập trung.

+ Nước thải đen (phát sinh từ bồn cầu): Được thu gom xử lý tại 7 bể tự hoại đặt tại tất cả các tòa nhà với tổng dung tích 200 m³ sau đó theo đường ống nhựa D200 chảy ra hệ thống XLNT tập trung.

+ Nước từ nhà giặt cũng được thu gom theo đường ống nhựa D200 chảy ra hệ thống XLNT tập trung.

Bảng 5. Bảng tổng hợp hạng mục thu gom nước thải

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Ống nhựa PVC D200	m	378,3 m
2	Ống nhựa PVC D75	m	20 m
3	Hố ga thu gom nước thải, 1,2mx1,2m, BTCT	Hố	28
4	Bể tự hoại	Bể	7

*** Công trình thoát nước thải:**

Nước thải sau xử lý được dẫn xả ra suối Làng Hin bằng đường ống nhựa PVC, D140 có chiều dài khoảng 5m. Từ bể xử lý nước thải cuối cùng có bố trí đường ống nhựa PVC dẫn ra suối qua 1 cửa xả, tại đây nước được thoát ra nguồn tiếp nhận theo chế độ tự chảy tràn theo miệng ống nhựa.

*** Điểm xả nước thải sau xử lý:**

Trung tâm có 01 cửa xả nước thải là ống nhựa PVC, D200, đường ống dẫn được lắp đặt chìm, đoạn miệng ống xả được lắp đặt nằm phía dưới tường rào của Trung tâm.

Tọa độ vị trí xả nước thải của cửa xả là: Tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106⁰30', múi chiếu 3⁰: X = 2406349 m; Y = 454707 m.

1.3. Xử lý nước thải:

Trung tâm có 2 loại nước thải gồm nước thải xét nghiệm và nước thải sinh hoạt, các loại nước thải này được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải có

công suất 100 m³/ngày đêm. Riêng nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại trước khi đưa về trạm xử lý nước thải. Cụ thể như sau:

- Bể tự hoại:

+ Chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng các chất hữu cơ. Nước thải từ các khu nhà vệ sinh trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại. Có tổng số 7 bể tự hoại được bố trí tại các khu vực: Khu hành chính: 01 bể, dung tích 30m³; Khu khám bệnh- xét nghiệm- X quang: 01 bể, dung tích 50m³; Khu vệ sinh ngoài trời: 01 bể, dung tích 30m³; Khu vực khoa dược: 01 bể, dung tích 15 m³; Khoa nội-nhi: 01 bể, dung tích 30m³; Nhà điều trị mới: 01 bể, dung tích 15 m³; Khoa ngoại- sản: 01 bể, dung tích 30m³.

+ Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại như sau:

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 2 chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Bể xử lý được thiết kế với cấu tạo như hình dưới. Bao gồm 3 ngăn: ngăn xử lý yếm khí, ngăn lắng ngang và ngăn xử lý hiếu khí tùy tiện. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Nước thải với thời gian lưu từ 2 - 3 ngày, dưới tác dụng của các vi sinh vật kỵ khí, các tác nhân ô nhiễm được phân huỷ rất cao. Nước thải sau đó được chảy về bể lắng 2 ngăn.

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ qua các bể tự hoại được chảy ngầm theo ống HDPE D200 về trạm xử lý nước thải.

- Trạm xử lý nước thải:

+ Chức năng: xử lý các thành phần hữu cơ và vi sinh trong nước thải.

+ Công suất: 100 m³/ngày đêm

+ Công nghệ: Xử lý yếm khí, thiếu khí kết hợp bể xử lý hiếu khí và màng lọc MBR

* Quy trình vận hành:

Nước thải từ các khoa phòng, nhà giặt, nhà vệ sinh... được thu gom về hệ thống xử lý nước thải gồm các công đoạn sau.

- Hệ thống tách rác (song chắn rác): Trong nước thải sinh hoạt có chứa nhiều cặn thô. Thành phần này cần được tách bỏ để đảm bảo hiệu quả xử lý của các bể tiếp theo.

Việc tách rác được thực hiện bằng lưới ngăn rác, đặt nghiêng để tăng hiệu quả ngăn rác và dễ dàng vệ sinh lưới ngăn. Vệ sinh lưới ngăn rác bằng thao tác thủ công định kỳ, rác này được thu gom cùng với chất thải rắn của trung tâm.

+ Bể điều hoà: Nước thải qua bể điều hoà trước khi đưa vào hệ xử lý. Bể điều hoà có tác dụng điều hoà lưu lượng và ổn định thành phần, nồng độ chất ô nhiễm đầu vào và xử lý sơ bộ. Môi trường hiếu khí trong bể đạt được do sử dụng máy thổi khí cung cấp với kích thước bọt khí nhỏ mịn và trung bình.

- *Cụm bể xử lý AAO:*

Sau khi qua bể điều hòa sơ bộ, nước thải chảy đến khối bể xử lý AAO (Bao gồm các bể yếm khí, rồi sang thiết bị thiếu khí và hiếu khí). Cụ thể như sau:

+ *Tại bể yếm khí:* Bể xử lý vi khuẩn yếm khí dòng ngược với vi sinh lơ lửng được kết hợp với các khối đệm vi sinh bằng PVC chuyên dụng có tác dụng tăng tối đa mật độ vi sinh vật có trong nước thải lên 5.000 – 10.000 ppm đảm bảo hiệu quả trong xử lý yếm khí đạt hiệu suất 75% - 85%. Đạt hiệu quả xử lý cao khi thời gian lưu nước thải tại ngăn xử lý yếm khí từ 5-10h.

+ Sau khi xử lý tại bể yếm khí, nước thải được dẫn sang *bể chuyển tiếp*, sau đó được bơm lên cụm thiết bị thiếu khí.

+ *Tại thiết bị thiếu khí:* Khử Nitơ bằng quá trình xử lý thiếu khí là quá trình thiếu khí trong xử lý nước thải. Một phần nước thải và bùn hoạt tính trong quá trình hiếu khí được bơm tuần hoàn về ngăn thiếu khí để khử Nitrat NO_2 và NO_3 trong nước thải, tức là giảm thiểu nồng độ T – N trong nước thải. Thực chất quá trình này là quá trình oxy hóa các Hydrocacbon bằng Nitơ hóa trị (+3) và (+5) để trở về Nitơ hóa trị (0). Công nghệ này giảm thiểu được chi phí oxy cung cấp cho thiết bị đồng nghĩa với việc giảm chi phí vận hành hệ thống. Đạt hiệu quả xử lý cao khi thời gian lưu nước thải tại ngăn xử lý thiếu khí từ 2-4h.

+ *Tại thiết bị hiếu khí:* xử lý bằng VSV hiếu khí làm giảm BOD, NH_4 , không khí được cấp khí bởi máy sục khí. Trong ngăn này, sử dụng hóa chất có thể oxy hóa sinh hóa chủ yếu hoàn thành trong khi các Nitơ – Amoni sẽ chuyển thành Nitrat bởi quá trình nitrat hóa bằng các vi sinh vật Nitrifiers và khử BOD bằng các vi sinh vật Carboneus. Đạt hiệu quả xử lý cao khi thời gian lưu nước thải tại thiết bị xử lý hiếu khí từ 8-12h.

- *Cụm thiết bị MBR (gồm ngăn lắng, ngăn lọc MBR và ngăn chứa nước sau xử lý):*

Nước thải khi đi vào ngăn lắng theo đường ống trung tâm, nước chảy từ dưới lên trên. Tại đây bố trí các tấm trợ lắng bằng nhựa để tăng hiệu quả lắng, loại bỏ cặn, các tạp chất lơ lửng.

Sau đó nước thải được đưa sang ngăn lọc MBR (*Membrane Bio-Reactor*) - lọc sinh học bằng màng. Công nghệ lọc nước thải bằng màng MBR là một công nghệ tiên tiến hiện nay, đã và đang được ứng dụng rộng rãi.

Không khí được đưa vào tăng cường bằng máy nén khí qua các hệ thống phân phối khí ở đáy bể, đảm bảo lượng oxy hoà tan trong nước thải >2 mg/l. Như vậy tại đây sẽ diễn ra quá trình phân huỷ hiếu khí triệt để, sản phẩm của quá trình này chủ yếu sẽ là khí CO_2 , H_2O và sinh khối vi sinh vật, các sản phẩm chứa nitơ

và lưu huỳnh sẽ được các vi sinh vật hiếu khí chuyển thành dạng NO_3^- , SO_4^{2-} và chúng sẽ tiếp tục bị khử nitrate, khử sulfate bởi vi sinh vật.

Màng MBR được cấu tạo từ vật liệu PVDF, có kích thước mao màng cực nhỏ 0,01 – 0,2 micron nên dễ dàng phân tách giữa pha rắn và pha lỏng, nhờ kích thước rất nhỏ của các khe lọc trên sợi màng nên chỉ có thể cho phân tử nước đi qua và một số chất hữu cơ, vô cơ hòa tan đi qua, ngay cả hệ vi sinh vật bám dính cũng không thể đi qua được do vậy nước sau khi đi qua màng MBR luôn ổn định.

Để duy trì trạng thái hoạt động tốt của màng và lượng nước thẩm thấu qua màng ở lưu lượng cao, màng MBR được lập trình một chế độ hoạt động bao gồm 2 chu trình lọc và rửa song song. Chu trình lọc thường hoạt động khoảng 10 phút và chu trình rửa hoạt động khoảng 2-3 phút.

Nước thải trong ngăn MBR được thẩm thấu qua màng nhờ áp suất âm của bơm sau đó được dẫn về ngăn chứa nước sau xử lý. Nước thải sau xử lý đảm bảo QCVN 28:2010/BTNMT (B) được xả ra nguồn tiếp nhận.

Khử trùng: Thông thường nước thải sau khi lọc qua màng lọc MBR đã đáp ứng QCVN, có thể xả ra nguồn tiếp nhận. Tuy nhiên để dự phòng trong trường hợp màng lọc bị tắc nghẽn thì hệ thống có lắp đặt 01 hệ thống đường ống châm dung dịch javen để khử trùng tại ngăn MBR, hệ thống này có van khóa để điều chỉnh khi sử dụng.

Bể ủ bùn:

Sử dụng để xử lý bùn thải từ ngăn lắng, ngăn lọc, làm ổn định bùn và giảm khả năng lên men tạo khí metan. Thời gian hút bã thải định kỳ của bể ủ là 6 tháng đến 1 năm (sau khi đã giảm thiểu khối tích) tùy thuộc vào hàm lượng cặn trong nguồn thải.

Hoạt động một số thiết bị hệ thống xử lý:

- Hệ thống phân phối khí loại khí mịn: Cấp khí thường xuyên và liên tục cho cụm bể xử lý sinh học hiếu khí để đảm bảo hiệu quả xử lý các chất ô nhiễm hữu cơ có trong nước thải.

- Bơm hồi lưu bùn – vận hành bằng khí: Hoạt động liên tục theo chế độ chạy của bể sinh học.

- Máy thổi khí: 1 chạy 1 nghỉ, luân phiên theo thời gian để đảm bảo an toàn, độ bền cho máy, tránh quá tải.

- Bơm bùn dư: Vận hành gián đoạn theo chế độ chạy của bể sinh học

- Thiết bị tách nước: Hút xả nước trong sau khi đã được xử lý làm sạch.
Nước thải sau xử lý thoát ra ngoài qua 01 cửa xả, chảy ra suối Làng Hin.
Dưới đây là một số hình ảnh của Trạm xử lý nước thải:



Trạm xử lý nước thải



Cụm bể yếm khí

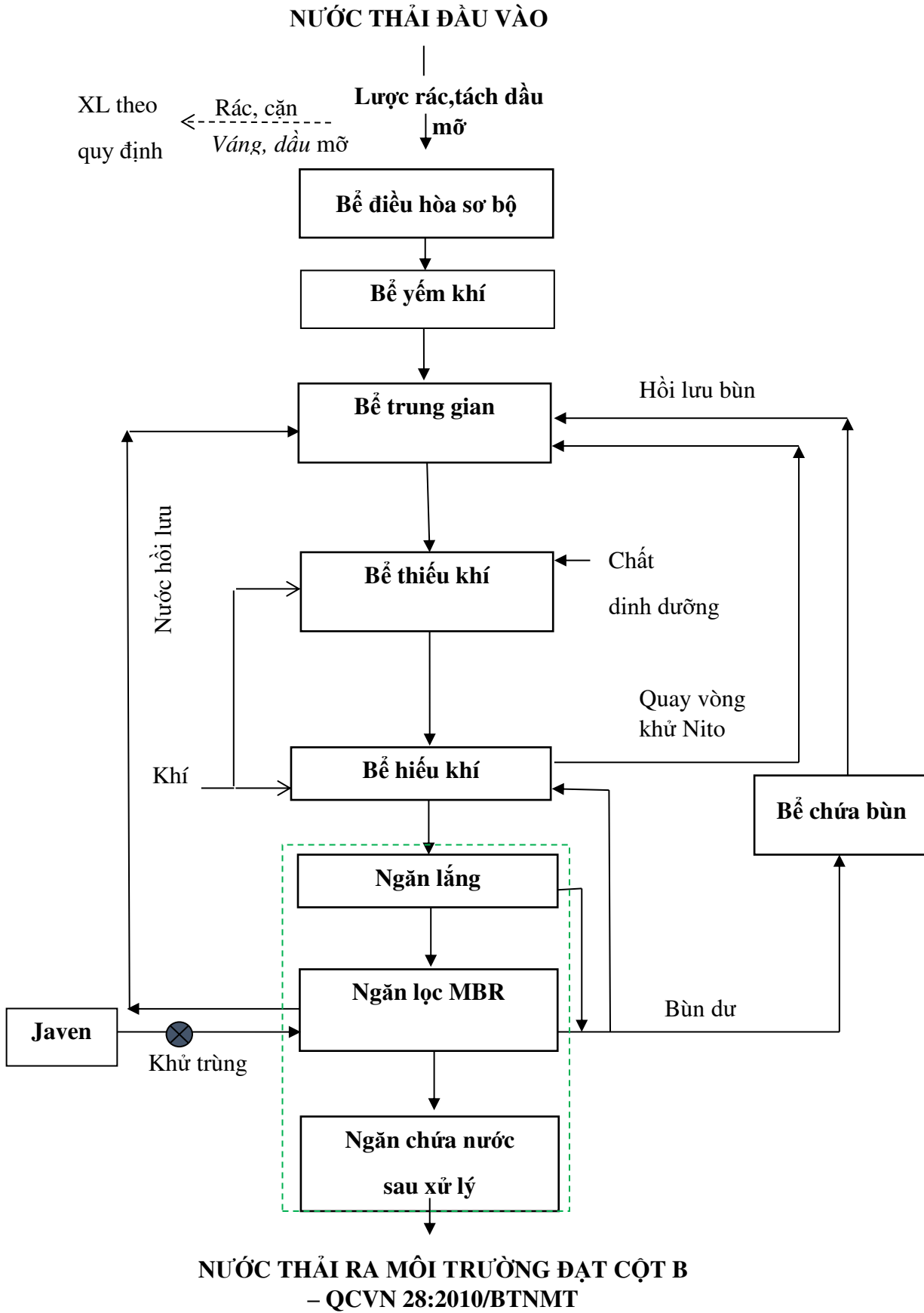


Cụm thiết bị MBR



Vị trí xả nước thải trên suối làng Hin

- Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải



+ Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 6. Kích thước các bể của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên công trình	Thông số (Dài x rộng x cao)	Kết cấu
1	Bể điều hòa	1,5 x 1 x 2m	Móng, nắp đỡ bê tông cốt thép mác 200, trát và đánh màu chống thấm bằng VXM M100, thành dày 20cm, đáy dày 25cm, đặt ngầm
2	Bể yếm khí	3 x 4,6 x 2m	Bể bê tông cốt thép mác 200, trát và đánh màu chống thấm bằng VXM M100, đặt ngầm
3	Bể chuyển tiếp	4,5 x 3 x 2m	Bể bê tông cốt thép mác 200, trát và đánh màu chống thấm bằng VXM M100, đặt ngầm
4	Bể thiếu khí	4,0 x 3 x 2,2 m	Thiết bị hợp khối, vật liệu thép
5	Bể hiếu khí	6,0 x 3 x 2,2 m	Thiết bị hợp khối, vật liệu thép
6	Cụm ngăn lắng, ngăn lọc MBR và ngăn chứa nước sau xử lý	6,3 x 3 x 2,2 m	Thiết bị hợp khối, vật liệu thép
7	Bể chứa bùn	2,5 x 1,9 x 2m	Thiết bị hợp khối, vật liệu thép

+ Danh mục các thiết bị lắp đặt của Trạm xử lý nước thải:

Bảng 7. Chi tiết danh mục thiết bị của Trạm xử lý nước thải

TT	Danh mục	Xuất xứ	Đơn vị	SL	Thông số kỹ thuật
1	Song chắn rác	VN	chiếc	01	Inox SUS 304
2	Bơm nước thải đầu vào	VN	chiếc	01	P= 0,75 kw/380v/50Hz Lưu lượng trung bình: Q _{tb} ≥ 5 m ³ /h Cột áp bơm: h ≥ 6m
3	Bơm nước thải chuyển tiếp	VN	chiếc	01	P= 1,1 kw/380v/50Hz Lưu lượng trung bình: Q _{tb} ≥ 12 m ³ /h Cột áp bơm: h ≥ 6m

TT	Danh mục	Xuất xứ	Đơn vị	SL	Thông số kỹ thuật
4	Bơm bùn tuần hoàn	VN	chiếc	01	P= 0,75 kw/380v/50Hz Lưu lượng trung bình: Q _{tb} ≥ 3 m ³ /h Cột áp bơm: h ≥ 6m
5	Máy thổi khí cạn	VN	chiếc	01	P= 3,7 kw/380v/50Hz Lưu lượng trung bình: Q _{tb} ≥ 1,67 m ³ /ph Cột khí áp đầu ra: h=5m
6	Motor khuấy	VN	chiếc	04	P= 0,4 kw/380v/50Hz Tốc độ: n= 60-80 v/ph
7	Bơm định lượng hóa chất	VN			P= 0,37 kw/380v/50Hz Dải lưu tối thiểu: Q ≥ 0-100 l/h Cột áp: h=5 bar
8	Đệm sinh học	VN	tấm	32	nhựa PVC Diện tích tiếp xúc: 108 m ² /m ³
9	Đĩa phân phối khí	VN	cái	27	EPDM/Polymer đặc biệt Lưu lượng thổi: 0-12 m ³ /h
10	Màng lọc MBR	VN	cái		Lưu lượng xử lý trung bình: 0,4 m ³ /m ² /ngày Lưu lượng xử lý lớn nhất: 0,7 m ³ /m ² /ngày
11	Bộ điều khiển & các modul mở rộng Logo	Siemens - China	Lô	1	Trung tâm tiếp nhận, xử lý các tín hiệu vào, điều khiển các thiết bị vận hành đúng quy trình
12	Phần mềm điều khiển	Nhà thầu	Lô	1	Được lập trình riêng cho từng hệ thống, đảm bảo các thiết bị hoạt động nhịp nhàng, thao tác đơn giản. Phần mềm được phát triển bởi đội ngũ kỹ sư với nhiều năm kinh nghiệm thiết kế, vận hành các hệ thống xử lý nước thải.
13	Tủ điện, các thiết bị đóng cắt (rơ le, cầu dao, contactor...)	Việt Nam/Hàn Quốc	HT	1	
14	Hệ thống dây điện động lực và điều khiển (không bao gồm dây động lực từ nguồn vào tủ điện)	Việt Nam	Lô	1	

+ Chế độ vận hành của trạm xử lý nước thải: liên tục 24/24 giờ.

+ Chế độ xả nước thải: Gián đoạn, chu kỳ xả 01 lần/ngày, thời gian xả 1 chu kỳ 6-8h. Như vậy, mỗi ngày xả 10h, từ 8h sáng đến hết 14-16h chiều.

+ Hóa chất sử dụng: javel 2 lít/ ngày, methanol bổ sung 2 kg/ngày.

Phương án bổ sung javen vào nước thải: Đưa dung dịch javen vào bình chứa đặt lên giá bố trí trong hệ thống, sau đó hệ thống định lượng sẽ tự động cấp dung dịch khử trùng cho hệ thống. Cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải kiểm tra thường xuyên và bổ sung khi hết hóa chất này, và điều khiển nút bơm định lượng javen tại bảng điều khiển.

Tại các khu vực bể phát sinh mùi như bể điều hòa, bể thiếu khí... các bể này đều là các bể ngầm, kín do đó không phát sinh mùi tại các khu vực này, do đó Trạm xử lý nước thải không bố trí tháp xử lý mùi.

- So với hệ thống xử lý nước thải đã đề xuất trong Đề án bảo vệ môi trường, trạm xử lý nước thải sau khi được cải tạo, nâng cấp theo hướng cải tiến công nghệ xử lý tốt hơn và bổ sung công đoạn xử lý để hệ thống xử lý đạt công suất cao hơn.

Theo đề án bảo vệ môi trường phê duyệt năm 2015: Sử dụng công nghệ xử lý hiếu khí aroten truyền thống gồm cụm bể: Bể gom, bể lắng sơ cấp, bể aroten, bể lắng 2, bể tiếp xúc khử trùng, bể chứa bùn. Tuy nhiên từ năm 2018 trung tâm đã được UBND tỉnh phê duyệt công trình Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trạm xử lý và mạng lưới thu gom nước thải Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai tại quyết định số 1920/QĐ-UBND ngày 29/6/2018. Theo đó trạm xử lý nước thải tập trung đã được cải tạo nâng cấp thành công nghệ AAO – MBR, bổ sung thêm các công đoạn xử lý yếm khí, thiếu khí, công đoạn lọc MBR, cải tiến công nghệ sử lý hiếu khí kết hợp giá thể vi sinh, tăng dung tích bể điều hòa, tăng công suất trạm từ 90m³/ngày đêm lên 100m³/ngày đêm.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Về cơ bản Trung tâm y tế huyện Võ Nhai không phát sinh các nguồn thải khí, bụi dạng điểm, do vậy không có công trình xử lý bụi, khí thải. Trung tâm áp dụng các biện pháp để ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm không khí trong khu vực của các phòng ban và xung quanh. Cụ thể như sau:

- Bố trí hệ thống 35 quạt hút gió có đường kính 30cm tại các khoa nhằm giúp không khí khu vực các khoa phòng được thông thoáng, tránh sự sinh sôi của các loại vi khuẩn.

- Trang bị 01 HOTTE (máy khử nhiễm của xét nghiệm) có kích thước cao x rộng x dài = 2x1x1m. Đây là thiết bị đồng bộ trong phòng thí nghiệm, có thiết bị hút và thiết bị xử lý khí độc tại chỗ trong quá trình thực hiện các tiêu bản xét nghiệm. Khí sau khi xử lý theo ống PVC D110 dài khoảng 2m thoát ra môi trường.

- Các biện pháp khác như:

+ Quy hoạch tổng thể mặt bằng đã có sự phân lập ra các khu riêng rẽ như: khu vực khám bệnh, điều trị được bố trí đầu hướng gió, khoa truyền nhiễm, trạm

xử lý nước thải bố trí cuối hướng gió..., các phòng khoa có quy định rõ ràng đối với bệnh nhân cũng như người nhà về nội quy, quy định cũng như công tác vệ sinh, khử trùng riêng biệt.

+ Trồng cây xanh xung quanh và trong khuôn viên sân vườn để tăng mỹ quan và hiệu quả xử lý không khí.

+ Tại các phòng chiếu chụp có phóng xạ tia X lắp đặt điều hòa không khí và quạt hút cách sàn 20 cm để hút khí O₃.

+ Các phòng chuyên môn có bố trí thiết bị kỹ thuật: Tủ hút độc, ống thoát hơi độc, thoát nước, chậu rửa, tủ quần áo phòng hộ...

+ Ban hành quy trình vận hành các thiết bị, niêm yết công khai để thuận tiện cho người vận hành và bệnh nhân theo dõi.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

** Các loại chất thải rắn phát sinh của Trung tâm gồm:*

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường (thức ăn thừa, vỏ hộp, giấy...) phát sinh khoảng 75.000 kg/năm, chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy phát sinh trong quá trình sinh hoạt của y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và nhà ăn của Trung tâm.

- Đối với chất thải tái chế: gồm các loại chai lọ chứa dịch truyền, các loại dây truyền không dính máu thải... phát sinh khoảng 100 kg/năm.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, mương rãnh nạo vét, các hố ga lắng cặn: khối lượng phát sinh khoảng 250 kg/năm. Được định kỳ nạo hút 1 năm/lần và hợp đồng thu gom vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng.

** Biện pháp thu gom:*

- Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn, cụ thể: Mỗi khu nhà đều bố trí khu vực nhà vệ sinh tại mỗi tầng, đặt 02 thùng chứa rác sinh hoạt màu xanh có dung tích khoảng 100 lít/thùng. Rác được nhân viên vệ sinh thu gom hàng ngày bởi các xe đẩy tay, tập kết tại tạm thời tại khu vực có diện tích khoảng 20 m². Hàng ngày Hợp tác xã Phú Cường đến vận chuyển, xử lý theo hợp đồng.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, các hố ga lắng cặn: được định kỳ nạo hút 1 năm/lần hoặc theo dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì hệ thống xử lý. Bùn thải thông thường được tận dụng bón cho cây xanh trong khuôn viên và hợp đồng vận chuyển, xử lý với đơn vị có chức năng.

Bảng 8. Biện pháp thu gom CTR sinh hoạt

Stt	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
1	Thùng chứa rác 100 lít	80 thùng	Được bố trí tại mỗi khoa/phòng
2	Thùng chứa rác 240 lít	05 thùng	Đặt tại vị trí khu dịch vụ, nhà ăn

3	Xe đẩy tay 0,5m ³ /xe	05 xe	Để thu gom từ các tòa nhà
4	Vị trí lưu chứa CTR sinh hoạt	20m ²	Để các xe, thùng chứa rác

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

* Nguồn phát sinh:

- Phát sinh từ quá trình khám, chữa bệnh;
- Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của y bác sĩ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân;

* Các loại CTNH phát sinh tại Trung tâm:

Gồm chất thải nguy hại lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm.

+ Chất thải lây nhiễm gồm các loại: chất thải lây nhiễm sắc nhọn (bơm kim tiêm, dao phẫu thuật...dính máu thải), chất thải lây nhiễm không sắc nhọn (bông băng, gạc, kim tiêm nhựa... dính máu thải), chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao (ống xét nghiệm máu, dịch thải...) và chất thải giải phẫu.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: gồm các loại chất thải nguy hại thông thường như dược phẩm thải bỏ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, pin, ắc quy thải...

Bảng 9. Khối lượng CTNH phát sinh của Trung tâm năm 2023

TT	Loại chất thải	Mã CTNH	Lượng phát sinh (kg/năm)	Đơn vị hợp đồng xử lý
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm chất thải sắc nhọn)	13 01 01	3.708	Công ty TNHH môi trường Sông Công, Công ty TNHH môi trường Công nghiệp Xanh
2	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	1.202	
3	Bao bì có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	18 01 04	1.126	
	Tổng		6.073	

(Nguồn: Số liệu thống kê của trung tâm)

* Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ CTNH:

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn gồm các bơm kim tiêm, dao phẫu thuật...dính máu thải. Chất thải này được thu gom tại mỗi khoa bởi các hộp an toàn có dung tích

15 lít trang bị theo xe tiêm. Sau đó được nhân viên thu gom ngày 2 lần về các thùng chứa màu vàng dung tích 120 lít có dán biển cảnh báo chất thải lây nhiễm sắc nhọn.

- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn gồm các loại bông băng, gạc, kim tiêm nhựa... dính máu thải. Chất thải này được thu gom tại mỗi khoa, đựng trong hộp màu vàng có lót túi nilon màu vàng dung tích 15 lít trang bị theo xe tiêm. Sau đó được nhân viên thu gom ngày 2 lần về các thùng chứa màu vàng dung tích 120 lít có dán biển cảnh báo chất thải lây nhiễm không sắc nhọn.

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao gồm các loại như ống xét nghiệm máu, dịch thải tại khoa xét nghiệm... được thu gom, đựng trong hộp màu vàng có lót túi nilon màu vàng dung tích 15 lít. Sau đó được nhân viên thu gom ngày 2 lần về các thùng chứa màu vàng dung tích 120 lít có dán biển cảnh báo chất thải lây nhiễm không sắc nhọn.

- Chất thải giải phẫu phát sinh từ khu vực phòng mổ được đựng trong 2 lớp túi nilon màu vàng, chứa trong thùng vàng 15l tại khu vực phòng mổ; sau đó được chuyển xuống khu vực chứa chất thải nguy hại, bảo quản trong tủ bảo ôn. Tần suất thu gom về kho chứa là 2 lần/ngày.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: được lưu chứa trong 01 thùng 240 lít màu đen, đặt trong kho lưu chứa CTNH.

Các loại CTNH đều được lưu chứa trong kho CTNH có biển cảnh báo với diện tích khoảng 30 m². Trung tâm ký hợp đồng vận chuyển, xử lý chất CTNH với đơn vị có chức năng để xử lý.

Bảng 10. Thống kê thiết bị lưu chứa CTNH tại Trung tâm

Stt	Hạng mục	Số lượng	Ghi chú
1	Thùng chứa màu vàng 15 lít	60 thùng	Được bố trí theo xe tiêm và phòng mổ
2	Hộp an toàn	40 hộp	Được bố trí theo xe tiêm
3	Thùng chứa màu vàng 120 lít	02 thùng	Chứa chất thải lây nhiễm sắc nhọn có biển cảnh báo chất thải sắc nhọn
4	Thùng chứa màu vàng 120 lít	10 thùng	Chứa chất thải lây nhiễm không sắc nhọn có biển cảnh báo chất thải không sắc nhọn
5	Thùng chứa màu đen 240 lít	01 thùng	Chứa CTNH thông thường
6	Tủ bảo ôn 1200l	01 tủ	Chứa bệnh phẩm thải
7	Kho lưu chứa CTNH	30 m ²	Đặt các thùng lưu chứa CNTH

*** Các biện pháp lưu giữ CTNH khác:**

Ngoài các biện pháp thu gom đảm bảo vệ sinh theo quy định, Trung tâm thực hiện các biện pháp để giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng rác thải, cụ thể như:

- Giảm tại nguồn: Lựa chọn việc mua bán vật tư sử dụng ít gây rác thải hay phát sinh ít rác thải nguy hại, ngăn ngừa lãng phí vật tư.

- Quản lý kho hoá chất và dược phẩm: Đặt hàng với số lượng vừa phải, có hạn sử dụng lâu. Sử dụng các chất liệu có thể tái chế.

- Phân loại chất thải: Phân loại thành các loại khác nhau có thể giảm đáng kể lượng rác thải y tế. Do đó việc này sẽ được thực hiện với ưu tiên cao nhất.

- Phân loại và bao gói chất thải y tế như sau:

+ Mã màu sắc túi đựng chất thải: Màu vàng đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm; Màu đen đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm; Màu xanh đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế thông thường; Màu trắng đối với bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải tái chế.

+ Dụng cụ chứa chất thải y tế: theo quy định của thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT: Có thành cứng, không bị bục vỡ, rò rỉ dịch thải trong quá trình lưu giữ chất thải; Có biểu tượng loại chất thải lưu giữ; Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm phải có nắp đậy kín và chống được sự xâm nhập của các loài động vật; Dụng cụ, thiết bị lưu chứa hóa chất thải được làm bằng vật liệu không có phản ứng với chất thải lưu chứa và có khả năng chống được sự ăn mòn nếu lưu chứa chất thải có tính ăn mòn. Trường hợp lưu chứa hóa chất thải ở dạng lỏng phải có nắp đậy kín để chống bay hơi và tràn đổ chất thải.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm không phát sinh tiếng ồn và rung, tuy nhiên tại các khu vực đặt máy phát điện, máy sục khí của hệ thống xử lý nước thải khi hoạt động sẽ phát sinh tiếng ồn. Đặc điểm của các nguồn phát sinh ồn này là không hoạt động liên tục, chỉ phát sinh gián đoạn và không thường xuyên, do đó ảnh hưởng đến xung quanh là không đáng kể.

Các giải pháp giảm thiểu tiếng ồn mà Trung tâm đã và đang áp dụng là:

- Thường xuyên kiểm tra mức độ cân bằng của các máy móc khi làm việc, thường xuyên bảo dưỡng và bôi trơn máy móc, thiết bị theo định kì.

- Trang bị bảo hộ chống ồn cho cán bộ vận hành máy sục khí của trạm xử lý nước thải.

- Móng các thiết bị máy móc có tải trọng tĩnh và tải trọng động tương đối lớn. Hầu hết các thiết bị đều được đặt trên hệ thống bê tông cốt thép chịu lực với cường độ cao, đặt trong nhà xây để hạn chế tiếng ồn ra xung quanh.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Một số sự cố môi trường có thể xảy ra

- Đối với trạm xử lý nước thải: 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện; Hệ thống cấp khí gặp sự cố; Sự cố với máy bơm...

- Sự cố cháy nổ
- Sự cố rò rỉ nguyên liệu, hóa chất
- Sự cố rò rỉ bức xạ
- Sự cố dịch bệnh bùng phát
- Sự cố tắc nghẽn đường ống của hệ thống thoát nước

6.2. Phương án phòng ngừa, khắc phục các sự cố

** Đối với trạm xử lý nước thải*

- Khi sự cố của HTXLNT xảy ra như: 01 trong các bể bị sự cố phải ngưng hoạt động; nứt vỡ đường ống thoát nước thải hay mất điện... cán bộ vận hành phải kiểm tra mạng lưới cấp, thoát nước của toàn công trình, đặc biệt lưu ý đến mạng lưới thoát nước thải vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến công trình hệ thống XLNT.

- Hệ thống cấp khí gặp sự cố: Việc cấp khí cho hệ thống được thực hiện bởi các máy thổi khí (làm việc luân phiên), khi một máy cấp khí gặp sự cố phải ngưng hoạt động thì máy còn lại sẽ lại làm việc bình thường trong thời gian máy kia đưa đi sửa chữa. Hệ thống đường ống dẫn khí được cung cấp cho các hạng mục bể chứa bùn, bể xử lý sinh học, lượng khí sử dụng cho các hạng mục đều được khống chế bởi các van, trong trường hợp một trong các hạng mục gặp sự cố về đường cấp khí cần phải sửa chữa thì có thể khóa van trong khi các hạng mục khác vẫn hoạt động bình thường.

- Sự cố với máy bơm: Kiểm tra máy bơm xem nước có được đẩy lên hay không. Khi máy bơm hoạt động nhưng không lên nước, kiểm tra lần lượt như sau: Nguồn điện cung cấp năng lượng có ổn định không; Cánh bơm có bị chèn vào chướng ngại vật nào không; Nếu trong lúc bơm có âm thanh lạ cũng cần ngưng bơm ngay lập tức và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố.

- Trong trường hợp không tìm ra nguyên nhân gây nên sự cố, trung tâm sẽ liên hệ với đơn vị cung cấp công nghệ xử lý của trạm để về khắc phục, xử lý.

- Bố trí các máy bơm dự phòng và máy thổi khí dự phòng để sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố bị hỏng bơm hoặc máy thổi khí.

- Ngoài ra luôn đảm bảo việc vận hành trạm xử lý theo đúng quy trình như: Vận hành theo tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ hệ thống

XLNT của trung tâm; Kiểm tra thường xuyên việc vận hành hệ thống XLNT để tránh tình trạng vi phạm quy tắc quản lý; Cán bộ vận hành có kinh nghiệm trong vận hành hệ thống xử lý nước thải và có khả năng khắc phục các sự cố khi xảy ra; Vận hành hệ thống đúng quy trình; Định kỳ bảo dưỡng các dây chuyền xử lý và dự trữ sẵn sàng các thiết bị thay thế cho các dây chuyền xử lý để nhanh chóng khôi phục hoạt động của chúng. Trong quá trình vận hành: Nắm vững về công nghệ; Theo dõi, phân tích định kỳ, quan sát tính biến động của nước thải, các yếu tố bất thường; Ghi chép, lưu giữ thông tin chính xác, dễ truy tìm đủ các tài liệu để tra cứu.

** Phòng chống cháy nổ*

+ Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy bằng bình bọt và bình khí CO₂ và được bố trí tại tất cả các khu nhà của Trung tâm.

+ Có nội quy, tiêu lệnh phòng cháy chữa cháy đầy đủ.

+ Bố trí lực lượng phòng cháy chữa cháy, cử đi tập huấn công tác phòng cháy chữa cháy hàng năm.

+ Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, huấn luyện CBNV và bệnh nhân về phòng cháy, chữa cháy, thoát hiểm an toàn.

+ Khu vực nhà khí được bố trí nằm cách biệt với các khu điều trị, có rào chắn và khóa cửa đảm bảo an toàn công trình.

** Sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu, hóa chất*

Cán bộ công nhân viên đều được đào tạo khi sử dụng các loại nguyên liệu, hoá chất, chúng đều được xử lý theo đúng quy trình quy phạm và đã được cấp phép sử dụng.

** Biện pháp an toàn bức xạ*

Nguồn bức xạ sử dụng trong trung tâm là các máy Xquang nên các yêu cầu an toàn bức xạ được đề ra như sau:

- Bố trí phòng đặt các máy Xquang, máy chụp cắt lớp vi tính riêng biệt không gần các phòng bệnh nhân nằm điều trị, không gần các phòng làm việc của nhân viên các khoa khác, không gần các nhà dân; thiết kế đủ các tiêu chuẩn về chiều cao, diện tích phòng, tường trần trát bazyt, cửa chì. Đảm bảo không có bức xạ lọt ra ngoài khi vận hành máy (theo TCVN 365/2007).

- Kiểm tra an toàn bức xạ đối với máy Xquang và các phòng đặt máy Xquang:

+ Máy Xquang phải được kiểm tra an toàn bức xạ trước khi được lắp đặt.

+ Phòng đặt máy Xquang: phải được cục an toàn bức xạ kiểm tra cấp giấy chứng nhận an toàn bức xạ lần đầu và sau đó mỗi năm kiểm tra 01 lần.

Kết quả quan trắc môi trường lao động hàng năm của Trung tâm đều đạt tiêu chuẩn.

- Kiểm tra an toàn bức xạ đối với cán bộ nhân viên vận hành các máy Xquang:

+ Xây dựng và ban hành nội quy khi vận hành máy Xquang.

+ Các cán bộ nhân viên làm việc tại các phòng Xquang phải được trang bị thiết bị kiểm tra từng cá nhân và kiểm tra sức khoẻ định kỳ theo quy định an toàn bức xạ.

** Biện pháp phòng chống lây lan mầm bệnh và phòng chống dịch bệnh bùng phát*

+ Đối với các bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm cần điều trị cách ly với các khu vực khác.

+ Cán bộ y bác sỹ và người nhà chăm sóc bệnh nhân phải tuân thủ nghiêm các nội quy an toàn của trung tâm, khi khám chữa bệnh, chăm sóc bệnh nhân cần mặc quần áo bảo hộ, đeo khẩu trang và áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn khi cần thiết...

+ Công nhân thu gom rác thải, vận hành hệ thống xử lý nước thải phải được trang bị đầy đủ về bảo hộ lao động.

+ Việc vận chuyển rác đi xử lý tránh vào thời gian cao điểm.

+ Phát huy vai trò của bộ phận chống nhiễm khuẩn.

Ngoài ra, cần phổ biến nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với cán bộ, nhân viên thông qua các buổi họp, lớp tập huấn và tổ chức các buổi tổng vệ sinh toàn cơ quan.

Khi xảy ra dịch bệnh, bên cạnh công tác chữa trị cho bệnh nhân Trung tâm còn làm tốt công tác cách ly với các khu khám bệnh, điều trị khác của để hạn chế lây lan dịch bệnh. Tiến hành khử khuẩn vô trùng khu vực Trung tâm. Khi bệnh nhân mắc bệnh truyền nhiễm chuyển khoa, chuyển viện hoặc ra viện phải thực hiện ngay vệ sinh tẩy uế buồng bệnh, đồ dùng cá nhân.

** Biện pháp giảm thiểu sự cố tắc nghẽn hệ thống thoát nước trong toàn bộ khu vực trung tâm:*

+ Thiết kế riêng biệt hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải.

+ Toàn bộ đường dẫn nước thải là đường ống khép kín; đường thoát nước mưa đều được bố trí nắp đậy để tránh rác, vật cản rơi xuống đường dẫn.

+ Thường xuyên quét dọn, vệ sinh sạch sẽ các phòng ban và khu vực điều trị của bệnh nhân.

+ Các chất thải được thu gom thường xuyên theo đúng quy định.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

So với đề án bảo vệ môi trường được được phê duyệt năm 2015 và giấy phép xả thải năm 2020, đến nay Trung tâm y tế Võ Nhai không thay đổi quy mô hoạt động (hoạt động theo giường bệnh được giao là 175 giường), không thay đổi về công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải. Tuy nhiên có một số thay đổi về cơ cấu tổ chức các phòng ban, trạm y tế trực thuộc và cải tiến nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, ngừng hoạt động lò đốt chất thải y tế. Các thay đổi này không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 37 Luật bảo vệ môi trường 2020, không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 27 Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 9 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP, do đó không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động.

Cụ thể như sau:

Bảng 11. Tổng hợp đánh giá các nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường và giấy phép xả thải đã phê duyệt

Stt	Nội dung	Đề án bảo vệ môi trường (Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 19/1/2016)	Giấy phép xả thải (Giấy phép số 699/GP-UBND ngày 16/3/2020)	Báo cáo cấp phép (hiện trạng)	Đánh giá
I	Về quy mô hoạt động				
1	Quy mô giường bệnh	174 giường	165-180 giường	175 giường	Không thay đổi
2	Cơ cấu tổ chức	05 khoa	14 khoa phòng chuyên môn và 15 trạm y tế phường/xã trực thuộc	14 khoa phòng chuyên môn và 15 trạm y tế phường/xã trực thuộc	Chức năng nhiệm vụ không thay đổi, chỉ tổ chức lại theo Quyết định 1708/QĐ-UBND ngày 21/6/2018, đúng với giấy phép xả thải.
3	Diện tích	26.358 m ²	26.358 m ²	26.358 m ²	Không thay đổi
II	Về công trình bảo vệ môi trường				
1	Nước thải				
	Công suất trạm xử lý nước thải	90 m ³ /ngày đêm	100 m ³ /ngày đêm	100 m ³ /ngày đêm	Tăng so với đề án Không thay đổi so với giấy phép thành phần

	Công nghệ xử lý nước thải	Xử lý sinh học Aroten bùn hoạt tính	Xử lý sinh học: AAO-MBR	Xử lý sinh học: AAO-MBR	So với đề án, công nghệ được nâng cấp, bổ sung công đoạn xử lý sinh học yếm khí, thiếu khí và lọc MBR, không thay đổi so với giấy phép thành phần.
2	Lò đốt chất thải rắn y tế nguy hại	01 lò đốt công suất 20 kg/h để đốt các loại chất thải y tế nguy hại, đề xuất hợp đồng với đơn vị có chức năng	Hợp đồng thu gom, xử lý CTNH với đơn vị đủ chức năng	Hợp đồng thu gom, xử lý CTNH với đơn vị đủ chức năng	Thực hiện đúng lộ trình giảm thiểu ô nhiễm do lò đốt chất thải y tế không hiệu quả, đảm bảo đề án phê duyệt

Chương IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của y bác sỹ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách vắng lai, khu nhà giặt, căng tin trong trung tâm.

+ Nguồn số 02: Nước thải y tế phát sinh từ các hoạt động xét nghiệm, phẫu thuật, điều trị.

Toàn bộ nước thải trung tâm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sau đó xả ra 01 cửa xả.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 100 m³/ngày đêm

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải của trung tâm.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả thải: 01 cửa xả nước thải tại xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai. Tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106⁰30', múi chiếu 3⁰: X = 2406349 m; Y = 454707 m.

+ Phương thức xả thải: tự chảy, gián đoạn, 8h/ngày đêm.

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Làng Hin, đoạn chảy qua xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 12. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải xin cấp phép

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (B) (K=1,2)
1	pH	-	6,5 - 8,5
2	BOD ₅	mg/l	60
3	COD	mg/l	120
4	TSS	mg/l	120
5	S ²⁻	mg/l	4,8
6	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	60
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	12
8	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	12
9	Dầu mỡ	mg/l	24
10	Salmonella	mg/l	KPH

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (B) (K=1,2)
11	Shigella	mg/l	KPH
12	V.Cholerae	mg/l	KPH
13	Coliform	MPN/100ml	5000

Trong đó:

- QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.
 - Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- K = 1,2 áp dụng cho cơ sở khám chữa bệnh.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Trung tâm không phát sinh khí thải do đó không xin cấp phép nội dung này

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: khu vực máy phát điện;

+ Nguồn số 02: Máy bơm, máy thổi khí tại khu vực trạm xử lý nước thải.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, rung xin cấp phép

* *Tiếng ồn, độ rung* đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

Chương V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Tình hình thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại trung tâm:

Trung tâm y tế huyện Võ Nhai được thành lập theo Quyết định số 2033/UB-QĐ ngày 25/12/1990, chịu sự quản lý trực tiếp của UBND huyện Võ Nhai, đồng thời chịu sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ theo hệ thống ngành dọc của y tế tuyến trên. Đến năm 2008, UBND tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 thành lập Bệnh viện đa khoa các huyện Đại Từ, Đồng Hỷ, Phú Lương, Phú Bình, Võ Nhai, Định Hóa, Võ Nhai thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên. Năm 2018, UBND tỉnh ra Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai và Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên.

Trong thời gian qua Trung tâm đã tích cực, chủ động thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Các thủ tục, hồ sơ về môi trường đã thực hiện:

+ Lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai (nay là trung tâm y tế huyện Võ Nhai) được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 19/1/2016.

+ Lập sổ chủ nguồn thải CTNH mã số 19.000171.T, cấp lần đầu ngày 14/10/2013 cho Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai.

+ Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả thải cho Trung tâm y tế huyện Võ Nhai và được UBND tỉnh cấp giấy phép số 699/GP-UBND ngày 16/3/2020.

+ Lập hồ sơ cấp phép khai thác, sử dụng nước dưới đất cho Trung tâm y tế huyện Võ Nhai và được UBND tỉnh cấp giấy phép số 1159/GP-UBND ngày 31/5/2024.

+ Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm;

+ Lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ.

- Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã thực hiện:

(1) Thực hiện tách riêng nước mưa, nước thải. Đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung công suất 90 m³/ngđ từ năm 2008, đưa vào sử dụng năm 2009 với công

nghệ xử lý sinh học sử dụng bể Aroetank – bùn hoạt tính. Đến năm 2018 đầu tư nâng cấp hệ thống xử lý tập trung 100 m³/ngđ, sử dụng công nghệ AAO-MBR, tăng hiệu quả xử lý và duy trì ổn định cho đến nay.

(2) Thực hiện quản lý, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn y tế, nguy hại, sinh hoạt theo đúng quy định: Có kho chứa chất thải nguy hại tạm thời, có các thùng chứa riêng biệt, hợp đồng với đơn vị chức năng đi xử lý.

(3) Thực hiện dừng hoạt động lò đốt chất thải y tế do không đảm bảo hiệu quả xử lý từ tháng 8/2015, chuyển sang hình thức Hợp đồng thuê xử lý.

(4) Thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn dịch bệnh, phòng cháy chữa cháy theo quy định.

- *Các vấn đề liên quan đến môi trường đã gửi cơ quan có thẩm quyền:*
Không có.

2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

- Tổng lưu lượng xả nước thải sinh hoạt, y tế: Năm 2023: Tổng lượng nước thải khoảng 9000 m³, Năm 2024 khoảng 10.000 m³.

- Kết quả quan trắc môi trường định kỳ 2 năm gần nhất:

Bảng 13. Kết quả quan trắc định kỳ năm 2023:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		QCVN 28:2010/ BTNMT (B, K=1,2)
			Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	
1	pH	-	6,9	7	6,9	7	6,7	6,7	7,3	6,8	6,5-8,5
2	BOD ₅	mg/l	54	24,76	19,18	28,9	31,6	16,48	31,21	11,34	60
3	COD	mg/l	93,15	34,32	32,35	48,8	52,95	27,39	59,82	22,3	120
4	TSS	mg/l	31,8	12,4	7,5	3,3	23,9	4,3	15,4	8,3	120
5	S ²⁻	mg/l	<0,1	<0,1	<0,1	<0,1	<0,1	<0,1	<0,1	<0,1	4,8
6	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	<0,3	<0,3	9,2	3,5	<0,3	4,2	1,13	22,02	60
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	49,9	37	8,4	<1,5	40,3	<1,5	54,9	38,1	12
8	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	2,8	4,3	2,7	<0,1	2,84	3,3	<0,1	<0,1	12
9	Coliform	MPN/100ml	3300	200	1000	600	1000	500	6300	<3	5000
10	Salmone lla	VK/100ml	KPH	KPH	<1	<1	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH

11	Shigella	VK/ 100ml	KPH	KPH	<1	<1	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
12	Vibro Cholerae	VK/ 100ml	KPH	KPH	<1	<1	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH

+ Kết quả quan trắc năm 2024:

Bảng 14. Kết quả quan trắc năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đợt 1		Đợt 2		Đợt 3		Đợt 4		QCVN 28:2010/ BTNMY (B, K=1,2)
			Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra	
1	pH	-	7	6,8	6,8	6,8	6,9	6,8	7	6,9	6,5-8,5
2	BOD ₅	mg/l	18,46	12,46	15,76	6,54	13,06	16,36	28,8	14,56	60
3	COD	mg/l	36,77	21,69	30,56	<15	25,75	32,47	56,49	28,8	120
4	TSS	mg/l	<10	<10	11,9	<10	15	<10	11,7	<10	120
5	S ²⁻	mg/l	<0,05	<0,05	<0,05	<0,05	<0,05	<0,05	<0,05	<0,05	4,8
6	NO ₃ ⁻ -N	mg/l	48,7	48,9	34,7	2,2	2,8	2,2	74,5	4,5	60
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	2,2	<1,5	28,4	<0,2	13,97	<0,2	22,3	2,6	12
8	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	5,4	5	2,8	0,7	2,6	1,3	<0,2	0,7	12
9	Colifor m	MPN/ 100ml	KPH	800	11000	94	7000	1100	12000	540	5000
10	Salmone lla	VK/ 100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
11	Shigella	VK/ 100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
12	Vibro Cholerae	VK/ 100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH

Chú thích:

- Giá trị sau dấu "<" thể hiện giới hạn định lượng của phương pháp;
- QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.
- Cột B quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.
- K = 1,2 áp dụng cho cơ sở khám chữa bệnh.

Nhận xét: Kết quả đo và phân tích mẫu nước thải tại cửa xả nước thải của Trung tâm cho thấy: Trong 2 năm 2023, 2024 hầu hết các đợt quan trắc, các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép khi so sánh với QCVN 28:2010/BTNMT (B), chỉ có chỉ tiêu amoni trong đợt quan trắc đợt 1/2023 và đợt 4/2023 vượt quy chuẩn 3 lần. Nguyên nhân: Thời điểm đợt 1/2023, Trung tâm tiến hành bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, hoạt động của hệ vi sinh hoạt động chưa ổn định. Ngay sau khi phát hiện kết quả chưa đạt, trung tâm đã mời đơn vị vận hành bảo dưỡng lên xem xét, hướng dẫn điều chỉnh nuôi cấy hệ vi sinh trong cụm bể sinh học, bổ sung methanol để vi sinh phát triển ổn định.

3. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Hoạt động của trung tâm có 2 nguồn chất thải rắn chủ yếu: chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại. Các loại chất thải hiện tại đều được phân loại và hợp đồng với các đơn vị vận chuyển thu gom và xử lý. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải năm 2023, 2024 cụ thể như sau:

Bảng 15. Khối lượng chất thải chuyển giao xử lý năm 2023, 2024

Stt	Chất thải	Khối lượng phát sinh, chuyển giao (kg/năm)		Tổ chức tiếp nhận
		2023	2024	
1	Chất thải rắn sinh hoạt	70.000	75.000	Hợp tác xã Phú Cường
2	Chất thải nguy hại	6.073	7500	Công ty TNHH môi trường Phú Minh Vina, Công ty TNHH môi trường công nghiệp xanh, Công ty TNHH môi trường sông Công

4. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường

Trong 2 năm gần nhất (2023, 2024) tại trung tâm không có các hoạt động thanh tra, kiểm tra môi trường.

Chương VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Công trình trạm xử lý nước thải tập trung của trung tâm y tế Võ Nhai công suất 100 m³/ngày, sử dụng công nghệ AAO-MBR đã được cấp giấy phép môi trường thành phần (giấy phép số 699/GP-UBND ngày 16/3/2020), do vậy không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điểm h Khoản 1, Điều 31, Nghị định 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định

2.1. Nước thải

Theo quy định tại khoản 1, điều 97, Nghị định 08/2022 ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, lưu lượng xả nước thải của Trung tâm y tế huyện Võ Nhai đạt tối đa 100m³/ngày đêm, không thuộc đối tượng thực hiện thực hiện quan trắc tự động, liên tục và định kỳ đối với nước thải, do đó Trung tâm không đề xuất nội dung này.

2.2. Khí thải

Trung tâm y tế huyện Võ Nhai không có nguồn xả khí thải nên không đề xuất thực hiện nội dung này.

Chương VII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Trung tâm y tế huyện Võ Nhai cam kết:

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ

Trung tâm y tế huyện Võ Nhai cam kết các nội dung, thông tin trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường này và các giấy tờ, tài liệu kèm theo là đúng sự thật và xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

Trung tâm y tế huyện Võ Nhai cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

- Cam kết thực hiện thu gom xử lý toàn bộ nước thải phát sinh về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý trước khi thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, k=1,2).

- Cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại, tái sử dụng, hợp đồng với các đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

- Cam kết thực hiện Quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022. Đồng thời ký hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải có chức năng và đủ thẩm quyền.

- Cam kết thực hiện vận hành thường xuyên, bảo trì bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải đảm bảo hiệu quả.

- Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Trung tâm theo quy định. Chủ động thường xuyên kiểm tra, giám sát, phát hiện các nguy cơ sự cố để kịp thời khắc phục và báo cáo cơ quan chức năng. Đảm bảo trong quá trình hoạt động của Trung tâm không để xảy ra các sự cố về môi trường; trường hợp chất thải không xử lý đạt quy chuẩn môi trường, gây sự cố ô nhiễm môi trường thì Trung tâm phải tạm ngừng hoạt động để sửa chữa, khắc phục và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

- Cam kết tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ trong quá trình thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Nghị định 05/2025/NĐ-CP.

Trung tâm cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu vi phạm các quy định của pháp luật về môi trường./.

PHỤ LỤC

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1708/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai trên cơ sở sáp nhập
Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai và Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai
trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên**

BỆNH VIỆN ĐA KHOA VÕ NHAİ	
CV	Số : 65
ĐẾN	Ngày : 25/6/2018
	Chuyến :

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm y tế xã, phường, thị trấn

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 176-NQ/BCSĐ ngày 29/12/2017 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh Thái Nguyên về công tác cán bộ và tổ chức bộ máy;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai và Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên để thực hiện mô hình Trung tâm Y tế hai chức năng.

- Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu, tài khoản riêng tại kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật.

- Trụ sở làm việc:

+ Cơ sở 1 (trụ sở Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai cũ): Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên .

+ Cơ sở 2 (trụ sở Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai cũ): Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 37/2016/TT-BYT ngày 25/10/2016 của Bộ Y tế.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức, biên chế của Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai:

1. Về tổ chức bộ máy:

1.1. Lãnh đạo: Có Giám đốc và không quá 02 Phó Giám đốc.

1.2. Các phòng, khoa thuộc Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai gồm có:

- Phòng Tổ chức - Hành chính;

- Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ;

- Phòng Tài chính - Kế toán;

- Phòng Điều dưỡng;

- Khoa Khám bệnh;

- Khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm - Hồi sức cấp cứu;

- Khoa Ngoại - Gây mê hồi sức - Liên chuyên khoa (Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng);

- Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng;

- Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản;

- Khoa Dược - Trang thiết bị y tế - Kiểm soát nhiễm khuẩn;

- Khoa Xét nghiệm và Chẩn đoán hình ảnh;

- Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS;

- Khoa Y tế công cộng và dinh dưỡng;

- Khoa An toàn thực phẩm.

Phòng có trưởng phòng và phó trưởng phòng; khoa có trưởng khoa và phó trưởng khoa. Số lượng cấp phó phòng và cấp phó khoa không quá 02 người. Không nhất thiết phòng và khoa đều phải có cấp phó.

1.3. Các đơn vị thuộc Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai:

- Các Trạm Y tế xã: Thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27/10/2015 của Bộ Y tế;

- Cơ sở điều trị và cấp phát thuốc thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone.

2. Biên chế viên chức, số lượng người làm việc của Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai được UBND tỉnh giao theo kế hoạch biên chế hàng năm và nằm trong tổng biên chế của Sở Y tế.

3. Xếp hạng Trung tâm: Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai tạm thời xếp hạng III theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ, chính sách đối với viên chức lãnh đạo, quản lý thuộc Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai theo phân cấp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh và theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Y tế có trách nhiệm:

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và thẩm quyền được giao, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này theo thẩm quyền được phân cấp.

- Chủ trì tổ chức thực hiện chuyển giao nguyên trạng biên chế, nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc và các nội dung khác có liên quan của Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai về Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai theo quy định của pháp luật.

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai và sắp xếp, bố trí biên chế, số lượng người làm việc đối với Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai theo thẩm quyền được phân cấp.

3. Giám đốc các sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các cơ quan có liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn tổ chức thực hiện Quyết định này.

4. Thời gian tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận trong tháng 6 năm 2018; Thời điểm chốt số liệu bàn giao là ngày 30/6/2018. Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai bắt đầu hoạt động kể từ ngày 01/7/2018.

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

- Trong thời gian tổ chức thực hiện tiếp nhận, bàn giao, Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai tiếp tục hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế tài chính đã được giao.

- Trước mắt số lượng cấp phó (Phó Giám đốc) của Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai được phép cao hơn quy định, nhưng khi có cấp phó nghỉ hưu hoặc điều chuyển công tác thì không được bổ sung; đồng thời phải có giải pháp điều chuyển, sắp xếp lại số lượng cấp phó trong thời hạn tối đa 03 năm, kể từ ngày 01/7/2018;

- Các trường hợp là viên chức lãnh đạo, quản lý sau khi sắp xếp tổ chức, được bổ nhiệm có hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo thấp hơn so với phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ hoặc thôi không giữ chức vụ lãnh đạo, được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ lãnh đạo cũ cho đến hết thời hạn giữ chức vụ đã được bổ nhiệm trước khi sắp xếp tổ chức.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, bãi bỏ các quy định trước đây trái với nội dung Quyết định này.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Y tế; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /sp

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Công an tỉnh;
 - Sở Nội vụ (2b);
 - Sở Tài chính (2b);
 - Sở Y tế (4b);
 - Kho bạc Nhà nước tỉnh;
 - LĐVP: Đ/c Linh, Đ/c Trường;
 - Lưu: VT, NC.
- Taint\QuyếtĐinh.22b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Hồng Bắc

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 723 /TNG-GPHĐ

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề Y, Dược - Sở Y tế,

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAI

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật:

Ông HÀ VĂN RÃ

Số chứng chỉ hành nghề: 002607, Ngày cấp: 06/3/2014. Nơi cấp: Sở Y tế Thái Nguyên

Hình thức tổ chức: Bệnh viện đa khoa

Địa điểm hành nghề: Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện phạm vi chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt kèm theo Giấy phép hoạt động.

Thời gian làm việc hằng ngày: 24/24 giờ.

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 7 năm 2018

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Thái Nguyên Thị Bích Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *410* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *06* tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và
mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế
tuyên huyện, tỉnh Thái Nguyên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 04/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyên huyện, tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 401/TTr-SXD ngày 17/02/2023 (kèm theo văn bản thẩm định số 399/SXD-QLXD ngày 17/02/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên, như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện tỉnh Thái Nguyên.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện nhằm đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đồng bộ đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh tại các cơ sở y tế tuyến huyện, tạo điều kiện để người dân có thể tiếp cận với các dịch vụ y tế có chất lượng ngay từ cơ sở, nhất là người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị của tỉnh.

4.2. Quy mô đầu tư:

a) Hạng mục: Xây dựng mới Nhà điều trị và mua sắm trang thiết bị - Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai

- Kiến trúc công trình: Mặt bằng công trình hình chữ nhật kích thước 64,8x24,9m (theo tìm trục thiết kế), quy mô 5 tầng, chiều cao công trình là 23,26m tính từ cốt sân đến mái (cốt +0,00m cao hơn cốt sân +0,75m). Trong đó mặt bằng tầng 1 được bố trí gồm các phòng chức năng, khu vực sảnh chung, hành lang trong nhà, 03 cầu thang bộ, 03 thang máy, khu vệ sinh chung; mặt bằng tầng 2 được bố trí gồm các phòng chức năng, khu vực thông tầng, hành lang trong nhà, 03 cầu thang bộ, 03 thang máy, khu vệ sinh chung; mặt bằng từ tầng 3 đến tầng 5 được bố trí gồm các phòng chức năng, hành lang trong nhà, 03 cầu thang bộ, 03 thang máy, khu vệ sinh chung; mặt bằng tầng tum được bố trí gồm các phòng kỹ thuật, khu vực cầu thang bộ.

- Kết cấu công trình: Kết cấu chịu lực chính là hệ khung cột, kết hợp với hệ dầm, sàn bê tông cốt thép đổ toàn khối trên hệ móng nông dạng móng băng bê tông cốt thép kết hợp với hệ dầm móng bê tông cốt thép trên nền đất tự nhiên; tường nhà được xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác M75#; kết cấu mái công trình là hệ vì kèo thép hình kết hợp với tường thu hồi; bê tông xi măng sử dụng cho công trình mác M250# và M300# đổ toàn khối.

- Vật liệu hoàn thiện, hệ thống kỹ thuật của công trình: Toàn bộ nền và sàn các tầng lát gạch Granite (nền các khu vệ sinh lát gạch chống trơn), bậc cầu thang,

tam cấp được ốp, lát đá Granite; mái nhà lợp tôn chống nóng dày 0,42mm, xà gỗ thép hình, tường gạch xây thu hồi; sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà bằng 03 lớp sơn; hệ thống cửa đi, cửa sổ các phòng bằng khung nhôm định hình pano kính an toàn (một số phòng, khu vực có chức năng đặc thù dùng cửa chuyên dụng); Hệ thống cấp điện, cấp thoát nước trong và ngoài nhà, phòng cháy chữa cháy, chống sét, thông tin liên lạc, khí y tế... được tính toán, thiết kế đồng bộ phù hợp với công năng sử dụng.

- San nền, sân đường nội bộ: San gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình, cao độ thiết kế san nền từ 82,70m đến 83,00m; sân xung quanh công trình được đổ bê tông xi măng; xây mới bồn hoa, cây xanh; hoàn trả một số vị trí đường nội bộ (hạ ngầm đường dây, đường ống hạ tầng kỹ thuật).

- Mua sắm trang thiết bị, gồm có: Máy xét nghiệm sinh hoá các loại, máy chụp X-quang kỹ thuật số chụp tổng quát, máy thận nhân tạo, máy siêu âm tổng quát, máy gây mê, máy hấp tiệt trùng, bàn đờ cơ thủy lực, dao mổ điện cao tần, máy giặt công nghiệp, máy theo dõi bệnh nhân, máy điện tim.

b) Hạ tầng: Xây dựng mới Khu nhà hành chính - Trung tâm Y tế thành phố Phổ Yên

- Kiến trúc công trình: Mặt bằng công trình hình chữ nhật kích thước 30,6x15,0m (theo tim trục thiết kế), quy mô 3 tầng, chiều cao công trình là 13,65m tính từ cốt sân đến mái (cốt +0,00m cao hơn cốt sân +0,75m). Trong đó mặt bằng tầng 1 được bố trí gồm các phòng chức năng, khu vực sảnh chính, hành lang trong nhà, 02 cầu thang bộ, khu vệ sinh chung; mặt bằng tầng 2 và tầng 3 được bố trí gồm các phòng chức năng, hành lang trong nhà, 02 cầu thang bộ, khu vệ sinh chung; mặt bằng tầng tum được bố trí gồm khu vực cầu thang bộ, sân lát gạch (đặt téc nước).

- Kết cấu công trình: Kết cấu chịu lực chính là hệ khung cột, kết hợp với hệ dầm, sàn bê tông cốt thép đổ toàn khối trên hệ móng sâu dạng móng cọc bê tông cốt thép được liên kết thành các đài móng bằng bê tông cốt thép, các đài móng được liên kết với nhau bởi hệ dầm móng bằng bê tông cốt thép đổ toàn khối; tường nhà được xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác M75#; kết cấu mái công trình là hệ xà gỗ, vì kèo thép hình; bê tông xi măng sử dụng cho công trình mác M250# và M300# đổ toàn khối.

- Vật liệu hoàn thiện, hệ thống kỹ thuật của công trình: Toàn bộ nền và sàn các tầng lát gạch Granite (nền các khu vệ sinh lát gạch chống trơn), bậc cầu thang, tam cấp được ốp, lát đá Granite; mái nhà lợp tôn chống nóng; sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà bằng 03 lớp sơn; hệ thống cửa đi, cửa sổ các phòng bằng khung nhôm định hình pano kính an toàn; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước trong và ngoài nhà, phòng cháy chữa cháy, chống sét, thông tin liên lạc... được tính toán, thiết kế đồng bộ phù hợp với công năng sử dụng.

- San nền, sân đường nội bộ: San gạt cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình; sân xung quanh công trình được đổ bê tông xi măng.

c) Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị - Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên

- Cải tạo nâng cấp Nhà khoa khám bệnh (Nhà A):

+ Phần phá dỡ công trình: Phá dỡ tường ngăn một số phòng chức năng, tường ngăn khu vệ sinh, khu vực sảnh chờ tầng 1, một số vị trí nền, sàn nhà (vị trí bổ sung cầu thang, thang máy), một số vị trí mái tôn, cửa đi.

+ Phần cải tạo công trình: Mở rộng không gian sảnh chờ tầng 1, bổ sung sảnh cấp cứu; cải tạo khu vệ sinh, lát lại nền khu vệ sinh bằng gạch Ceramic chống trơn; lát lại nền tầng 2 và tầng 3 bằng gạch Granite; ốp, lát bậc cầu thang và bậc tam cấp bằng đá Granite tự nhiên; xây mới thang máy, thang thoát hiểm PCCC; lắp đặt, thay mới toàn bộ hệ thống điện, cấp thoát nước, PCCC công trình, cửa đi, cửa sổ (bằng khung nhôm định hình pano kính an toàn); sơn lại toàn bộ trong và ngoài nhà bằng 03 lớp sơn.

+ Hoàn trả một số vị trí sân đường nội bộ xung quanh nhà (khi đào móng, hạ ngầm đường dây, đường ống hạ tầng kỹ thuật).

- Cải tạo nâng cấp Nhà điều trị (Nhà D) và Nhà bảo vệ sức khỏe (Nhà E):

+ Phần cải tạo công trình: Thay mới toàn bộ mái tôn; sơn, sửa chữa và lắp chính lại hệ thống xà gồ thép hiện có; tháo dỡ toàn bộ tường thu hồi mái, sàn sê nô mái (Nhà E) và 1 phần sê nô mái nhà (Nhà D); lát lại nền các phòng chức năng, hành lang hiện (Nhà E) bằng gạch Granite; lát lại nền tầng tum (Nhà D) bằng gạch Granite chống trơn; trát lại toàn bộ tường (Nhà E) bằng vữa xi măng mác M75#; thay mới lại toàn bộ hệ thống cửa đi, cửa sổ và vách kính bằng cửa khung nhôm định hình pano kính an toàn; vệ sinh và sơn lại toàn bộ hoa sắt hành lang, cửa sổ; sửa chữa và lắp đặt thay mới toàn bộ hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, PCCC của công trình.

+ Phần nâng cấp, mở rộng: Nâng tầng (Nhà E) từ 2 tầng lên thành 4 tầng; khu vực giữa Nhà D và Nhà E xây khu vệ sinh và cầu thang máy (kết cấu móng cọc bê tông cốt thép, khung, dầm, sàn bê tông cốt thép mác M250# toàn khối, kết hợp với tường xây gạch chịu lực); phá dỡ một số vị trí tường, hành lang Nhà D và Nhà E để đảm bảo kết nối giao thông thuận tiện; hoàn trả một số vị trí sân đường nội bộ (khi đào móng, hạ ngầm đường dây, đường ống hạ tầng kỹ thuật).

+ Mua sắm trang thiết bị: Hệ thống CT-Scanner, máy chụp X-quang.

d) Hạng mục: Xây dựng mới Nhà khoa khám bệnh, khối liên chuyên khoa - Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ

- Kiến trúc công trình: Mặt bằng công trình hình chữ nhật kích thước 42,9x18,0m (theo tìm trục thiết kế), quy mô 5 tầng, chiều cao công trình là 21,15m tính từ cốt sân đến mái (cốt +0,00m cao hơn cốt sân +0,45m). Trong đó mặt bằng tầng 1 được bố trí gồm các phòng chức năng, khu vực sảnh chính, hành lang trong nhà, 02 cầu thang bộ, 02 thang máy, khu vệ sinh chung; mặt bằng từ tầng 2 đến tầng 5 được bố trí gồm các phòng chức năng, hành lang trong nhà, 02 cầu thang bộ, 02 thang máy, khu vệ sinh chung.

- Kết cấu công trình: Kết cấu chịu lực chính là hệ khung cột, kết hợp với hệ dầm, sàn bê tông cốt thép đổ toàn khối trên hệ móng sâu dạng móng cọc bê tông cốt thép được liên kết thành các khối đài móng bằng bê tông cốt thép, các đài móng được liên kết với nhau bởi hệ dầm móng bằng bê tông cốt thép đổ toàn khối; tường nhà được xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác M75#; kết cấu mái công trình là hệ xà gồ, vì kèo thép hình; bê tông xi măng sử dụng cho công trình mác M250# và M300# đổ toàn khối.

- Vật liệu hoàn thiện, hệ thống kỹ thuật của công trình: Toàn bộ nền và sàn các tầng lát gạch Granite (nền các khu vệ sinh lát gạch chống trơn), bậc cầu thang, tam cấp được ốp, lát đá Granite; mái nhà lợp tôn chống nóng; sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà bằng 03 lớp sơn; hệ thống cửa đi, cửa sổ các phòng bằng khung nhôm định hình pano kính an toàn (một số phòng, khu vực có chức năng đặc thù dùng cửa chuyên dụng); hệ thống cấp điện, cấp thoát nước trong và ngoài nhà, phòng cháy chữa cháy, chống sét, thông tin liên lạc... được tính toán, thiết kế đồng bộ phù hợp với công năng sử dụng.

- Hoàn trả một số vị trí sân đường nội bộ xung quanh nhà (khi đào móng, hạ ngầm đường dây, đường ống hạ tầng kỹ thuật).

5. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng, lập, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi:

5.1. Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc TAC.

5.2. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc Thái Nguyên.

5.3. Tổ chức tư vấn thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi: Trung tâm Kiểm định chất lượng xây dựng Thái Nguyên.

6. Địa điểm xây dựng:

- Hạng mục xây dựng mới Nhà điều trị và mua sắm trang thiết bị - Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- Hạng mục xây dựng mới khu nhà hành chính - Trung tâm Y tế thành phố Phổ Yên: Phường Ba Hàng, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- Hạng mục cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế - Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên: Tổ 22, phường Phan Đình Phùng, Thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Hạng mục xây dựng mới nhà Khoa khám bệnh, khối liên chuyên khoa thuộc Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ: Tổ dân phố Sơn Tập III, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

7. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm B, công trình dân dụng, cấp III.

8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

8.1. Số bước thiết kế: Thiết kế hai bước.

8.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 4470:2012 Bệnh viện đa khoa - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9213:2012 Bệnh viện quận huyện - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4319:2012 về Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế.
- TCVN 4601:2012 Công sở cơ quan hành chính nhà nước - Yêu cầu thiết kế.
- TCVN 2737:1995 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5574:2018 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5575:2012 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9362:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.
- TCVN 8053:2009 Tấm lợp dạng sóng - Yêu cầu thiết kế và hướng dẫn lắp đặt.
- TCVN 9207:2012 Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 9385:2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.
- TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 7957:2008 Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 5687:2010 Thông gió - Điều hoà không khí tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình, yêu cầu thiết kế.
- Tiêu chuẩn TCVN 5738: 2021 Hệ thống chữa cháy - hệ thống báo cháy - Yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 5760:1993 Hệ thống chữa cháy - yêu cầu chung về thiết kế, lắp đặt và sử dụng.
- Một số tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành có liên quan khác.
- Văn bản số 6862/BYT-TB-CT ngày 21/11/2019 của Bộ Y tế về việc thực hiện tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực y tế.

9. Tổng mức đầu tư: 163.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi ba tỷ đồng).

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng:	102.662.984.208 đồng;
+ Chi phí thiết bị:	46.859.982.195 đồng;
+ Chi phí quản lý dự án:	2.677.820.398 đồng;
+ Chi phí tư vấn đầu tư:	7.176.741.948 đồng;
+ Chi phí khác:	1.659.199.780 đồng;
+ Chi phí dự phòng:	1.963.271.471 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2023.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2).

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành và văn bản hướng dẫn của Nhà nước để tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ các trình tự, thủ tục, không gây thất thoát, lãng phí tiền, tài sản Nhà nước; đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, tính pháp lý khi triển khai thực hiện dự án.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Y tế, Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên, Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai, Trung tâm Y tế thành phố Phổ Yên, Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên, Bệnh viện đa khoa huyện Đại Từ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Bộ Y tế (b/c);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KGVX

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Đặng Xuân Trường

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *4458* /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *19* tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 kỳ họp thứ 6 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên: số 56/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên; số 114/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số 4221/SXD-QLXD ngày 23/12/2023 của Sở Xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4222/TTr-SXD ngày 23/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên với các nội dung sau:

1. Điều chỉnh quy mô đầu tư xây dựng:

Hạng mục xây dựng mới Nhà điều trị và mua sắm trang thiết bị - Trung tâm y tế huyện Võ Nhai, bổ sung một số nội dung sau:

- Hệ thống xử lý nước RO dùng trong lọc thận nhân tạo được bố trí tại tầng 2 (*thuộc khoa nội, khoa hồi sức cấp cứu*). Hệ thống gồm các phần chính: Bơm tăng áp, hệ thống lọc, hệ thống RO, hệ thống bồn vi sinh, đường ống dẫn nước...

- Hoàn trả hệ thống cấp nước cho công trình hiện có: Đường ống, máy bơm từ giếng khoan hiện có đến bể PCCC và từ bể PCCC đi đến các công trình hiện có của khu bệnh viện.

- Hàng rào nhà điều trị 5 tầng (*tổng chiều dài khoảng 202 m*): Phá dỡ hàng rào cũ; xây mới hàng rào bằng gạch không nung cao 1,9 m, phía trên bố trí rào sắt đặc, tiết diện 12x12 mm, cao 0,4 m.

- Cổng: Cổng chính mở đi ra đường dân sinh phía Đông của công trình, chiều rộng cổng (*tính theo tim trụ cổng*) là 12,0 m, gồm 03 trụ cổng; giữa các trụ cổng bố trí cánh cổng xếp bằng inox có gắn mô tơ tự hành, cánh cổng cấu tạo bằng inox hộp (*60x30x1,4 mm và 20x20x1,2 mm*), bên dưới bịt tấm inox hai mặt dày 2 mm. Cổng phụ mở đi ra đường dân sinh phía Tây của công trình, gồm 02 trụ cổng, chiều rộng cổng (*tính theo tim trụ cổng*) là 5,1 m, gồm 02 trụ cổng, cánh cổng cấu tạo bằng inox hộp (*60x30x1,4 mm và 20x20x1,2 mm*), bên dưới bịt tấm inox hai mặt dày 2 mm.

- Hè: Lát hè xung quanh nhà điều trị 5 tầng bằng gạch bê tông già đá kích thước 60x30x3 cm.

- Nhà chứa hệ thống oxy hóa lỏng: Quy mô 1 tầng có chiều cao là 4,75 m tính từ cốt sân đến đỉnh mái (*cốt +0,00 m cao hơn cốt sân +0,15 m*); mặt bằng nhà hình chữ nhật kích thước 4,9x9,6 m (*theo tim trục thiết kế*) được bố trí gồm 02 phòng và hành lang trước nhà rộng 0,9 m; nền nhà lát gạch đất nung kích thước 400x400 mm, mái nhà lợp tôn dày 0,42 mm trên hệ xà gồ thép hình và tường thu hồi xây gạch; sơn hoàn thiện trong và ngoài nhà bằng 03 lớp sơn; hệ thống cửa đi, cửa sổ các phòng bằng khung nhôm định hình pano kính an toàn; hệ thống cấp điện được tính toán, thiết kế đồng bộ phù hợp với công năng sử dụng; nhà có kết cấu chịu lực chính là hệ khung cột, kết hợp với hệ dầm, sàn bê tông cốt thép đổ toàn khối trên hệ móng nông dạng móng đơn bê tông cốt thép kết hợp với hệ dầm móng bê tông cốt thép trên nền đất tự nhiên; tường nhà được xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác M75#; bê tông xi măng sử dụng cho công trình mác M200# và M250# đổ toàn khối; bên cạnh nhà bố trí hàng rào thép bảo vệ bồn chứa oxy lỏng, dàn hóa hơi và bộ điều áp kép, hàng rào thép bảo vệ cao 2,46 m (*tính từ cốt +0,00m*) có mặt bằng hình chữ nhật kích thước 4,4x4,9 m, cấu tạo bằng khung thép hộp 30x60x2 mm, lưới thép B40, bố trí cửa ra vào rộng 2,0 m.

2. Điều chỉnh cơ cấu tổng mức đầu tư: 163.000.000.000 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 112.397.041.140 đồng;
- Chi phí thiết bị: 33.154.963.412 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 2.650.913.056 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư: 7.175.498.958 đồng;
- Chi phí khác: 1.267.835.552 đồng;
- Chi phí dự phòng: 6.353.747.882 đồng.

3. Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án: Năm 2022 - 2024.

4. Các nội dung khác không điều chỉnh, thực hiện theo Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên căn cứ Luật Xây dựng và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước, tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Y tế, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên; Trung tâm y tế huyện Võ Nhai; Trung tâm Y tế thành phố Phổ Yên; Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên; Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *AW*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- LĐVP UBND tỉnh: Đ/c Nguyễn;
- Lưu: VT, CNN&XD, TH.

tuantt.qd/12 *[Signature]*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**



Đặng Xuân Trường

Số: 207 /QĐ-DADD&CN

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán một số gói thầu giai đoạn thi công Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản số 4295/UBND-CNN&XD ngày 06/9/2022 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư triển khai thực hiện 03 dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 06/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) và phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công năm 2023 của Chương trình phục hồi và



phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1665/QĐ-UBND ngày 18/7/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu giai đoạn thi công Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 192/QĐ-DADD&CN ngày 11/7/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Dự án xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 206/QĐ-DADD&CN ngày 19/7/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Dự án xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ vào chứng thư thẩm định giá số 450.1/CT-VALUINCO/BAN2 ngày 6/7/2023; chứng thư thẩm định giá số 450.2/CT-VALUINCO/BAN2 ngày 15/7/2023 của Công ty CP thẩm định giá và tư vấn đầu tư Quốc Tế;

Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên do Công ty cổ phần tư vấn kiến trúc TAC lập năm 2023; Căn cứ hồ sơ thẩm tra dự toán gói thầu của Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng Thái Nguyên lập tháng 7/2023;

Theo đề nghị của phòng Kế hoạch kỹ thuật tại tờ trình số 85TTr-KHKT ngày 19/7/2023;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán một số gói thầu giai đoạn thi công Dự án đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị cho 04 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thái Nguyên, với các nội dung như sau:

1. Giá dự toán gói thầu số 10: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy hạng mục công trình Xây dựng mới nhà điều trị và mua sắm trang thiết bị-Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai là **67.756.347.582** đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 55.504.344.666 đồng
- Chi phí thiết bị: 10.311.667.706 đồng
- Chi phí MT cho đất tận thu: 4.308.770 đồng
- Chi phí dự phòng: 1.936.026.440 đồng

2. Giá dự toán gói thầu số 11: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy hạng mục công trình Xây dựng mới Nhà khoa khám bệnh, khối liên chuyên khoa – Bệnh viện Đa khoa huyện Đại Từ là **30.560.754.486** đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 27.563.284.091 đồng
- Chi phí thiết bị: 2.128.588.000 đồng
- Chi phí MT cho đất tận thu: 882.430 đồng
- Chi phí dự phòng: 867.999.965 đồng

3. Giá dự toán gói thầu số 12: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy hạng mục công trình Xây dựng mới khu nhà hành chính – Trung tâm Y tế thành phố Phổ Yên là **11.116.542.947** đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 10.610.867.949 đồng
- Chi phí thiết bị: 505.674.998 đồng

4. Giá dự toán gói thầu số 13: Thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị và thi công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy hạng mục công trình Cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị - Trung tâm Y tế thành phố Thái Nguyên là **18.171.205.167** đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 16.246.942.459 đồng
- Chi phí thiết bị: 1.924.262.708 đồng

5. Lý do điều chỉnh: Cập nhật dự toán giá gói thầu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

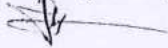
Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật và Các phòng chuyên môn nghiệp vụ căn cứ Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và văn bản pháp luật hiện hành tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Văn phòng, các phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thái Nguyên và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Ban Giám đốc;
- Lưu VT, KHKT (Ha. 5b).



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Minh Tuấn



Số: 592 /QĐ -SYT

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh, chỉ tiêu chuyên môn năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN

Căn cứ Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 960/QĐ-UBND ngày 29/04/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi Điều 2 Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên năm 2024;

Căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sự nghiệp y tế 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Y tế Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch giường bệnh, chỉ tiêu chuyên môn năm 2024 cho các Bệnh viện, Trung tâm Y tế có giường bệnh trực thuộc Sở Y tế Thái Nguyên (Có biểu chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Sở Y tế bao gồm: Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh; Bệnh viện đa khoa các huyện Đại Từ, Phú Bình, Định Hóa; Trung tâm Y tế các huyện Võ Nhai, Phú Lương, Đồng Hỷ, thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên tổ chức thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Nghiệp vụ Y, Nghiệp vụ Dược, Quản lý hành nghề Y-Dược, Thanh tra Sở Y tế, Giám đốc các đơn vị có tên tại Điều 2, Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị y tế liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (thực hiện);
- Ban giám đốc Sở;
- Phòng Y tế các huyện/thành/thị;
- Lưu: VT, KHTC (hoan).



GIÁM ĐỐC

Đặng Ngọc Huy

PHỤ LỤC: 1

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỰ NGHIỆP Y TẾ NĂM 2024 (Chỉ tiêu chủ yếu)

BỆNH VIỆN TUYẾN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số : 592 /QĐ - SYT ngày 22 / 3 /2024 của Giám đốc Sở Y tế)

TT	Đơn vị	Giường bệnh Đa khoa	Giường bệnh chuyên khoa	Điều trị nội trú (Lượt người)	Xét nghiệm	Chân đoán hình ảnh	Phẫu thuật (Loại 1,2,3)	Ngày điều trị nội trú	Ngày điều trị TB / Bệnh nhân
	<i>Đơn vị tính</i>	<i>G</i>	<i>G</i>	<i>BN</i>	<i>Lần</i>	<i>Lần</i>	<i>Lần</i>	<i>Ngày</i>	<i>Ngày</i>
1	Bệnh viện A	750		36.600	2.500.000	120.000	8000	274.500	7,5
2	Bệnh viện C	700		32.846	2.300.000	100.000	4000	256.199	7,8
3	Bệnh viện Gang Thép	500		22.875	900.000	80.000	2.500	183.000	8,0
4	Bệnh viện Phổi		270	7.059	120.000	18.000		98.826	14
5	Bệnh viện YHCT		310	5.972	72.000	5.500		113.460	19
6	Bệnh viện PHCN		130	2.379	20.000	1.000		47.580	20
7	Bệnh viện sức khỏe Tâm thần		150	1.830	12.000	1.000		54.900	30
8	Bệnh viện Mắt		70	4.270	12.000	3000	2200	25.620	6
	Tổng Cộng	1.950	930	113.831				1054.085	

Ghi chú : 1- Chỉ đạo tuyến: Các Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện, Trung tâm y tế tiếp tục thực hiện chỉ đạo tuyến, hỗ trợ tuyến dưới theo chỉ đạo của Sở Y tế tại Văn bản số 317/SYT-NVY ngày 24/01/2024.

2- Chỉ tiêu khám bệnh, điều trị ngoại trú, thực hiện các kỹ thuật thăm dò chức năng, các đơn vị tự xây dựng phù hợp theo thực tế nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân; phù hợp số lượng bàn khám, đảm bảo chất lượng khám và điều trị, giải quyết kịp thời yêu cầu của người bệnh; riêng Bệnh viện Mắt chỉ tiêu phẫu thuật tính cả ngoại viện.

PHỤ LỤC 2:

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SỰ NGHIỆP Y TẾ NĂM 2024 (Chỉ tiêu chủ yếu)
TUYỂN HUYỆN, THÀNH PHỐ
(Kèm theo Quyết định số : 592 /QĐ - SYT ngày 22/3/2024 của Giám đốc Sở Y tế)

TT	Đơn vị	Giường KH Bệnh viện	Điều trị nội trú		Ngày điều trị trung bình
			Lượt người	Ngày	
1	TTYT TP Thái Nguyên	150	7.843	54.901	7
2	BVĐK huyện Phú Bình	285	15.340	104.312	6,8
3	TTYT TP Phổ Yên	160	8.366	58.562	7
4	TTYT huyện Võ Nhai	175	9.419	64.049	6,8
5	TTYT huyện Đồng Hỷ	250	13.071	91.497	7
6	BVĐK huyện Đại Từ	250	14.077	91.501	6,5
7	TTYT huyện Phú Lương	170	9.150	62.220	6,8
8	BVĐK huyện Định Hoá	220	11.503	80.521	7
9	TTYT TP Sông Công	130	6.797	47.579	7
	Cộng	1.790	95.566	655.142	

Ghi chú : 1- Các chỉ tiêu hướng dẫn như sau: Chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng, phẫu thuật, xét nghiệm... giao cho lãnh đạo các đơn vị chỉ đạo xây dựng và giao chỉ tiêu cho các khoa, phòng phân đầu thực hiện, làm cơ sở cho việc bình xét thi đua khen thưởng.

2- Chỉ tiêu khám bệnh và điều trị ngoại trú các đơn vị tự xây dựng phù hợp theo thực tế nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, phù hợp số lượng bàn khám, đảm bảo chất lượng khám và điều trị, giải quyết kịp thời yêu cầu của người bệnh.

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 168 /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai tại thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 1885/QĐ-UBND ngày 30/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo phục hồi môi trường và kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án, kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo phục hồi môi trường/phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường phục vụ phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên ngày 02/11/2015;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được chỉnh sửa bổ sung kèm theo Văn bản số 354/CV-BVVN ngày 25/12/2015 của Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai về việc sửa đổi, bổ sung đối với đề án bảo vệ môi trường chi tiết;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 15/TTr-STNMT ngày 11/01/2016 về việc phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết (sau đây gọi là Đề án) của Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai tại thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi là cơ sở) với các nội dung chủ yếu sau đây:



1. Vị trí, quy mô:

1.1. Vị trí: thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

1.2. Quy mô: 174 giường bệnh, gồm các khoa: Khoa khám bệnh; Khoa sản - Phòng mổ; Khoa Nội - Nhi - Lão; Khoa Dược - Xét nghiệm - Xquang; Khoa y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong Đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường. Trong đó đặc biệt lưu ý đảm bảo các yêu cầu sau:

- Duy trì, vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống lò đốt chất thải rắn y tế; đảm bảo kinh phí và nhân lực duy trì vận hành các hệ thống xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải y tế, chất thải nguy hại đảm bảo:

+ Xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện đảm bảo đáp ứng QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi thải ra môi trường.

+ Xử lý bụi, khí thải đảm bảo đáp ứng QCVN 02:2012/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế trước khi thải ra môi trường;

+ Quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải y tế, chất thải nguy hại theo đúng quy định của Bộ Y tế và các quy định pháp luật bảo vệ môi trường đối với quản lý chất thải và phế liệu (Quyết định số 43/2007/QĐ-BYT ngày 30/11/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế quản lý chất thải y tế; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại).

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình dập bụi lò đốt chất thải y tế đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải;

- Thu gom, xử lý đối với lượng chất thải nguy hại đã tự ý chôn lấp trong khuôn viên bệnh viện.

- Phân tích thành phần bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, tro xỉ lò đốt chất thải rắn y tế để quản lý, xử lý đúng theo quy định.

- Trang bị tủ bảo ôn đủ thể tích lưu chứa toàn bộ lượng chất thải y tế trước khi xử lý theo quy định. Hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại với đơn vị đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật. Tuyệt đối không được chôn chất thải nguy hại trong khuôn viên bệnh viện.

2.3. Thực hiện nghiêm túc chương trình quan trắc môi trường theo Đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt. Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường sau mỗi đợt quan trắc.

2.4. Trang bị 10 thùng chứa loại 50 lít chứa nước thải rửa phim Xquang, nước thải độc hại từ khu xét nghiệm; 02 thùng chứa loại 360 lít có nắp đậy lưu chứa chất thải tái chế và 5 thùng chứa rác thải sinh hoạt loại 10 lít; 02 thùng chứa loại 200 lít có nắp đậy để lưu chứa bóng đèn huỳnh quang, pin thải, 01 thùng chứa loại 20 lít chứa chất thải hóa học nguy hại; trang bị 01 tủ bảo ôn để bảo quản chất thải y tế, thời hạn hoàn thành trong quý 1/2016; Xây dựng 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 15m², thời hạn hoàn thành trong quý 3/2016;

Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành, báo cáo về kết quả thực hiện đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Đề án bảo vệ môi trường của Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai và những yêu cầu bắt buộc trên là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm soát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở. Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu có những thay đổi về nội dung của Đề án đã được phê duyệt, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai đã được phê duyệt và các yêu cầu nêu trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Võ Nhai, Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

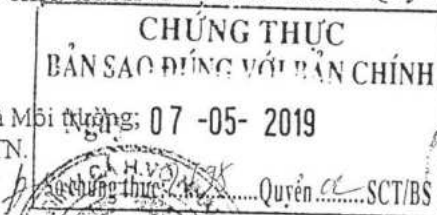
Nơi nhận:

- Như điều 4;

- Bộ Tài nguyên và Môi trường; 07-05-2019

- Lưu: HS, VT, KTN.

DAT. QĐ. 18/01. 10b



Đoàn Văn Tuấn

CHỦ TỊCH
Trịnh Thanh Phương

Số: 699 /GP-UBND

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAI	
Số: 548
ĐẾN Ngày: 26.1.3.2020
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số Điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Trung tâm y tế huyện Võ Nhai đề ngày 18/6/2019 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm y tế huyện Võ Nhai, địa chỉ tại xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, được xả nước thải đã qua xử lý vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Suối Làng Hìn đoạn chảy qua xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

2. Vị trí xả nước thải: Xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Tọa độ vị trí xả nước thải theo hệ tọa độ Quốc gia VN 2000 (Kinh tuyến trục là $106^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): $X = 2406349$ m; $Y = 454707$ m;

3. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý chảy theo đường ống dẫn kín lắp đặt chìm bằng nhựa PVC D140 dài 5m, chảy ra cửa xả phía Tây Nam của trung tâm bằng phương thức tự chảy vào nguồn tiếp nhận.

4. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn (10 giờ/ngày đêm).

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 54 m³/ngày đêm; 5,4 m³/giờ.

6. Chất lượng nước thải: giá trị các thông số ô nhiễm được phép xả vào nguồn nước không vượt quá giá trị quy định tại cột B của QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn Quốc gia về nước thải y tế, với hệ số K = 1,2. Trong đó giá trị các thông số ô nhiễm đặc trưng được quy định ở bảng 1.

Bảng 1. Giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải trước khi xả

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNMT (cột B, hệ số K=1,2)
1	pH	-	6,5-8,5
2	BOD ₅	mg/l	60
3	COD	mg/l	120
4	TSS	mg/l	120
5	S ²⁻	mg/l	4,8
6	NO ₃ -N	mg/l	60
7	NH ₄ ⁺ -N	mg/l	12
8	PO ₄ ³⁻ -P	mg/l	12
9	Dầu mỡ	mg/l	24
10	Coliform	MPN/100ml	5000
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
13	V.cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2

7. Thời hạn cấp giấy phép: 05 (năm) năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Trung tâm y tế huyện Võ Nhai:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước.

3. Thực hiện quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận; quan trắc nước thải trước khi vào hệ thống xử lý; quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải sau khi

qua hệ thống xử lý với các thông số quan trắc quy định tại Bảng 1, Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này; Tần xuất quan trắc 03 tháng/01 lần; quan trắc lưu lượng nước thải: hàng ngày.

4. Thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các biện pháp, kế hoạch giảm thiểu ô nhiễm, khắc phục sự cố và các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

5. Hàng năm, trước 30 tháng 01, tổng hợp báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải, chất lượng nước nguồn tiếp nhận theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 3. Trung tâm y tế huyện Võ Nhai được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi ngày (90) trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm y tế huyện Võ Nhai còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Trung tâm y tế huyện Võ Nhai;
- Cục quản lý tài nguyên nước;
- Sở TN&MT;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND huyện Võ Nhai;
- LĐVP: đ/c Tôn;
- Lưu: HS, VT, CNN.

DAT. QĐ 07/02. 10b



Lê Quang Tiên

Số: 1159 /GP-UBND

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 5 năm 2024

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số Điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất ngày 22/4/2024 của Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 262/TTr-STNMT ngày 22/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai, địa chỉ tại tổ dân phố Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên được khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ cấp nước sinh hoạt cho cán bộ nhân viên và công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai.

2. Vị trí công trình khai thác: Tổ dân phố Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat hệ tầng Bắc Sơn (c-p).

4. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt: Bán kính 20m tính từ miệng giếng khoan.

5. Số giếng khai thác nước dưới đất: 01 giếng khoan.

6. Tổng lượng nước khai thác: 48 m³/ngày đêm.

7. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.

8. Thời hạn của giấy phép là: Mười (10) năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu giếng	Tọa độ (Hệ VN2000, Kinh tuyến trục 106 ^o 30' múi chiều 3 ^o)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mức nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y		Từ	Đến		
GK1	2406491	454696	48	24,0	58,0	28,4	c-p

(Có sơ đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước kèm theo)

Điều 2. Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai có trách nhiệm:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện việc quan trắc mức nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.

3. Bảo vệ nguồn nước do mình trực tiếp khai thác, sử dụng; theo dõi, giám sát các hoạt động trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình. Trường hợp phát hiện hành vi gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ gây ô nhiễm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác nước của công trình và các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước khác trong phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác thì phải kịp thời ngăn chặn, đồng thời báo cáo ngay đến chính quyền địa phương nơi gần nhất để xử lý.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

5. Thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước.

6. Hằng năm, trước ngày 30 tháng 01, tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

8. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường xảy ra liên quan đến hoạt động khai thác nước dưới đất như sụt lún mặt đất, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên nước dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai còn nhu cầu khai thác, sử dụng nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục xin gia hạn giấy phép theo quy định; nếu không có nhu cầu khai thác, sử dụng giếng khoan phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên;
- UBND huyện Võ Nhai;
- Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai;
- Lưu: VT, CNNXD.

Manhpn/5/2024 *Me*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



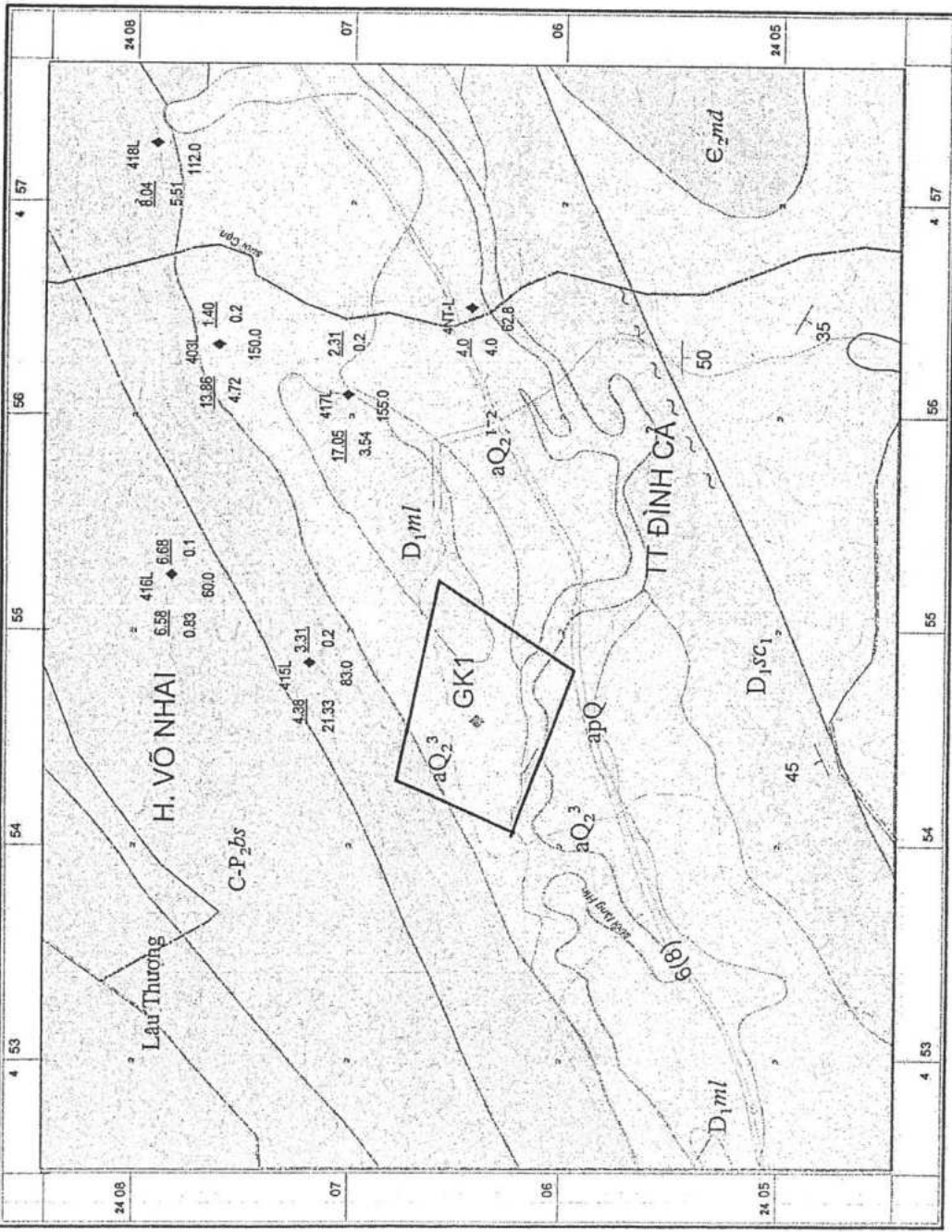
Lê Quang Tiến

SƠ ĐỒ KHU VỰC VÀ VỊ TRÍ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨ NHAI

VỊ TRÍ: TDP LÀNG LƯỜNG, THỊ TRẤN ĐÌNH CẢ - HUYỆN VĨ NHAI - TỈNH THÁI NGUYÊN

(Kèm theo Giấy phép số: .../199...../GP-IBN ngày .../.../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)



CHÚ GIẢI

STT	Ký hiệu giếng khai thác	Tọa độ VN2000- (KTT 106°30'- Múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	GK1	2406491	454696

GK1
 Ký hiệu và chiều sâu giếng xin cấp phép khai thác

- aQ₂³: Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)
- C-P₂bs: Tầng chứa nước karst trong trầm tích Carbonat Hệ tầng Bắc Sơn (c-p)
- D₁ml: Tầng chứa nước karst trong đá trầm tích Lục nguyên Devon dưới (d1)

- Ranh giới ĐCTV
- Đường đồng mức địa hình
- Sông, suối
- Ranh giới Trung tâm y tế huyện Vĩ Nhai

TỶ LỆ 1:25.000



Số: 39 /STNMT-BVMT

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 10 năm 2013

SỞ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH 19.000171.T

(Cấp lần đầu)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải

Tên chủ nguồn thải: Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai.

Địa chỉ: xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

Điện thoại: 02803 827 293

Tài khoản số: 311.01.00.00019 tại Kho bạc Nhà nước Võ Nhai.

Giấy đăng ký kinh doanh số: Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Bệnh viện đa khoa các huyện.

II. Nội dung đăng ký

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải

1. Bảo vệ môi trường, phòng, chống ô nhiễm và suy thoái môi trường;
2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải nguy hại theo đúng phương án đã cam kết; các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định liên quan;
3. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 của Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trong đó đặc biệt lưu ý các nội dung;

- Sao gửi Sở đăng ký chủ nguồn thải CTNH cho UBND thị trấn Đình Cả và UBND huyện Võ Nhai;

- Áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu phát sinh CTNH và phòng ngừa, ứng phó sự cố do CTNH; tự chịu trách nhiệm về việc phân định, phân loại, xác định số lượng CTNH phải đăng ký và quản lý; chịu trách nhiệm đối với CTNH cho đến khi CTNH được xử lý an toàn, triệt để;

- Phân loại CTNH, không để lẫn CTNH khác loại với nhau hoặc với chất thải khác;

- Bố trí nơi lưu giữ an toàn, bảo quản CTNH theo chủng loại trong các phương tiện chuyên dụng, không để rò rỉ và phát tán ra môi trường, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo trên các phương tiện và kho lưu chứa CTNH theo quy định;

- Thực hiện Chứng từ CTNH gồm 5 liên theo quy định; Chuyển liên 5 chứng từ

CTNH tới Sở TN&MT; Lưu trữ với thời hạn 05 (năm) năm toàn bộ Chứng từ CTNH (liên 1 và liên 5) đã sử dụng để sẵn sàng giải trình và cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu;

- Định kỳ 06 tháng một lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý CTNH gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo mẫu tại Phụ lục 4 (A) của Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT;

- Thường xuyên rà soát các loại CTNH phát sinh để thực hiện đăng ký cấp lại sổ chủ nguồn thải CTNH theo quy định tại Khoản 4, điều 16 của Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Thực hiện quan trắc giám sát môi trường 4 lần/năm đối với chất thải và 2 lần/năm đối với môi trường xung quanh và gửi báo cáo quan trắc sau mỗi đợt về Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên để theo dõi.

- Bệnh viện là đối tượng phải lập đề án bảo vệ môi trường, tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn thực hiện. Khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường Bệnh viện phải thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định.

- Khi chấm dứt hoạt động và xin cấp lại sổ phải thông báo bằng văn bản và nộp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

IV. Thời hạn hiệu lực

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:

- Chủ nguồn thải;
- Lưu: VT, BVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Thị Minh Hương

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 19.000171.T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14 tháng 10 năm 2013)

1. Cơ sở phát sinh Chất thải nguy hại

Tên chủ nguồn thải: Bệnh viện đa khoa huyện Võ Nhai.

Địa chỉ: xóm Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai.

Điện thoại: 02803 827 293

Tài khoản số: 311.01.00.00019 tại Kho bạc Nhà nước Võ Nhai.

Giấy đăng ký kinh doanh số: Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Bệnh viện đa khoa các huyện.

2. Danh sách chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
I	Nhóm chất thải lây nhiễm			
1	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn (Bông, băng, gạc...)	Rắn	258	13 01 01
2	Chất thải nguy cơ lây nhiễm cao (Bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính bệnh phẩm)	Rắn/Lỏng	186	
3	Chất thải sắc nhọn (Bơm kim tiêm, đầu nhọn dây truyền, lưỡi dao mổ...)	Rắn	181	
4	Chất thải giải phẫu	Rắn/Lỏng	600	
II	Nhóm chất thải hóa học nguy hại			
1	Hóa chất xét nghiệm thải	Lỏng	750	13 01 02
III	Nhóm chất thải nguy hại khác			
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	24	16 01 06
2	Hóa chất rửa phim	Lỏng	300	19 01 01
3	Chất hàn răng amalgam	Rắn	3	13 01 04
4	Bao bì đựng thuốc rửa phim	Rắn	24	18 01 01
5	Các loại pin thải	Rắn	10	16 01 12
	Tổng số lượng		2.336	

3. Danh sách chất thải thông thường phát sinh thường xuyên

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)
1	Nước thải bệnh viện	Lỏng	12.000
2	Chất thải sinh hoạt (Giấy gói bao bì, vỏ hoa quả, lá cây ...)	Rắn	19.620
3	Vỏ chai, lọ thuốc thông thường	Rắn	1.440
Tổng số lượng			33.060

4. Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải CTNH:

Bộ hồ sơ đăng ký được Sở Tài nguyên và Môi trường Thái Nguyên đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này. Bao gồm:

- Đơn đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại;
- Bản pho to hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường;
- Bản pho to Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 02/10/2008 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Bệnh viện đa khoa các huyện;
- Sơ đồ bệnh viện.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU BÀN GIAO HỆ THỐNG XLNT VÀ HƯỚNG DẪN VẬN
HÀNH, CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

SỐ: 020219

Công trình: Cải tạo mạng lưới thu gom, hệ thống XLNT Trung tâm y tế huyện Võ
Nhai

Hạng mục: Hệ thống XLNT

Hôm nay ngày 02/02/2019 tại Trung tâm y tế huyện Võ Nhai

1. Hệ thống thiết bị được bàn giao và hướng dẫn vận hành: Hệ thống XLNT
trung tâm y tế huyện Võ Nhai

2. Thành phần bàn giao và hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ

2.1/ Thành phần trực tiếp nghiệm thu

• Đại diện Chủ đầu tư

- Ông: Trần minh Tuấn Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật

- Ông: Tạ đức Thảo Chức vụ: Nhân viên kỹ thuật

• Đại diện Nhà thầu thi công

- Ông: Lê xuân Định Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Đỗ ngọc Trung Chức vụ: Giám đốc kỹ thuật

3. Thời gian nghiệm thu, hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ

Bắt đầu: 08 giờ 00 ngày 02 tháng 02 năm 2019

Kết thúc: 17 giờ 00 ngày 09 tháng 02 năm 2019

Tại công trình: Cải tạo mạng lưới thu gom, hệ thống XLNT Trung tâm y tế huyện
Võ Nhai

4. Đánh giá công tác chạy thử thiết bị có tải:

a. Về căn cứ nghiệm thu:



- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi thiết kế được phê duyệt:
- Các biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành trong quá trình chế tạo, lắp đặt.
- Các kết quả kiểm tra, thí nghiệm chất lượng vật liệu, thiết bị được thực hiện trong quá trình chế tạo, lắp đặt.
- Bản vẽ hoàn công do nhà thầu thi công lập
- Biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị.
- Biên bản nghiệm thu chạy thử thiết bị không tải, có tải

b. Về chất lượng chạy thử có tải:

Chất lượng nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu thiết kế!

g. Hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ

Thời gian: Từ ngày 02/02/2019 – 09/02/2019

Các thành phần tham gia hướng dẫn vận hành và chuyển giao công nghệ đã tiếp thu và thực hành thành thạo vận hành hệ thống.

Đơn vị thi công đã cung cấp đầy đủ tài liệu về hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ và bảo trì bảo dưỡng.

5. Kết luận:

Hai bên đã đi đến thống nhất và làm biên bản bàn giao chạy thử, hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ! Thông qua biên bản này bên thi công bàn giao toàn bộ hệ thống cho Chủ đầu tư vận hành.

Chủ đầu tư đủ điều kiện để vận hành hệ thống xử lý nước thải.

Biên bản nay được là 04 bản mỗi bên 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

Hra



GIÁM ĐỐC

Lê Đình



Thái Nguyên, ngày 14 tháng 12 năm 2018

BIÊN BẢN SỐ: 01/BB-NTCT
NGHIỆM THU CHẠY THỬ CÓ TẢI

Công trình: Nâng cấp, cải tạo sửa chữa Trạm xử lý và mạng lưới thu gom nước thải Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai

Địa điểm xây dựng: Thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

1. Đối tượng nghiệm thu: Chạy thử có tải hệ thống xử lý nước thải.

2. Thành phần tham gia trực tiếp nghiệm thu:

a. Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai

- Ông: Hà Văn Rã

Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Hà Văn Bang

Chức vụ: Phó phòng TC-HC

b. Tư vấn QLDA: Công ty cổ phần xây dựng số II Thái Nguyên

- Ông: Trương Đăng Tân

Chức vụ: Phó giám đốc

- Ông: Nguyễn Huấn

Chức vụ: Trưởng ban

- Ông: Lê Hoàng Lương

Chức vụ: Cán bộ

c. Tư vấn thiết kế: Công ty cổ phần Môi trường và cuộc sống Quốc Tế

- Ông: Phạm Văn Trung

Chức vụ: Giám đốc - Chủ trì thiết kế

- Ông: Lê Minh Tuyền

Chức vụ: Thiết kế

d. Đơn vị Tư vấn giám sát: Công ty cổ phần xây dựng số II Thái Nguyên

- Ông: Đàm Tiến Dũng

Chức vụ: Phó giám đốc

- Ông: Nguyễn Văn Bắc

Chức vụ: Tổ trưởng tổ TVGS

e. Đơn vị thi công: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Thăng Long

- Ông: Trang Đức Hùng

Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Phạm Quang Thắng

Chức vụ: Kỹ thuật thi công trực tiếp

3. Nội dung:

Bắt đầu : 8 giờ 00 ngày 14 tháng 12 năm 2018.

Kết thúc: 10 giờ 00 ngày 14 tháng 12 năm 2018.

Tại hiện trường công trình.

4. Đánh giá công tác chạy thử thiết bị có tải:

a. Về căn cứ nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của nhà thầu thi công xây dựng.

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi thiết kế được phê duyệt:

- Quy chuẩn tiêu chuẩn được áp dụng:

TCVN 5639-1991 - Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt- Nguyên tắc cơ bản
 TCVN 5308:1991 - Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng
 TCVN 5638: 1991 - Đánh giá chất lượng công tác xây lắp. Nguyên tắc cơ bản
 - Các biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành trong quá trình lắp đặt.
 - Biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị.

b. Về tiến độ lắp đặt thiết bị:

- Ngày bắt đầu lắp đặt:

- Ngày hoàn thành:

c. Về công suất đưa vào vận hành:

- Theo thiết kế:

Stt	Thiết bị thuộc hệ thống xử lý nước thải
1	<p>Song chắn rác Vật liệu chế tạo: Inox SUS 304. Cấu tạo: Song chắn rác được chế tạo kiểu khung tháo lắp (khung dẫn, định vị lắp cố định; khung lưới chắn rác độc lập giúp thuận lợi cho việc vận hành vệ sinh sửa chữa...).</p> <p>Kích thước song chắn rác: Song chắn thô: B ~ 5cm(dạng song lược hoặc dạng lưới) Song chắn tinh: B~ 0,5cm(dạng song lược hoặc dạng lưới) Khung chính: Inox304 hộp (2x4), khung nên được gia công trực tiếp tại công trình đảm bảo độ chính xác cần thiết theo kích thước thực tế hố ga đầu vào.</p>
2	<p>Bơm nước thải đầu vào Loại bơm: Bơm cạn đầu inox 304 (bơm chuyên dùng cho xử lý nước thải). Công suất: P = 0.75 kw/380v/50Hz Lưu lượng trung bình: Q_{tb} ≥ 5 m³/h Cột áp bơm: h ≥ 6m</p>
3	<p>Bơm nước thải chuyển tiếp Loại bơm: Bơm cạn đầu inox 304 (bơm chuyên dùng cho xử lý nước thải). Công suất: P = 1.1 kw/380v/50Hz Lưu lượng trung bình: Q_{tb} ≥ 12m³/h Cột áp bơm: h ≥ 6m</p>
4	<p>Bơm bùn tuần hoàn Loại bơm: Bơm bùn thải công nghiệp đầu inox 304 Công suất: P = 0.75 kw/380v/50Hz Lưu lượng trung bình: Q_{tb} ≥ 3m³/h Cột áp bơm: h ≥ 6m</p>
5	<p>Máy thổi khí cạn Loại máy: Máy thổi khí cạn Công suất: P = 3,7kw/380v/50Hz Lưu lượng cấp khí: Q_k = 1,67m³/ph Cột áp khí đầu ra: h = 5m</p>
6	<p>Cụm thiết bị định lượng hóa chất * Bồn chứa hóa chất: Thể tích: V = 2000 (lít) Vật liệu: Nhựa LLD PE * Motor khuấy:</p>

	<p>Công suất: $P = 0,4\text{kw}/380\text{v}/50\text{Hz}$ Tốc độ: $n = 60 \div 80\text{v/ph}$ Trục, cánh khuấy: Vật liệu inox 304, hai tầng cánh khuấy * Bom định lượng hóa chất: Công suất: $P = 0.37\text{kw}/380\text{v}/50\text{Hz}$ Dãi lưu lượng tối thiểu: $Q \geq 0 \div 100$ (lít/h) Cột áp: $h = 5\text{bar}$</p>
7	<p>Thiết bị sinh học thiếu khí * Phần thân chính: Kích thước bao: $L \times B \times H = 4,0 \times (2,2) \times (2,5 \div 3,0)$ (m³) Vật liệu chế tạo: Thép CT3 dày 3÷4mm Xử lý bề mặt: Mặt trong phủ lớp Composite chống ăn mòn hóa học; mặt ngoài sơn chống gỉ 02 lớp và sơn phủ hoàn thiện lớp ngoài (sơn Ankyl). Yêu cầu kỹ thuật: Phần khung và gân tăng cứng phải được tính toán chính xác đảm bảo đủ cứng vững cho thiết bị khi vận hành (hạn chế sử dụng kết cấu chịu lực nằm ở phía trong thiết bị). * Motor khuấy: Công suất: $P = 0,4; 0,75\text{kw}/380\text{v}/50\text{Hz}$ Tốc độ: $n = 40 \div 80\text{v/ph}$ Số lượng: 02 cái * Đệm sinh học: Có thể bổ sung khi cần thiết. * Thiết bị tiếp nhận phản ứng. Vật liệu: Nhựa uPVC Số điểm tiếp nhận: 03 vị trí (pH; dinh dưỡng; bùn hoạt tính) Nguyên lý hoạt động: Dựa vào nguyên tắc chảy rối liên tục, hỗn hợp nước thải – hóa chất được đảo trộn hoàn toàn bằng việc điều chỉnh tốc độ và chiều dòng chảy. Thiết bị có tích hợp các vị trí kiểm tra, giám sát chất lượng nước đầu vào giúp thuận lợi cho quá trình vận hành.</p>
8	<p>Thiết bị sinh học hiếu khí * Phần thân chính: Kích thước bao: $L \times B \times H = 6,0 \times (2,2) \times (2,5 \div 3,0)$ (m³) Vật liệu chế tạo: Thép CT3 dày 3÷4mm Xử lý bề mặt: Mặt trong phủ lớp Composite chống ăn mòn hóa học; mặt ngoài sơn chống gỉ 02 lớp và sơn phủ hoàn thiện lớp ngoài (sơn Ankyl). Yêu cầu kỹ thuật: Phần khung và gân tăng cứng phải được tính toán chính xác đảm bảo đủ cứng vững cho thiết bị khi vận hành (hạn chế sử dụng kết cấu chịu lực nằm ở phía trong thiết bị). * Hệ thống cấp khí: Ống dẫn khí nhánh: uPVC (D34÷60) và van điều chỉnh đi kèm. Ống khí trục chính: Ống kẽm D (76 ÷ 110) Đĩa phân phối khí: Lưu lượng thiết kế: 2.5 ÷ 5 m³/h; Lưu lượng thổi: 0 ÷ 12 m³/h; Vật liệu màng: EPDM hoặc Polymer đặc biệt. Số lượng: 27 cái * Đệm sinh học: Kiểu: giá thể vi sinh cố định trong nước thải Diện tích tiếp xúc: 108m²/m³ Kích thước 1000mm*500mm (D*R) Số lượng: 32 tấm tương đương 1m³ Chất liệu nhựa PVC Màu sắc: đen hoặc trắng trong * Đường nước tuần hoàn. Vật liệu: Nhựa uPVC Vị trí công nghệ: Đặt ở vị trí cuối cùng của công đoạn hiếu khí và đó là vị trí xảy ra quá</p>

	<p>trình Nitrat mạnh mẽ nhất. Nguyên lý hoạt động: Đường ống được điều khiển bằng 1 van cơ học hiệu chỉnh một lần</p>
9	<p>Thiết bị sinh học MBR * Phần thân chính: Kích thước bao: LxBxH = 6,0x(2,2)x(2,5÷3,0) (m³) Thể tích hữu dụng: V = V1 + V2 = 3,0x2,2x3,0 + 1,5x0,8x2,0 Vật liệu chế tạo: Thép CT3 dày 3÷4mm Xử lý bề mặt: Mặt trong phủ lớp Composite chống ăn mòn hóa học; mặt ngoài sơn chống gỉ 02 lớp và sơn phủ hoàn thiện lớp ngoài (sơn Ankyll). Yêu cầu kỹ thuật: Phần khung và gân tăng cứng phải được tính toán chính xác đảm bảo đủ cứng vững cho thiết bị khi vận hành (hạn chế sử dụng kết cấu chịu lực nằm ở phía trong thiết bị). * Màng lọc MBR: Loại Màng: Dạng tấm phẳng (Flat Sheet) Kích thước lỗ rỗng: 0,2 μm Vật liệu màng: Polyethersulfone (PES) Lưu lượng xử lý trung bình: 0,4 m³/m²/ngày Lưu lượng xử lý lớn nhất: 0,7 m³/m²/ngày Chất rắn lơ lửng sau xử lý: Nhỏ hơn 1,0 ppm Lưu lượng sục khí thiết kế: 0.63 ~1.76 m³/m²/h Cách vận hành: 08 phút chạy, 02 phút nghỉ. Hàm lượng MLSS: 5.000 - 12.000 mg/l chịu tải đến 16.000 mg/l Chất lượng nước sau xử lý: BOD: 5 mg/l ; COD: 10 mg/l ; SS: 1 mg/l * Hệ thống cấp khí: Ống dẫn khí nhánh: uPVC (D34÷60) và van điều chỉnh đi kèm. Ống khí trực chính: Ống kẽm D (76 ÷ 110) Địa phân phối khí: Lưu lượng thiết kế: 2.5 ÷ 5 m³/h; Lưu lượng thổi: 0 ÷ 12 m³/h; Vật liệu màng: EPDM hoặc Polymer đặc biệt. Số lượng: 12 cái</p>
10	<p>Sàn công tác, mái che khu xử lý * Cầu thang, sàn công tác Kích thước chính: Sàn chính: B = 1,6 (m) Sàn phụ: B = 1,0 ÷ 1,25 (m) Chiều cao lan can: 0,8 ÷ 1(m) Bề rộng cầu thang: B = 1m * Mái che khu xử lý: Kích thước: LxBxH ~ 11,7x9,5x6,3 (có thay đổi) Được thiết kế đồng bộ cho hệ thống.</p>
11	<p>Tủ điện điều khiển Kiểu vỏ tủ: Sử dụng tủ dạng 2 lớp vỏ, trong đó lớp ngoài là lớp bảo vệ mặt điều khiển của tủ. Độ dày vỏ tủ: 1,5 ÷ 2mm Chế độ vận hành: Auto & Man (Trong đó chế độ Man chỉ sử dụng khi cần hiệu chỉnh hoặc sửa chữa hệ thống. Thông thường tủ sẽ được vận hành Auto hoàn toàn với tín hiệu điều khiển từ van điện từ đo mực đặt tại bể thu gom số 2). Quy trình vận hành, kiểm soát thiết bị theo sơ đồ công nghệ được thiết lập riêng cho hệ thống)</p>
12	<p>Đường ống công nghệ Bao gồm các hạng mục: Đường ống cấp khí (từ máy thổi khí tới thiết bị sinh học hiếu khí và tới bể thu gom đầu vào: Sử dụng ống kẽm và ống uPVC); Đường ống đầu nối bơm bùn tuần hoàn, bùn dư, đường bơm hóa chất... trong hệ thống</p>

- Theo thực tế đạt được: Theo đúng công suất thiết kế.

d. Về đặc điểm về biện pháp để bảo vệ an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng: Đảm bảo.

e. Về khối lượng:

- Theo thiết kế được duyệt: Hoàn thành toàn bộ hệ thống xử lý nước thải.

- Theo thực tế đạt được: Đúng theo hồ sơ thiết kế.

f. Về chất lượng chạy thử có tải: Đạt theo yêu cầu của bản vẽ thiết kế và các tiêu chuẩn, qui phạm áp dụng.

g. Những sửa đổi trong quá trình thi công so với thiết kế được duyệt: Không có.

h. Các ý kiến khác (nếu có):

5. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu để cho triển khai giai đoạn thi công tiếp theo.


ĐẠI DIỆN TƯ VẤN QLDA
CÔNG TY
CƠ PHÂN
XÂY DỰNG
SỐ II
THÁI NGUYÊN
PHÓ GIÁM ĐỐC
Trương Đăng Tân

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM
Y TẾ
HUYỆN
VÕ NHAİ
GIÁM ĐỐC
Hà Văn Rã

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN THIẾT KẾ

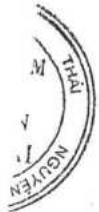
ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT

M.S.D.N: 4600307093-C.T.C.P
CÔNG TY
CƠ PHÂN
XÂY DỰNG
SỐ II
THÁI NGUYÊN
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
KS: *Đàm Thiên Dũng*

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG

M.S.D.N: 4600758830
CÔNG TY
TƯ VẤN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG
THĂNG LONG
THÁI NGUYÊN - T. THÁI NGUYÊN

GIÁM ĐỐC
KS. *Trang Đức Hùng*


M THÁI NGUYÊN

Số: 127 /QĐ-TTYT

Võ Nhai, ngày 26 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Thành lập Tổ quản lý, vận hành
Trạm xử lý và mạng lưới thu gom nước thải

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAI

Căn cứ Quyết định số 1708/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tổ chức lại Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai và Bệnh viện Đa khoa huyện Võ Nhai trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 23/01/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành công trình: Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa Trạm xử lý và mạng lưới thu gom nước thải Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai;

Căn cứ Quyết định số 278/QĐ-SYT ngày 28/02/2017 của Giám đốc Sở Y tế Thái Nguyên về việc ban hành qui định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tiền lương, công chức, viên chức và hợp đồng lao động trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Y tế tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ quản lý, vận hành Trạm xử lý và mạng lưới thu gom nước thải Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai gồm các Ông (bà) có tên sau:

1. Ông Hà Văn Bang – Phó trưởng phòng TCHC – Tổ trưởng;
2. Ông Trần Minh Tuấn – Cán bộ phòng TCHC – Tổ viên;
3. Ông Tạ Đức Thảo – Cán bộ khoa Dược – TTBYT – KSNK – Tổ viên;

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của tổ quản lý, vận hành Trạm xử lý và mạng lưới thu gom nước thải chịu trách nhiệm quản lý, vận hành Trạm xử lý theo đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao.

Nhiệm vụ của các tổ viên do Tổ trưởng phân công.

Điều 3. Trưởng phòng TC-HC, Phòng KH-NV, Phòng Tài chính – Kế toán, khoa Dược – TTBYT – KSNK và các ông, bà có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT,TC(in 5bản).



Hà Văn Rã

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI
Số: 1001/2024/CNX-TTYT

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

Căn cứ Bộ luật Thương mại số 36/2005/QH11 được chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam lý ban hành ngày 27/6/2005;

Căn cứ luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc hội Nước Cộng-hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.

Căn cứ Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022.

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TTLT-BYT, ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ- HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-TTYT ngày 09/01/2024 về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu rút gọn gói thầu Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai năm 2024.

Căn cứ theo nhu cầu và khả năng thực tế của hai đơn vị.

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai. Chúng tôi gồm:

Bên A: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAİ

Địa chỉ : Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
Người đại diện : Ông HÀ VĂN RÃ Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại : 0208 3827293 Fax:
Tài khoản : 3716.2.1068274.00000 - Tại kho bạc Nhà nước Võ Nhai
Mã số thuế : 4600695784

Bên B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH

Địa chỉ : Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Thắng, Thành phố Phúc Yên,
Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Người đại diện : Ông ĐỖ VIỆT BÌNH Chức vụ: Giám đốc.
Điện thoại : 0211.2219010
Tài khoản : 258389988 Tại Ngân hàng VP bank – CN Phúc Yên
Mã số thuế : 0102169887

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau:

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển chất thải:

1. Địa điểm bàn giao chất thải tại: Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
Địa chỉ: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
2. Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải – Thôn Thanh Cao – xã Ngọc Thanh – TP Phúc Yên – tỉnh Vĩnh Phúc
3. Thời gian giao nhận: Theo kế hoạch phát sinh chất thải Bên A. Mỗi đợt bàn giao chất thải bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước ít nhất 02 ngày (bằng điện thoại, email hoặc fax) hoặc theo sự thống nhất của hai bên.
4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng theo quy định của pháp luật và nhân công bốc xếp.

Điều 3: Danh mục, đặc tính chất thải, đơn giá:

1. Danh mục chất thải và đơn giá xử lý theo bảng sau:

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VND)	Khối lượng dự kiến	Thành tiền
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Kg	13 01 01	13.800	1043,4	14.398.920
2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	Kg	13 01 02	13.800	1043,4	14.398.920
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào	Kg	13 01 03	13.800	1.043,4	14.398.920
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Kg	13 02 03	13.800	1.043,4	14.398.920

5	Dung dịch thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	Kg	19 01 01	7.500	912	6.840.000
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg	16 01 06	13.800	1.043,4	14.398.920
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	Kg	08 02 04	7.500	912	6.840.000
8	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải	Kg	03 05 08	5.000	0	0
9	Pin, ắc quy thải	Kg	16 01 12	7.500	912	6.840.000
10	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	Kg	18 01 04	7.500	912	6.840.000
	Cộng					99.354.600

- Đơn giá trên chưa bao gồm VAT theo quy định hiện hành;
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

2. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập bảng kê hai bên cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng cho từng tháng để làm cơ sở thanh toán và xuất hóa đơn tài chính.

Điều 4: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

Giá trị hợp đồng ước tính thực hiện: 99.354.600 đồng. Số tiền bằng chữ: *Chín mươi chín triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn sáu trăm đồng/.*

Giá trên chưa gồm thuế VAT

Giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển.

- Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức thanh toán bằng chuyển khoản, đồng tiền là Việt Nam đồng (VND). Căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai bên.

- Sau đợt chuyển giao CTNH, hai bên A và B sẽ lập biên bản bàn giao khối lượng đã chuyển giao để làm căn cứ cho xuất hóa đơn và thanh toán.

- Thời gian thanh toán: Việc thanh toán được thực hiện sau khi hai bên tiến hành chốt công nợ hàng tháng và bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ và các chứng từ chất thải có liên quan.

Điều 5: Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định theo từng loại chất thải.

Điều 6: Trách nhiệm và quyền lợi của các Bên:

1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:

a. Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các loại chất thải theo quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp chất thải lên xe vận chuyển của bên B. Hỗ trợ xe nâng (nếu có) trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào công cơ quan.

b. Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.

c. Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.

d. Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B.

e. Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong chất thải bàn giao cho Bên B.

f. Cử người hướng dẫn nội quy, quy định của Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.

g. Ký biên bản bàn giao chất thải và lập, ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ chứng từ CTNH cho bên B ngay khi bàn giao chất thải cho bên B theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 20/2021-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

h. Cung cấp thông tin về thành phần, nguồn gốc phát sinh của các loại chất thải để làm cơ sở tính toán phương án xử lý của bên B.

i. Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B

a. Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

b. Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải:

c. Đảm bảo đủ điều kiện xử lý chất thải theo đúng các qui định của Luật bảo vệ môi trường.

d. Có phương án xử lý sự cố khi tràn đổ, rò rỉ, hỏa hoạn chất thải và Bên B phải có trách nhiệm đào tạo nhân viên của mình phương án xử lý sự cố đó. Có trách nhiệm cải tiến công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất, giảm chi phí xử lý và đảm bảo thân thiện với môi trường.

e. Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải

f. Có trách nhiệm xuất trình cho bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ ba về việc xử lý những chất thải nguy hại mà Bên B không được phép xử lý.

e. Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải an toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai Bên.

f. Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành.

g. Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải an toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai Bên, tuân thủ các nội quy và quy định của Bên A và phù hợp với pháp luật hiện hành.

h. Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

i. Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành.

k. Có trách nhiệm xác nhận hoàn thành việc xử lý vào “Chứng từ chất thải nguy hại” và xuất hóa đơn tài chính hợp lệ đúng thời hạn.

l. Khi chất thải đã bàn giao ra khỏi phạm vi cơ sở của Bên A, nếu có bất kỳ sự cố hoặc vấn đề phát sinh nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường,...) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Điều 7: Giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có thay đổi hay vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thương lượng và giải quyết thỏa đáng bằng văn bản. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Vĩnh Phúc giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí xét xử và chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.

Điều 8: Bảo mật

a. Hợp đồng này và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hợp đồng này là tài liệu riêng của các bên tham gia hợp đồng và không bên nào được tiết lộ cho bên thứ ba (trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật)

b. Khi hợp đồng chấm dứt, hai bên không được tiết lộ hoặc cung cấp cho bên thứ ba bí mật liên quan đến hoạt động thương mại, bí quyết kinh doanh của cả hai bên trong thời gian thực hiện hợp đồng và sẽ không đưa ra bất kì phản đối nào.

Điều 9: Trường hợp bất khả kháng

a. Bất khả kháng: là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát và không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên. Những sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm: bạo loạn, chiến tranh, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận vận tải.

b. Nếu bất khả kháng xảy ra, bên xảy ra bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho bên kia về hoàn cảnh và nguyên nhân gây ra sự kiện đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.

c. Trường hợp bất khả kháng kéo dài sau 30 ngày, hai bên sẽ gặp nhau để tìm biện pháp giải quyết.

Điều 10: Các điều khoản chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết và thống nhất bằng văn bản, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia 3 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.

3. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

4. Trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực bên A không được giao chất thải cho bất kỳ bên thứ ba nào khác.

5. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu các bên không thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án kinh tế nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch, án phí do bên thua chịu.

Điều 11: Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng 365 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực

Điều 12: Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký Hợp đồng

2. Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với bên A và bên B, không có hiệu lực với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

3. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Hà Văn Rã

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Số: 02.2024/SC – TTYTVN

HỢP ĐỒNG**THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ**

Căn cứ luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 được quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.

Căn cứ Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021, quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

Căn cứ Quyết định số 439 /QĐ-TTYT ngày 27/9/2024 của Giám đốc Trung tâm y tế huyện Võ Nhai về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại, chất thải y tế 3 tháng cuối năm 2024

Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2024, Tại văn phòng Công ty TNHH Môi trường Sông Công. Chúng tôi gồm:

Bên A: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAİ

Địa chỉ : Tổ dân phố Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện : Ông: **HÀ VĂN RÃ** Chức vụ: **Giám đốc**

Điện thoại : 0208 3827293 Fax:

Tài khoản : 3716.2.1068274.00000 – Tại: Kho bạc nhà nước Võ Nhai.

Mã số thuế : 4600695784

Bên B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG SÔNG CÔNG

Địa chỉ : Thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, TP Sông Công, tỉnh Thái

Nguyên.

Người đại diện : Ông: **HOÀNG CHÍ THỨC** Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**
Điện thoại : 0989.691.668 Fax:
Tài khoản : 0961000555888 Tại ngân hàng Vietcombank – CN Đông Anh
Mã số thuế : 4601328385

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau:

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải y tế (bao gồm chất thải nguy hại và không nguy hại, chất thải tái chế) phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh của Bên A theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Điều 2: Đặc tính chất thải, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

1. Đặc tính chất thải: Chất thải y tế (Bao gồm chất thải nguy hại và không nguy hại, chất thải tái chế) phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh của Trung tâm y tế huyện Võ Nhai. Các chất thải có thể ở dạng rắn, bùn hoặc lỏng.

2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho tập kết lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại của bên A.

- Địa chỉ: Tổ dân phố Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

3. Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Công ty TNHH Môi trường Sông Công, thôn Tân Mỹ 2, xã Tân Quang, TP Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

4. Thời gian giao nhận: Bên A báo trước cho Bên B mỗi giai đoạn thực hiện trước 01 ngày.

5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng và nhân công bốc xếp.

Điều 3: Hình thức hợp đồng, đơn giá và thể thức thanh toán:

1. Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định

2. Công ty TNHH Môi trường Sông Công nhận thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý các loại chất thải nguy hại, không nguy hại và chất thải y tế của Trung tâm y tế huyện Võ Nhai với chủng loại và đơn giá cụ thể như sau:

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Khối lượng dự kiến	Thành tiền
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc)	Kg	13 01 01	14.000	1.500	21.000.000

2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	Kg	13 01 02	14.000	200	2.800.000
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào	Kg	13 01 03	14.000	200	2.800.000
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Kg	13 02 03	14.000	200	2.800.000
5	Dung dịch thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	Kg	19 01 01	8.100	100	810.000
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính	Kg	16 01 06	14.000	100	810.000
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	Kg	08 02 04	8.100	100	810.000
8	Pin, ắc quy thải	Kg	16 01 12	8.100	100	810.000
9	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	Kg	18 01 04	8.100	200	1.620.000
10	Chi phí vận chuyển	Chuyến		800.000	12	9.600.000
	Cộng					43.860.000

Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng./.

Ghi chú:

- Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 8%.
- Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

3. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập bảng kê hai bên cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng cho từng tháng để làm cơ sở thanh toán.

4. Phương thức thanh toán:

Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VNĐ).

Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt, căn cứ trên khối

lượng được thu gom, vận chuyển và xử lý nạo vét theo biên bản giao nhận giữa hai Bên.

Căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai Bên, việc thanh toán được thực hiện sau khi bên A nhận được hóa đơn tài chính và các giấy tờ liên quan hợp lệ.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền lợi của các Bên:

1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:

a, Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các loại chất thải theo quy định.

b, Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng.

Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.

c, Bố trí xe nâng hỗ trợ bên B xếp các thùng đựng chất thải nặng lên phương tiện vận chuyển.

d, Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B.

e, Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong chất thải bàn giao cho Bên B.

f, Cử người hướng dẫn nội quy, quy định ra vào Trung tâm y tế huyện Võ Nhai cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.

g, Lập, ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ chứng từ CTNH cho bên B sau mỗi lần bên B vận chuyển chất thải theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT

h, Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn.

1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B

a, Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại.

b, Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải:

- Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP.
- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10 tháng 01 năm 2022
- Luật bảo vệ môi trường của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 72/2020/QH14, Hiệu lực ngày 01/01/2022.

c, có trách nhiệm xuất trình cho bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ ba về việc xử lý những chất thải nguy hại mà Bên B không được phép xử lý.

d, Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải an toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất

giữa hai Bên, tuân thủ các nội quy và quy định của Bên A và phù hợp với pháp luật hiện hành.

e, Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

f, Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành.

g. Có trách nhiệm xác nhận hoàn thành việc xử lý vào “Chứng từ chất thải nguy hại” và xuất hóa đơn tài chính hợp lệ đúng thời hạn.

Điều 5: Bảo mật thông tin

a, Hợp đồng này và các giấy tờ, tài liệu liên quan đến hợp đồng là tài liệu riêng của các bên tham gia hợp đồng. Không bên nào được tiết lộ cho bên thứ ba nào khác (trừ trường hợp bắt buộc theo quy định của pháp luật)

b, Khi hợp đồng chấm dứt, tất cả các bên không được tiết lộ bất cứ bí mật về hoạt động thương mại, bí mật kinh doanh trong thời gian thực hiện hợp đồng của hai bên.

Điều 6: Trọng tài

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có thay đổi, vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thương lượng và giải quyết thỏa đáng bằng văn bản. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Toà án Kinh tế Tỉnh Thái Nguyên giải quyết. Phán quyết của toà án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí xét xử và chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.

Điều 7: Trường hợp bất khả kháng

a, Bất khả kháng: là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát và không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên. Những sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm: bạo loạn, chiến tranh, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận vận tải.

b, Nếu bất khả kháng xảy ra, bên xảy ra bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho bên kia về hoàn cảnh và nguyên nhân gây ra sự kiện đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.

c, Trường hợp bất khả kháng kéo dài sau 30 ngày, hai bên sẽ gặp nhau để tìm biện pháp giải quyết.

Điều 8: Các điều khoản chung:

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết và thống nhất bằng văn bản, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp

đồng.

3. Mọi sửa đổi bổ xung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

4. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu các bên không thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án kinh tế nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch, án phí do bên thua chịu.

Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày kí đến 31/12/2024.

2. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau./.

Điều 10: Thông tin liên hệ thực hiện hợp đồng:

1. Mọi thông tin cần trao đổi, Quý khách hàng vui lòng liên hệ với Mr. Dũng theo số điện thoại: 0982203553 - 0961111899 Email: dung.trantuan@moitruongsongcong.vn

2. Mọi thông tin yêu cầu về lịch thu gom, vận chuyển xin vui lòng liên hệ bộ phận Kinh doanh hoặc Mr Huy: 0961.360.220, Mrs Thu: 0981.126.828, Email: vanchuyen@moitruongsongcong.vn


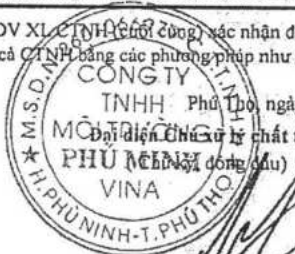
ĐẠI DIỆN BÊN A *Dũng*



Dũng
GIÁM ĐỐC
Hà Văn Rã






H
TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Chí Chức

TỈNH/THÀNH PHỐ PHÚ THO			CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 01/2023/I-2-3-4-5-6.016.VX				
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina			Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX				
Địa chỉ văn phòng: Số 115-Lô C2 Khu nhà ở 3ha, Trung tâm thương mại, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội			ĐT: 096 119 2626				
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu Xử Lý Rác Thái, X. Tràm Thân, H. Phù Ninh, Phú Thọ.			ĐT: 02103.764.765				
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:.....			Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):.....				
Địa chỉ văn phòng:.....			ĐT:.....				
Địa chỉ cơ sở/ đại lý:.....			ĐT:.....				
3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Võ Nhai			Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):				
Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên			ĐT: 0208 3827293				
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Tổ dân phố Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên			ĐT: 0208 3827293				
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	106	TĐ
2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	x			13 01 02	-	TĐ
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào	x			13 01 03	-	TĐ
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 02 03	-	TĐ
5	Dung dịch thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước		x		19 01 01	-	XLN
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	-	XLBD
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	x			08 02 04	-	TĐ
8	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	-	TĐ
9	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	TCAQ
10	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	x			18 01 04	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiều/loại/kết tủa);OH (oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu sót); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....					Cửa khẩu nhập:.....		
Số hiệu phương tiện:					Ngày xuất cảng:.....		
Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4					Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-20600		
7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:			Lê Duy Cứ		Ký: <i>[Chữ ký]</i> Ngày: 09/01/2023		
7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....			Ký:.....		Ngày:.....		
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4(hoặc 5)			8. Chủ CS DV XL CTNH (Đơn vị) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4				
Thái Nguyên, ngày 9 tháng 1 năm 2023 Đại diện Chủ nguồn thải <i>[Chữ ký đồng dấu]</i>  GIÁM ĐỐC Hà Văn Rã			Phú Thọ, ngày 14 tháng 1 năm 2023 Đại diện Chủ cơ sở xử lý chất thải <i>[Chữ ký đồng dấu]</i>  TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang				

Liên số: 1 2 3 4

Ghi chú : (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/ THÀNH PHỐ PHÚ THỌ				CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 02/2023/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina				Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX			
Địa chỉ văn phòng: Số 115-Lô C2 Khu nhà ở 3ha, Trung tâm thương mại, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội				ĐT: 096 119 2626			
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu Xử Lý Rác Thái, X. Trạm Thán, H. Phú Ninh, Phú Thọ.				ĐT: 02103.764.765			
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:.....				Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):.....			
Địa chỉ văn phòng:.....				ĐT:.....			
Địa chỉ cơ sở/ đại lý:.....				ĐT:.....			
3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Võ Nhai				Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):			
Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên				ĐT: 0208 3827293			
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên				ĐT: 0208 3827293			
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	310	TĐ
2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	x			13 01 02	37	TĐ
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào	x			13 01 03	-	TĐ
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 02 03	-	TĐ
5	Dung dịch thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước		x		19 01 01	-	XLN
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	-	XLBĐ
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	x			08 02 04	-	TĐ
8	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	-	TĐ
9	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	TCAQ
10	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	x			18 01 04	63	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đói); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sợ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....				Cửa khẩu nhập:.....			
Số hiệu phương tiện:				Ngày xuất cảng:.....			
Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-20600			
7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Lê Duy Cừ				Ký: <i>Lư</i> Ngày: 14/02/2023			
7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....				Ký:..... Ngày:.....			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Thái Nguyên, ngày 14 tháng 2 năm 2023 Đại diện Chủ nguồn thải <i>gao</i> (Chữ ký, đóng dấu)  GIÁM ĐỐC Hà Văn Rã				Phú Thọ, ngày tháng năm 2023 Đại diện Chủ xử lý chất thải (Chữ ký, đóng dấu)			
Liên số: <input type="checkbox"/> 1 <input type="checkbox"/> 2 <input type="checkbox"/> 3 <input type="checkbox"/> 4 <input type="checkbox"/>							
Ghi chú : (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/ THÀNH PHỐ PHÚ THỌ			CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 05/2023/1-2-3-4-5-6.016.VX				
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina			Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX				
Địa chỉ văn phòng: Số 115- Lô C2 Khu nhà ở 3ha, Trung tâm thương mại, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội			ĐT: 096 119 2626				
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu Xứ Lý Rác Thái, X. Trạm Thán, H. Phú Ninh, Phú Thọ.			ĐT: 02103.764.765				
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:.....			Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):.....				
Địa chỉ văn phòng:.....			ĐT:.....				
Địa chỉ cơ sở/ đại lý:.....			ĐT:.....				
3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Võ Nhai			Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):				
Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên			ĐT: 0208 3827293				
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên			ĐT: 0208 3827293				
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	267	TĐ
2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	x			13 01 02	-	TĐ
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào	x			13 01 03	-	TĐ
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 02 03	-	TĐ
5	Dung dịch thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước		x		19 01 01	-	XLN
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	-	XLBD
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	x			08 02 04	-	TĐ
8	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	-	TĐ
9	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	TCAQ
10	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	x			18 01 04	211	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....					Cửa khẩu nhập:.....		
Số hiệu phương tiện:					Ngày xuất cảng:.....		
Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 19H 02734			
7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:			Lê Văn Chung		Ký:..... Ngày: 04/04/2023		
7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....					Ký:..... Ngày:.....		
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Thái Nguyên, ngày 4 tháng 4 năm 2023				Phú Thọ, ngày M. tháng 04. năm 2023			
Đại diện Chủ nguồn thải: <i>Đào</i>				Đại diện Chủ xử lý chất thải			
(Chữ ký, đóng dấu)				(Chữ ký, đóng dấu)			
							
GIÁM ĐỐC Hà Văn Rã				TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang			
Liên số: 1 <input type="checkbox"/> - 2 <input type="checkbox"/> - 3 <input type="checkbox"/> - 4 <input type="checkbox"/>							
Ghi chú : (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH PHỐ
PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 06/2023/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 115- Lô C2 Khu nhà ở 3ha, Trung tâm (thương mại), Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội ĐT: 096 119 2626
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu Xứ Lý Rác Thái, X. Trạm Thân, H. Phú Ninh, Phú Thọ. ĐT: 02103.764.765

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Võ Nhai Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0208 3827293
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0208 3827293

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	280	TĐ
2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	x			13 01 02	-	TĐ
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào	x			13 01 03	-	TĐ
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 02 03	-	TĐ
5	Dung dịch thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước		x		19 01 01	-	XLN
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	255	XLBD
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	x			08 02 04	-	TĐ
8	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	-	TĐ
9	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	TCAQ
10	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	x			18 01 04	-	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:
Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-20600

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hoàng Thanh Tùng Ký: Ngày: 04/05/2023

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Thái Nguyên, ngày 4 tháng 5 năm 2023
Đại diện Chủ nguồn thải
(Chữ ký, đóng dấu)


GIÁM ĐỐC
Hà Văn Rã

Phú Thọ, ngày 11 tháng 5 năm 2023
Đại diện Chủ xử lý chất thải
(Chữ ký, đóng dấu)


TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

*Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 07/2023/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 115- Lô C2 Khu nhà ở 3ha, Trung tâm thương mại, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội ĐT: 096 119 2626

Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu Xứ Lý Rác Thái, X. Trại Thân, H. Phù Ninh, Phú Thọ. ĐT: 02103.764.765

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở/ đại lý: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Võ Nhai Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0208 3827293

Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Tổ dân phố Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0208 3827293

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	517	TD
2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	x			13 01 02	-	TD
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào	x			13 01 03	-	TD
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 02 03	-	TD
5	Dung dịch thuốc hiện ánh và trắng phim gốc nước		x		19 01 01	-	XLN
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	-	XLBĐ
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	x			08 02 04	-	TD
8	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	-	TD
9	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	TCAQ
10	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	x			18 01 04	312	TD

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-20600

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hoàng Thanh Tùng Ký: Ngày: 13/06/2023

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4(hoặc 5)

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 6 năm 2023
Đại diện Chủ nguồn thải
(Chữ ký, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 18 tháng 6 năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1 -2 -3 -4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/ THÀNH PHỐ

PHÚ THỌ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 08/2023/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina

Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 115- Lô C2 Khu nhà ở 3ha, Trung tâm thương mại, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội

ĐT: 096 119 2626

Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu Xử Lý Rác Thái, X. Trạm Thôn, H. Phú Ninh, Phú Thọ.

ĐT: 02103.764.765

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/ đại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Võ Nhai

Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0208 3827293

Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0208 3827293

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	491	TD
2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	x			13 01 02	-	TD
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào	x			13 01 03	-	TD
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 02 03	-	TD
5	Dung dịch thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước		x		19 01 01	-	XLN
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	281	XLBD
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	x			08 02 04	-	TD
8	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	-	TD
9	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	TCAQ
10	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	x			18 01 04	-	TD

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-20600

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:

Hoàng Thanh Tùng

Ký:

Ngày: 15/07/2023

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 7 năm 2023

Đại diện Chủ nguồn thải

GIÁM ĐỐC
Hà Văn Ra

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 15 tháng 7 năm 2023

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn QuangLiên số: 1 -2 -3 -4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ

PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 09/2023/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina

Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX

Địa chỉ văn phòng: Số 115- Lô C2 Khu nhà ở 3ha, Trung tâm thương mại, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội

ĐT: 096 119 2626

Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu Xử Lý Rác Thái, X. Trạm Thân, H. Phú Ninh, Phú Thọ.

ĐT: 02103.764.765

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:

Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở/ đại lý:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Võ Nhai

Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0208 3827293

Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

ĐT: 0208 3827293

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	391	TD
2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	x			13 01 02	-	TD
3	Các loại được phẩm gây độc tế bào	x			13 01 03	-	TD
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 02 03	-	TD
5	Dung dịch thuốc hiện ánh và trắng phim gốc nước		x		19 01 01	-	XLN
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	-	XLBD
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	x			08 02 04	-	TD
8	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	-	TD
9	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	TCAQ
10	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	x			18 01 04	280	TD

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-20600

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hoàng Thanh Tùng Ký: Ngày: 15/08/2023

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Đại diện Chủ nguồn thải

(Chữ ký đồng đầu)

GIÁM ĐỐC
Hà Văn Ra

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phú Thọ, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Đại diện Chủ xử lý chất thải

(Chữ ký đồng đầu)

TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn QuangLiên số: 1 2 3 4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lỗ CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/ THÀNH PHỐ

PHÚ THỌ

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 10/2023/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
 Địa chỉ văn phòng: Số 115- Lô C2 Khu nhà ở 3ha, Trung tâm thương mại, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội ĐT: 096 119 2626
 Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu Xử Lý Rác Thái, X. Trám Thán, H. Phú Ninh, Phú Thọ. ĐT: 02103.764.765

2. Chủ CS DV XLCTNH 2:..... Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):.....
 Địa chỉ văn phòng:..... ĐT:.....
 Địa chỉ cơ sở/ đại lý:..... ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Võ Nhai Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):
 Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Láng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0208 3827293
 Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Tổ dân phố Láng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0208 3827293

4. Khai khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	510	TĐ
2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	x			13 01 02	-	TĐ
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào.	x			13 01 03	-	TĐ
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 02 03	-	TĐ
5	Dung dịch thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước		x		19 01 01	-	XLN
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	-	XLBĐ
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	x			08 02 04	-	TĐ
8	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	-	TĐ
9	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	TCAQ
10	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	x			18 01 04	260	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loc/kết tủa); OH (oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 291H-20600

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hoàng Thanh Tùng Ký: *[Ký]* Ngày: 21/09/2023

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) *[Ký]*

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 9 năm 2023

Đại diện Chủ nguồn thải
(Chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Hà Văn Rũ

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4



Phú Thọ, ngày 28 tháng 9 năm 2023



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/ THÀNH PHỐ PHÚ THỌ			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 11/2023/1-2-3-4-5-6.016.VX				
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina			Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX				
Địa chỉ văn phòng: Số 115- Lô C2 Khu nhà ở 3ha, Trung tâm thương mại, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội			ĐT: 096 119 2626				
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu Xứ Lý Rác Thái, X. Trạm Thàn, H. Phú Ninh, Phú Thọ			ĐT: 02103.764.765				
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:.....			Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):.....				
Địa chỉ văn phòng:.....			ĐT:.....				
Địa chỉ cơ sở/ đại lý:.....			ĐT:.....				
3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Võ Nhai			Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):				
Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên			ĐT: 0208 3827293				
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên			ĐT: 0208 3827293				
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	356	TĐ
2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	x			13 01 02	-	TĐ
3	Các loại dược phẩm gây độc tế bào	x			13 01 03	-	TĐ
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 02 03	-	TĐ
5	Dung dịch thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước		x		19 01 01	-	XLN
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	320	XLBĐ
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	x			08 02 04	-	TĐ
8	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	-	TĐ
9	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	TCAQ
10	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	x			18 01 04	-	TĐ
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....					Cửa khẩu nhập:.....		
Số hiệu phương tiện:					Ngày xuất cảng:.....		
Cửa khẩu xuất:.....							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4					Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-20600		
7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:			Hoàng Thanh Tùng		Ký : <i>[Ký]</i> Ngày: 18/10/2023		
7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....			Ký :.....		Ngày:.....		
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4(hoặc 5) <i>[Ký]</i>			8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4				
Thái Nguyên, ngày 18 tháng 10 năm 2023 Đại diện Chủ nguồn thải (Chữ ký, đóng dấu)			Phú Thọ, ngày 25 tháng 10 năm 2023 Đại diện Chủ xử lý chất thải (Chữ ký, đóng dấu)				
 GIÁM ĐỐC Hà Văn Rã			 TỔNG GIÁM ĐỐC Lê Văn Quang				
@Liên số: 1 <input type="checkbox"/> - 2 <input type="checkbox"/> - 3 <input type="checkbox"/> - 4 <input type="checkbox"/>							
Ghi chú : (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/ THÀNH PHỐ
PHÚ THO

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 12/2023/1-2-3-4-5-6.016.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.016.VX
Địa chỉ văn phòng: Số 115- Lô C2 Khu nhà ở 3ha, Trung tâm thương mại, Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội ĐT: 096 119 2626
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu Xứ Lý Rác Thái, X. Trạm Thán, H. Phù Ninh, Phú Thọ. ĐT: 02103.764.765

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Trung tâm y tế huyện Võ Nhai Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):
Địa chỉ văn phòng: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0208 3827293
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Tổ dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên ĐT: 0208 3827293

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	x			13 01 01	480	TD
2	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại	x			13 01 02	-	TD
3	Các loại đũa cứng phẩm gây độc tế bào	x			13 01 03	-	TD
4	Chất phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	x			13 02 03	-	TD
5	Dung dịch thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước		x		19 01 01	-	XLN
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	346	XLBĐ
7	Hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	x			08 02 04	-	TD
8	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải			x	12 06 05	-	TD
9	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	-	TCAQ
10	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	x			18 01 04	-	TD

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:
Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-20600

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hoàng Thanh Tùng Ký: Ngày: 28/11/2023

7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 11 năm 2023

Đại diện Chủ nguồn thải
(Chữ ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Hà Văn Rã

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Phù Thọ, ngày 28 tháng 12 năm 2023

Đại diện Chủ xử lý chất thải
(Chữ ký, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

*Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú : (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

HOÀN THÀNH VIỆC XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

- Căn cứ Hợp đồng số: 1001/2024/CNX-TTYT ngày 10/01/2024 ký giữa Trung tâm y tế huyện Võ Nhai và Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh.

- Căn cứ chứng từ chất thải nguy hại và biên bản giao nhận chất thải đã được đại diện 2 bên ký xác nhận.

Hôm nay, ngày 24/07/2024 tại văn phòng Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh. Chúng tôi gồm có:

1. CHỦ NGUỒN THẢI (GỌI TẮT LÀ BÊN A):

Tên đơn vị: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAİ**

Địa chỉ: Tò dân phố Làng Lương, thị trấn Đình Cỏ, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

Mã số thuế: 4600695784

Đại diện bởi: Ông Hà Văn Rỏ

Chức vụ: Giám đốc

2. CHỦ THU GOM, VẬN CHUYỀN, XỬ LÝ (GỌI TẮT LÀ BÊN B):

Tên đơn vị: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh

Địa chỉ: Tò Xuân Mai 1, phường Phúc Thắng, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Mã số thuế: 0102169887

Đại diện bởi: Ông Đỗ Viết Bình

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng công việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, số lượng cụ thể như sau:

STT	Loại chất thải	Mã CTNH	ĐVT	Số lượng	Đơn giá xử lý	Thành tiền	Ghi chú
1	Chất thải y tế lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	kg	360,0	13.800	4.968.000	
2	Bao bì thải có chứa thành phần nguy hại (vỏ lọ thủy tinh)	18 01 04	kg	280,0	7.500	2.100.000	
Tổng cộng:				640,0		7.068.000	
VAT 8%						565.440	
Thành tiền						7.633.440	

(Bằng chữ: Bảy triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi đồng./.)

Số kinh phí trên được Bên A chuyển trả vào tài khoản của bên B theo thông tin như sau:

- Chủ tài khoản: Công ty TNHH Môi trường Công nghiệp Xanh

- Số tài khoản: 258389988 tại Ngân hàng VP bank - CN Vĩnh Phúc- PGD Phúc Yên

Kết luận:

Hai bên thống nhất nghiệm thu với khối lượng và nội dung như trên.

Biên bản này được lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Hà Văn Rỏ



GIÁM ĐỐC
Đỗ Viết Bình

Võ Nhai, ngày 10 tháng 01 năm 2024

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

Số: 01/HĐ-DV

V/v thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt giữa HTX Vệ sinh môi trường Phú Cường và Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai cơ sở 1 năm 2024

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Bộ luật Thương mại số 36/2005/QH11 được chủ tịch Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ký ban hành ngày 27/6/2005;
- Căn cứ luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022;
- Căn cứ Thông tư số 20/2021/TTLT-BYT, ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế;
- Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ- HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên;
- Căn cứ quyết định số: 32/2021/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;
- Căn cứ vào Quyết định số 16/QĐ-TTYT ngày 09 tháng 01 năm 2024 Về việc Phê duyệt kết quả chỉ định thầu rút gọn gói thầu thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt cho cơ sở 1 thuộc Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai;

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại HTX Vệ sinh Môi trường Phú Cường. Chúng tôi gồm có:

BÊN A: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAİ

Địa chỉ: TDP Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện: Ông Hà Văn Rã

Chức vụ: Giám đốc

Số điện thoại: 0208 3827 293

Fax:

Số tài khoản: 3716.2.1068274.00000 Tại Kho bạc Nhà nước Võ Nhai

Mã số thuế: 4600695784

BÊN B: HỢP TÁC XÃ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG PHÚ CƯỜNG

Địa chỉ: Thị trấn Đình Cả - huyện Võ Nhai - tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện: Bà Ngô Thị Mai Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 020803.827.261

Tài khoản: 0923333678678 Tại Ngân hàng Bản Việt Chi nhánh Thái Nguyên

Mã số thuế: 4600939649

Hai bên thoả thuận nhất trí ký hợp đồng dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt với các điều khoản sau đây:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau

1. Thu gom rác đúng nơi quy định, rác đổ có túi đựng hoặc thùng đựng rác tự sắm, không lấy nước;
2. Vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh từ bên A;
3. Lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các quy định về xử lý chất thải tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển

1. Địa điểm thu gom rác thải: Tại khu tập kết rác thải Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai (cơ sở 1);
2. Địa chỉ: TDP Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên;

3. Địa điểm lưu giữ, xử lý: Hợp tác xã vệ sinh môi trường Phú Cường
4. Địa chỉ: Thị trấn Đình Cả - huyện Võ Nhai - tỉnh Thái Nguyên
5. Xử lý, vận chuyển rác mỗi ngày 01 lần đúng nơi quy định đảm bảo vệ sinh môi trường. Theo giấy chứng nhận ĐKKD số: 006 VN do phòng Tài chính kế hoạch cấp ngày 8 tháng 10 năm 2015.

6. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công bốc xếp và phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam. Bên B phải tuân thủ các quy định của bên A khi làm việc trong địa phận của bên A.

Điều 3: Chất thải, đơn giá

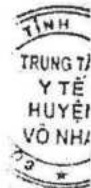
1. Rác thải sinh hoạt thông thường;
2. Đơn giá: (Khối lượng rác thải $\geq 01m^3$ /tháng) = 334.800đồng/ m^3
3. Do lượng rác cơ sở 1 Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai phát sinh một tháng bình quân $15m^3$ /tháng. Do vậy 2 bên đã thống nhất mức giá thanh toán là $15 \times 334.800 = 5.022.001$ đồng/tháng.
4. Tổng giá trị hợp đồng ước tính: 5.022.001đồng x 12 tháng = 60.264.000đ

Bằng chữ: Sáu mươi triệu hai trăm sáu mươi tư ngàn đồng chẵn./.

Đơn giá trên đã bao gồm VAT theo quy định hiện hành;

6. Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của khối lượng rác thải phát sinh tăng, hoặc giảm thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản, hoặc có sự thay đổi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3: Hình thức thanh toán



1. Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VNĐ).
2. Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản;
3. Thời gian thanh toán : Sau khi bên A nhận được hóa đơn tài chính các giấy tờ hợp pháp của bên B;

Điều 4: Các điều khoản chung

1. Bất kỳ sự sửa đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó sẽ là một phần không thể tách rời là bản chính hay là Phụ lục bổ sung của Hợp đồng này;

2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng;

3. Hợp đồng được phép chấm dứt trước thời hạn khi một trong hai bên có lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, khủng hoảng kinh tế, đình chỉ hoạt động

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không có lý do chính đáng thì phải chịu mọi thiệt hại do việc chấm dứt hợp đồng đã gây ra cho bên kia;

5. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên;

6. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề gì vướng mắc các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của cả hai bên. Trường hợp không đạt được những thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ đưa ra Tòa án kinh tế Võ Nhai để giải quyết. Phán quyết của Tòa là quyết định cuối cùng và có hiệu lực chấp hành đối với các bên. Chi phí giám định, kiểm tra, lệ phí Tòa, phí thuê Luật sư do bên thua kiện phải chịu theo quy định của Luật pháp Việt Nam.

Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng 365 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực

Điều 7. Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký Hợp đồng.

2. Hợp đồng này chỉ có hiệu lực đối với bên A và bên B, không có hiệu lực với bất cứ bên thứ ba nào khác.

3. Biên bản hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 2 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM
Y TẾ
HUYỆN
VÕ NHAİ
Hã Văn Rã

ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC
HTX
VỆ SINH
MÔI TRƯỜNG
PHÚ CƯỜNG
Ngô Thị Mai





SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 910/2023

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023
4	Loại mẫu	Nước thải
5	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.1-1
6	Vị trí mẫu	Tại bể chứa nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải
7	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'09,9"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
9	Ngày lấy mẫu	27/3/2023
10	Ngày phân tích	28/3/2023 đến 04/4/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	54	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	93,15	50	100
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	31,8	50	100
5	S ² (*)	SMEWW 4500S2-D:2017	mg/L	<0,1	1	4
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	49,9	5	10
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,3	30	50
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	2,8	6	10
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	3300	3000	5000

KT.TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
P. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Nguyễn Thị Mỹ

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 4 năm 2023

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



Số 1057/2023/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023
4	Loại mẫu	Nước thải
5	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.1-1
6	Vị trí mẫu	Tại bể chứa nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải
7	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'09,9"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
9	Ngày lấy mẫu	27/3/2023
10	Ngày phân tích	28/3/2023 đến 11/4/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	Salmonella(**)	TCVN 9717:2013	VK/100mL	<1	KPH	KPH
2	Shigella(**)	SMEWW 9260E:2017	VK/100mL	<1	KPH	KPH
3	V. cholerae(**)	SMEWW 9260H:2017	VK/100mL	<1	KPH	KPH

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 4 năm 2023

KT. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

P. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Nguyễn Thị Mỹ

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Viện công nghệ môi trường - VIMCERTS 079
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 911/2023

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023
4	Loại mẫu	Nước thải
5	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.1-2
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải của hệ thống xử lý nước thải chảy ra ngoài môi trường
7	Tọa độ	Kinh độ: 106°03'50,4" Vĩ độ: 21°45'10,5"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
9	Ngày lấy mẫu	27/3/2023
10	Ngày phân tích	28/3/2023 đến 04/4/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	24,76	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	43,32	50	100
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	12,4	50	100
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500S ²⁻ -D:2017	mg/L	<0,1	1	4
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	37	5	10
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,3	30	50
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	4,3	6	10
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	200	3000	5000

KT.TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
P. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Nguyễn Thị Mỹ

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 4 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 1058/2023/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2023
4	Loại mẫu	Nước thải
5	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.1-2
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải của hệ thống xử lý nước thải chảy ra ngoài môi trường
7	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'10,5"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
9	Ngày lấy mẫu	27/3/2023
10	Ngày phân tích	28/3/2023 đến 11/4/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	Salmonella(**)	TCVN 9717:2013	VK/100mL	<1	KPH	KPH
2	Shigella(**)	SMEWW 9260E:2017	VK/100mL	<1	KPH	KPH
3	V. cholerae(**)	SMEWW 9260H:2017	VK/100mL	<1	KPH	KPH

KT. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
P. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

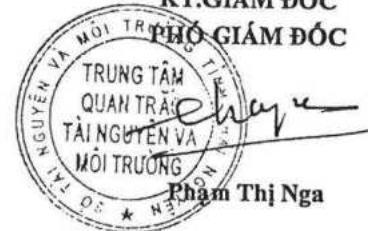
Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Nguyễn Thị My

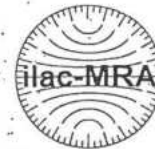
Thái Nguyên, ngày 12 tháng 4 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Viện công nghệ môi trường - VIMCERTS 079
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



Số 1924/2023

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.2
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.2-1
7	Vị trí mẫu	Tại bể chứa nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải
8	Tọa độ	Kinh độ: 106°03'50,4" Vĩ độ: 21°45'09,9"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	26/6/2023
11	Ngày phân tích	27/6/2023 đến 03/7/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	19,18	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	32,35	50	100
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	7,5	50	100
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500S2-D:2017	mg/L	<0,1	1	4
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	8,4	5	10
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	9,2	30	50
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	2,7	6	10
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1000	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trinh Đức Cường

Nguyễn Thị My



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích.
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 19257/2023

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.2
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.2-2
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'10,5"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	26/6/2023
11	Ngày phân tích	27/6/2023 đến 03/7/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	28,96	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	48,88	50	100
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	3,3	50	100
5	S ² (*)	SMEWW 4500S2-.D:2017	mg/L	<0,1	1	4
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	3,5	30	50
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,1	6	10
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	600	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 7 năm 2023

KT. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Nguyễn Thị Mỹ



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

BM.23.01.01

Trang:01

Lần ban hành: 02



Số 1925-1/2023 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH


1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2023
4	Loại mẫu	Nước thải
5	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.2-2
6	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
7	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" VI độ: 21o45'10,5"
8	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
9	Ngày lấy mẫu	26/6/2023
10	Ngày phân tích	27/6/2023 đến 07/7/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	Salmonella(**)	TCVN 9717:2013	VK/100mL	<1	KPH	KPH
2	Shigella(**)	SMEWW 9260E:2017	VK/100mL	<1	KPH	KPH
3	V. cholerae(**)	SMEWW 9260H:2017	VK/100mL	<1	KPH	KPH

KT. TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM


Trịnh Đức Cường

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 7 năm 2023
PHỤ TRÁCH QA/QC


Nguyễn Thị My



Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Viện Công nghệ môi trường - VIMCERTS 079
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 2336/2023 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 3 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.3
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.3-1
7	Vị trí mẫu	Tại bể chứa nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'09,9"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	08/8/2023
11	Ngày phân tích	09/8/2023 đến 16/8/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,7	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	31,36	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	52,95	50	100
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	23,9	50	100
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500S2-.D:2017	mg/L	<0,1	1	4
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	40,3	5	10
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,3	30	50
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	2,84	6	10
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	1000	3000	5000

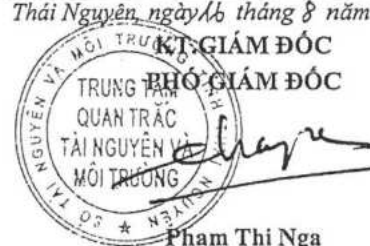
Thái Nguyên, ngày 16 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

Trinh Đức Cường

Nguyễn Thị My



Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

BM.23.01.01

Trang:01

Lần ban hành: 02



Số 2337/2023

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai -
2	Địa chỉ	Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 3 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.3
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.3-2
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'10,5"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	08/8/2023
11	Ngày phân tích	09/8/2023 đến 16/8/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,7	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	16,18	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	27,39	50	100
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	4,3	50	100
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500S2-.D:2017	mg/L	<0,1	1	4
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	4,2	30	50
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	3,3	6	10
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	500	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị My



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



Số 2336.1/2023/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 3 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.3
5	Loại mẫu	Mẫu trắng
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.3-1 (MTHT)
7	Vị trí mẫu	Tại bể chứa nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'09,9"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	08/8/2023
11	Ngày phân tích	09/8/2023 đến 16/8/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	Đánh giá	
					MDL	Kết luận
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,5	-	Đạt
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	<1,1	1,1	Đạt
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	<3,9	3,9	Đạt
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	<2	2	Đạt
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500S2-.D:2017	mg/L	<0,02	0,02	Đạt
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<0,45	0,45	Đạt
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,04	0,04	Đạt
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,05	0,05	Đạt

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

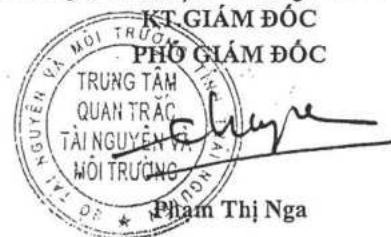
PHỤ TRÁCH QA/QC

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị Mỹ



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp (giá trị của mẫu trắng được chấp nhận khi nhỏ hơn MDL của phương pháp phân tích)



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 2336.2/2023/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 3 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.3
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.3-1 (mẫu lập)
7	Vị trí mẫu	Tại bể chứa nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" VI độ: 21o45'09,9"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	08/8/2023
11	Ngày phân tích	09/8/2023 đến 16/8/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả		Đánh giá	
				NT-2.23.3-1	NT-2.23.3-1 (mẫu lập)	RPD (%)	Kết luận
1	pH	TCVN 6492:2011		6,7	6,7	0,0	Đạt
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	31,36	32,56	3,8	Đạt
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	52,95	55,86	5,3	Đạt
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	23,9	24,4	2,1	Đạt
5	S ² (*)	SMEWW 4500S2-.D:2017	mg/L	<0,1	<0,1	0,0	Đạt
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	40,3	40,3	0,0	Đạt
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,3	<0,3	0,0	Đạt
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	2,84	2,97	4,5	Đạt

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trinh Đức Cường

Nguyễn Thị My



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- RPD: Phần trăm sai khác tương đối của mẫu lập (đối với mẫu lập hiện trường không vượt quá 20%; đối với mẫu đo lập tại hiện trường không vượt quá 15%)

BM.23.01.01

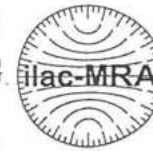
Trang:01

Lần ban hành: 02



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 23-36.3 / 2023 / QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 3 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.3
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.3-1
7	Vị trí mẫu	Tại bể chứa nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải
8	Tọa độ	Kinh độ: 106°03'50,4" Vĩ độ: 21°45'09,9"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	08/8/2023
11	Ngày phân tích	09/8/2023 đến 18/8/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	Salmonella(**)	TCVN 9717:2013	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
2	Shigella(**)	SMEWW 9260E:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
3	V. cholerae(**)	SMEWW 9260H:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT.GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Nga

Trinh Đức Cường

Nguyễn Thị My

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Viện công nghệ môi trường - VIMCERTS 079
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

BM.23.01.01

Trang:01

Lần ban hành: 02



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 2337.1/2023/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 3 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.3
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.3-2
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'10,5"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	08/8/2023
11	Ngày phân tích	09/8/2023 đến 18/8/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	Salmonella(**)	TCVN 9717:2013	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
2	Shigella(**)	SMEWW 9260E:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
3	V. cholerae(**)	SMEWW 9260H:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH

Thái Nguyên, ngày 18 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

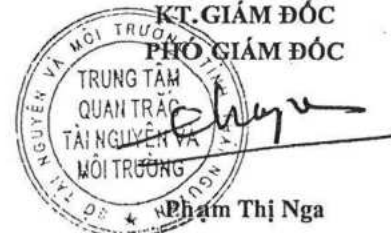
PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị My



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ Viện công nghệ môi trường - VIMCERTS 079
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



Số 3809 / 2023

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đĩnh Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.4
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.4-1
7	Vị trí mẫu	Tại bể chứa nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'09,9"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	18/12/2023
11	Ngày phân tích	19/12/2023 đến 26/12/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,3	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	31,21	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	59,82	50	100
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	15,4	50	100
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500S2-.D:2017	mg/L	<0,1	1	4
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	54,9	5	10
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	1,13	30	50
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,1	6	10
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	6300	3000	5000

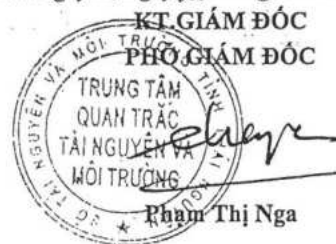
Thái Nguyên, ngày 26 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị Mỹ



Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 3810/2023

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.4
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.4-2
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'10,5"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	18/12/2023
11	Ngày phân tích	19/12/2023 đến 26/12/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	11,34	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	22,3	50	100
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	8,3	50	100
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500S2-.D:2017	mg/L	<0,1	1	4
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	38,1	5	10
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	22,02	30	50
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,1	6	10
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	MPN/100ml	<3	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

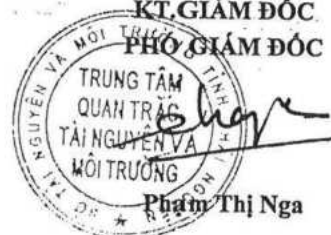
PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị My



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



Số 3810.1/2023

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.4
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.4-2 (mẫu lập)
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 106°03'50,4" Vĩ độ: 21°45'10,5"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	18/12/2023
11	Ngày phân tích	19/12/2023 đến 26/12/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả		Đánh giá	
				NT-2.23.4-1	NT-2.23.4-1 (mẫu lập)	RPD (%)	Kết luận
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,8	0,0	Đạt
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	11,34	11,04	2,7	Đạt
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	22,3	21,36	4,3	Đạt
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	8,3	8,7	4,7	Đạt
5	S ² (*)	SMEWW 4500S2-.D:2017	mg/L	<0,1	<0,1	0,0	Đạt
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	38,1	38,1	0,0	Đạt
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	22,02	22,1	0,4	Đạt
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,1	<0,1	0,0	Đạt
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	mg/L	<3	<3	0,0	Đạt

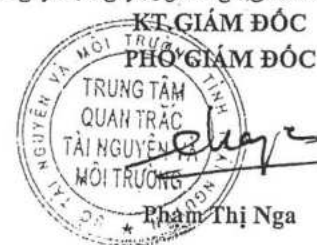
Thái Nguyên, ngày 26 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

Trinh Đức Cường

Nguyễn Thị Mỹ



Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- RPD: Phần trăm sai khác tương đối của mẫu lập (đối với mẫu lập hiện trường không vượt quá 20%; đối với mẫu đo lập tại hiện trường không vượt quá 15%)



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 3810.2/2023 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 4 năm 2023
4	Kế hoạch	K2.23.4
5	Loại mẫu	Mẫu trắng
6	Ký hiệu mẫu	NT-2.23.4-2 (MTHT)
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 106°03'50,4" Vĩ độ: 21°45'10,5"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	18/12/2023
11	Ngày phân tích	19/12/2023 đến 26/12/2023

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	Đánh giá	
					MDL	Kết luận
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,5	-	Đạt
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2017	mg/L	<1,1	1,1	Đạt
3	COD	SMEWW 5220D:2017	mg/L	<3,9	3,9	Đạt
4	TSS	SMEWW 2540D:2017	mg/L	<2	2	Đạt
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500S2-.D:2017	mg/L	<0,02	0,02	Đạt
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<0,45	0,45	Đạt
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,04	0,04	Đạt
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2017	mg/L	<0,05	0,05	Đạt
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2017	mg/L	<3	3	Đạt

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 12 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị My



Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp (giá trị của mẫu trắng được chấp nhận khi nhỏ hơn MDL của phương pháp phân tích)



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 7557/2024

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
4	Kế hoạch	K1.17.1
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-1.17.1-1
7	Vị trí mẫu	Tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý
8	Tọa độ	Kinh độ: 105°03'50,8" Vĩ độ: 21°45'10,6"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	29/3/2024
11	Ngày phân tích	30/3/2024 đến 08/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,0	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	18,46	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	36,77	50	100
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	<10	50	100
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,05	1	4
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	2,2	5	10
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2023	mg/L	48,7	30	50
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2023	mg/L	5,4	6	10
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	KPH	3000	5000
10	Salmonella(**)	TCVN 9717:2013	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
11	Shigella(**)	SMEWW 9260E:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
12	V. cholerae(**)	SMEWW 9260H:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Nguyễn Thị Mỹ



Ghi chú:

- Kết quả chi đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thử phụ, nhà thử phụ Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

BM.23.01.01

Trang:01

Lần ban hành: 02



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 756/2024

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
4	Kế hoạch	K1.17.1
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-1.17.1-2
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 105°03'50,6" Vĩ độ: 21°45'10,2"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	29/3/2024
11	Ngày phân tích	30/3/2024 đến 08/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	12,46	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	21,69	50	100
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	<10	50	100
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,05	1	4
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2023	mg/L	48,9	30	50
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2023	mg/L	5,0	6	10
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	800	3000	5000
10	Salmonella(**)	TCVN 9717:2013	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
11	Shigella(**)	SMEWW 9260E:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
12	V. cholerae(**)	SMEWW 9260H:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Nguyễn Thị My

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu tham phụ, nhà thầu phụ Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

BM.23.01.01

Trang:01

Lần ban hành: 02



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 756.112024 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
4	Kế hoạch	K1.17.1
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-1.17.1-2 (Mẫu lặp)
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 105°03'50,6" Vĩ độ: 21°45'10,2"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	29/3/2024
11	Ngày phân tích	30/3/2024 đến 08/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả		Đánh giá	
				NT-1.17.1-2 (Mẫu lặp)	NT-1.17.1-2	RPD (%)	Kết luận
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,9	0,0	Đạt
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	12,46	12,46	0,0	Đạt
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	21,79	21,69	0,5	Đạt
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	<10	<10	0,0	Đạt
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,05	<0,05	0,0	Đạt
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	<1,5	0,0	Đạt
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2023	mg/L	49,2	48,9	0,6	Đạt
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2023	mg/L	4,95	5,0	1,0	Đạt
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	800	800	0,0	Đạt

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trinh Đức Cường

Nguyễn Thị My

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- RPD: Phần trăm sai khác tương đối của mẫu lặp (đối với mẫu lặp hiện trường không vượt quá 20%; đối với mẫu đo lặp tại hiện trường không vượt quá 15%)

BM.23.01.01

Trang:01

Lần ban hành: 02



Số 756-21/2024 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lường, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 1 năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
4	Kế hoạch	K1.17.1
5	Loại mẫu	Mẫu trắng
6	Ký hiệu mẫu	NT-1.17.1-2 (MTHT)
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o03'50,6" Vĩ độ: 21o45'10,2'
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	29/3/2024
11	Ngày phân tích	30/3/2024 đến 08/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	Đánh giá	
					MDL	Kết luận
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,0	-	-
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	<1,0	1,0	Đạt
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	<4,5	4,5	Đạt
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	<5,0	5,0	Đạt
5	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,014	0,014	Đạt
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<0,47	0,47	Đạt
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2023	mg/L	<0,054	0,054	Đạt
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2023	mg/L	<0,03	0,03	Đạt
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	KPH	KPH	Đạt

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM *Trịnh Đức Cường*

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị My

Nguyễn Thị My



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp (giá trị của mẫu trắng được chấp nhận khi nhỏ hơn MDL của phương pháp phân tích)



Số 1142/2024 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
4	Kế hoạch	K1.17.2
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-1.17.2-1
7	Vị trí mẫu	Tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,7" Vĩ độ: 21o45'10,0"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	20/5/2024
11	Ngày phân tích	21/5/2024 đến 27/5/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT (K=1,2)	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	15,76	36	60
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	30,56	60	120
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	11,9	60	120
5	S ² (*)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,05	1,2	4,8
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	34,7	6	12
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2023	mg/L	28,4	36	60
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2023	mg/L	2,8	7,2	12
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	11000	3000	5000

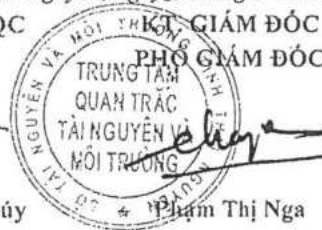
Thái Nguyên, ngày 27 tháng 5 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Phạm Thị Thanh Thủy



Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



Số 1143/2024 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
4	Kế hoạch	K1.17.2
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-1.17.2-2
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'10,1'
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	20/5/2024
11	Ngày phân tích	21/5/2024 đến 27/5/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT (K=1,2)	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	6,54	36	60
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	<15	60	120
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	<10	60	120
5	S ² (*)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,05	1,2	4,8
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	2,2	6	12
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2023	mg/L	<0,2	36	60
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2023	mg/L	0,7	7,2	12
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	94	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 5 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Phạm Thị Thanh Thúy



Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 1143.1/2024/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 2 năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
4	Kế hoạch	K1.17.2
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-1.17.2-2
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'10,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011.
10	Ngày lấy mẫu	20/5/2024
11	Ngày phân tích	21/5/2024 đến 31/5/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT (K=1)	
					A	B
1	Salmonella(**)	TCVN 9717:2013	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
2	Shigella(**)	SMEWW 9260E:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
3	V. cholerae(**)	SMEWW 9260H:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 5 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Phạm Thị Thanh Thủy

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



Số 1750/2024

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 3 năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
4	Kế hoạch	K1.17.3
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-1.17.3-1
7	Vị trí mẫu	Tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,7" Vĩ độ: 21o45'10,0'
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	05/8/2024
11	Ngày phân tích	06/8/2024 đến 12/8/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT (K= 1,2)	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	13,06	36	60
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	25,75	60	120
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	15	60	120
5	S ² (*)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,05	1,2	4,8
6	NIH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	2,8	6	12
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2023	mg/L	13,97	36	60
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2023	mg/L	2,6	7,2	12
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	7000	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

Phạm Thị Thanh Thủy

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 1750.11/2024 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 3 năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
4	Kế hoạch	K1.17.3
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-1.17.3-1
7	Vị trí mẫu	Tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,7" Vĩ độ: 21o45'10,0'
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	05/3/2024
11	Ngày phân tích	06/8/2024 đến 26/8/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	Salmonella(**)	TCVN 9717:2013	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
2	Shigella(**)	SMEWW 9260E:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
3	V. cholerae(**)	SMEWW 9260H:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 8 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu phụ, nhà thầu phụ Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế



VILAS 154

Số 175112024

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 3 năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
4	Kế hoạch	K1.17.3
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-1.17.3-2
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'10,1'
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	05/8/2024
11	Ngày phân tích	06/8/2024 đến 12/8/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT (K=1,2)	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6,5-8,5	6,5-8,5
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	16,36	36	60
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	32,47	60	120
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	<10	60	120
5	S ² (*)	SMEWW 4500-S2-.B&D:2023	mg/L	<0,05	1,2	4,8
6	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	2,2	6	12
7	NO ₃ ⁻ -N	SMEWW 4110B:2023	mg/L	<0,2	36	60
8	PO ₄ ³⁻ -P	SMEWW 4110B:2023	mg/L	1,3	7,2	12
9	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	1100	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 8 năm 2024

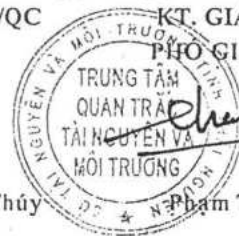
TRƯỜNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Phạm Thị Thanh Thúy



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

BM.23.01.01

Trang:01

Lần ban hành: 02



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 1751.1/2024/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
2	Địa chỉ	Làng Lương, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt 3 năm 2024 cho Trung tâm Y tế huyện Võ Nhai
4	Kế hoạch	K1.17.3
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NT-1.17.3-2
7	Vị trí mẫu	Tại cửa xả nước thải ra ngoài môi trường
8	Tọa độ	Kinh độ: 106o03'50,4" Vĩ độ: 21o45'10,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	05/8/2024
11	Ngày phân tích	06/8/2024 đến 26/8/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT	
					A	B
1	Salmonella(**)	TCVN 9717:2013	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
2	Shigella(**)	SMEWW 9260E:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH
3	V. cholerae(**)	SMEWW 9260H:2017	VK/100mL	KPH	KPH	KPH

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 8 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM *chữ ký*

Trịnh Đức Cường

Trịnh Đức Cường

PHỤ TRÁCH QA/QC

chữ ký

Phạm Thị Thanh Thủy

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thủ phụ, nhà thủ phụ Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập—Tự do—Hạnh phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

Tỉnh Thái Nguyên

CHỨNG NHẬN

Trung Tâm Y Tế Huyện Võ Nhai

Được quyền sử dụng 26358,00 m² đất.

Tại: Thị trấn Đình Cả
Huyện Võ Nhai
Tỉnh Thái Nguyên

Theo bảng liệt kê dưới đây:

Số tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phần ghi thêm
207	20358,0		XD	Liên địa	Căn cứ quyết định số 1586/QĐ-QĐB ngày 04/07/97 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Xem theo bản đồ chi tiết.

Ngày 07 tháng 7 năm 1997

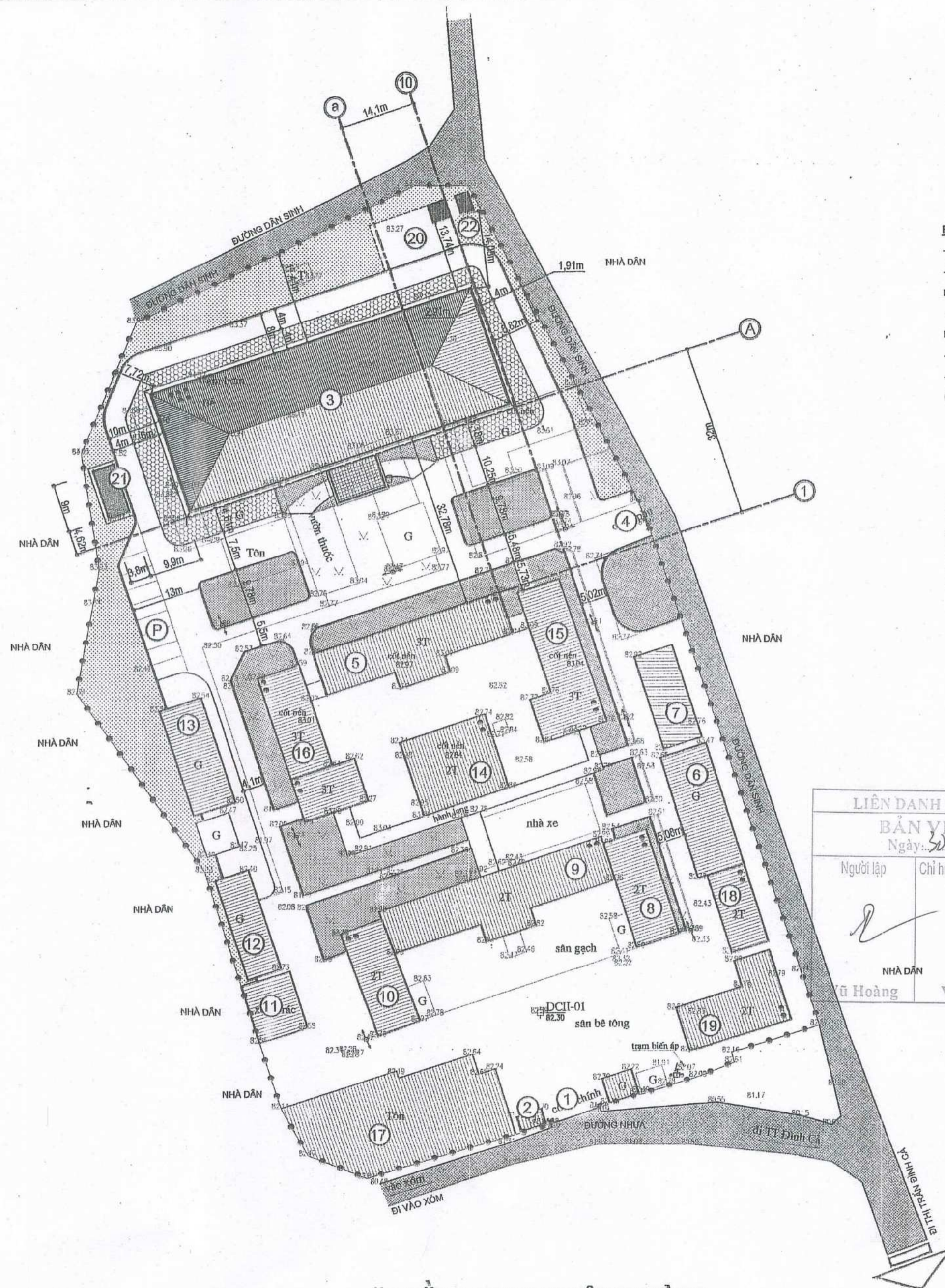


Vào số cấp giấy chứng nhận
Quyền sử dụng đất
Số 40360. QSDĐ/... BAN HN

CHỨNG THỰC
BÀN SAO BÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 07-05-2019
Số chứng thực: 280/... Quận QL-SCT/BS



CHỦ TỊCH
Trịnh Thanh Phương



- GHI CHÚ:**
- CỔNG CHÍNH
 - NHÀ BẢO VỆ
 - NHÀ ĐIỀU TRỊ (XÂY DỰNG MỚI)
 - CỔNG PHỤ
 - KHOA ĐIỀU TRỊ KHOA NGOẠI SÃN
 - NHÀ ĐA CHỨC NĂNG
 - NHÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE
 - KHOA CẬN LÂM SÀNG
 - KHOA KHÁM BỆNH
 - KHOA DƯỢC - YHCT - PHCN
 - NHÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI LỎNG
 - NHÀ GIẶT, HẤP SẤY
 - NHÀ DINH DƯỠNG
 - PHÒNG MỔ
 - KHOA ĐIỀU TRỊ KHOA NỘI NHI
 - NHÀ ĐIỀU TRỊ KHOA NGOẠI SÃN
 - CĂNG TIN, NHÀ ĐỂ XE
 - NHÀ HỘI TRƯỞNG
 - KHOA NHÀ ĐIỀU HÀNH
 - ĐỂ NƯỚC PCCC
 - NHÀ ĐỂ Ô XY
 - TRẠM BIẾN ÁP 500KV
 - P. BÃI ĐỖ XE

- KÍ HIỆU:**
- RANH GIỚI KHU ĐẤT
 - CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI
 - CÔNG TRÌNH HIỆN CÓ
 - BÓN HOA, CÂY XANH

MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH

PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH VỊ NHÀ SỐ 3:

- LẤY NHÀ SỐ 5 HIỆN CÓ LÀM CHUẨN ĐỊNH VỊ NHÀ SỐ 3.
- TRỤC ⑩ CỦA NHÀ SỐ 3 SONG SONG VÀ CÁCH VỚI TRỤC ⑧ NHÀ SỐ 5 MỘT KHOẢNG LÀ 14,1M.
- TRỤC ① CỦA NHÀ SỐ 3 SONG SONG VÀ CÁCH TRỤC ① CỦA NHÀ SỐ 5 MỘT KHOẢNG LÀ 32,0 M.
- CÁC TRỤC CÒN LẠI CỦA NHÀ SỐ 3 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH THEO HỒ SƠ THIẾT KẾ SỐ XÂY DỰNG TỈNH THÁI NGUYÊN.
- CỐT + 0.000 CỦA CÔNG TRÌNH CAO HƠN CỐT SÀN BÊ TÔNG HIỆN CÓ LÀ 0,76M. TƯƠNG ƯNG VỚI CỐT - 83.30 (CỐT MẶT SÀN BÊ TÔNG) + 0,76 = - 84,06

CÁC CHỈ TIÊU:

STT	NỘI DUNG	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ
1	DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	16.599,9	M ²
2	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	4.594	M ²
3	TẦNG CAO TỐI THIỂU	01	TẦNG
4	TẦNG CAO TỐI ĐA	05	TẦNG
5	TỔNG DIỆN TÍCH BÀN XÂY DỰNG	13.590	M ²
6	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	27,88	%
7	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT	0,81	LẦN

PHÊ DUYỆT
 Theo Quyết định số 2.92/QĐ-DADD&CN
 Ngày 12 tháng 7 năm 2023
 Ký tên: [Signature]

LIÊN DANH VINACCO - TS - BISCO
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày: 20 tháng 12 năm 2023

Người lập	Chỉ huy trưởng công trình	Tư vấn giám sát trưởng
[Signature]	[Signature]	[Signature]
NHÀ DÂN	NHÀ DÂN	NHÀ DÂN
Đinh Văn Hoàng	Vũ Hoàng	Đinh Văn Biệt

TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG THÁI NGUYÊN
THẨM TRA
 Theo văn bản thẩm tra số 110/TT.BCTN
 Ngày 12 tháng 6 năm 2023
 Ký tên: [Signature]

SỬA ĐỔI - REVISION

LẦN NO.	NGÀY DATE	NỘI DUNG CONTENT
...
...
...

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:
BAN QL DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH THÁI NGUYÊN

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
 THỊ TRẤN ĐÌNH CẢ, HUYỆN VĨNH MẠI, THÁI NGUYÊN

DỰ ÁN - PROJECT:
 ĐẦU TƯ XÂY MỚI, CẢI TẠO, NÂNG CẤP VÀ MÀ SẴM TTB CHO 04 BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG TÂM Y TẾ TỈNH HUYỆN, TỈNH THÁI NGUYÊN

XÂY DỰNG MỚI NHÀ ĐIỀU TRỊ VÀ NHÀ SẴM TRONG THIẾT BỊ TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĨNH MẠI

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION:
 THỊ TRẤN ĐÌNH CẢ, HUYỆN VĨNH MẠI, THÁI NGUYÊN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ - DESIGN UNIT:
HỘI KIẾN TRÚC SƯ THÁI NGUYÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN KIẾN TRÚC TẠC

ĐỊA CHỈ SỐ 722A, LƯƠNG HỌC QUYÊN, THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
 TEL: 0201.3559.315, FAX: 0201.3559.315
 EMAIL: TUVANKIENTRUC@HUYENHAIAC.COM

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR:
NGUYỄN VĂN CƯỜNG
 CHỨC VỤ KIẾN TRÚC - PROJECT ARCHITECT

NGUYỄN VĂN CƯỜNG
 THIẾT KẾ - DESIGNER

VŨ HOÀNG
 QUẢN LÝ KỸ THUẬT - TECHNICAL MANAGER

CAO DUY TRÍ
 HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS

THIẾT KẾ BẢN VẼ TỐI CÔNG

PHẦN - PART:
KIẾN TRÚC

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE:
MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH

TỶ LỆ - SCALE: 0
HOÀN THÀNH - ISSUE DATE: /2023

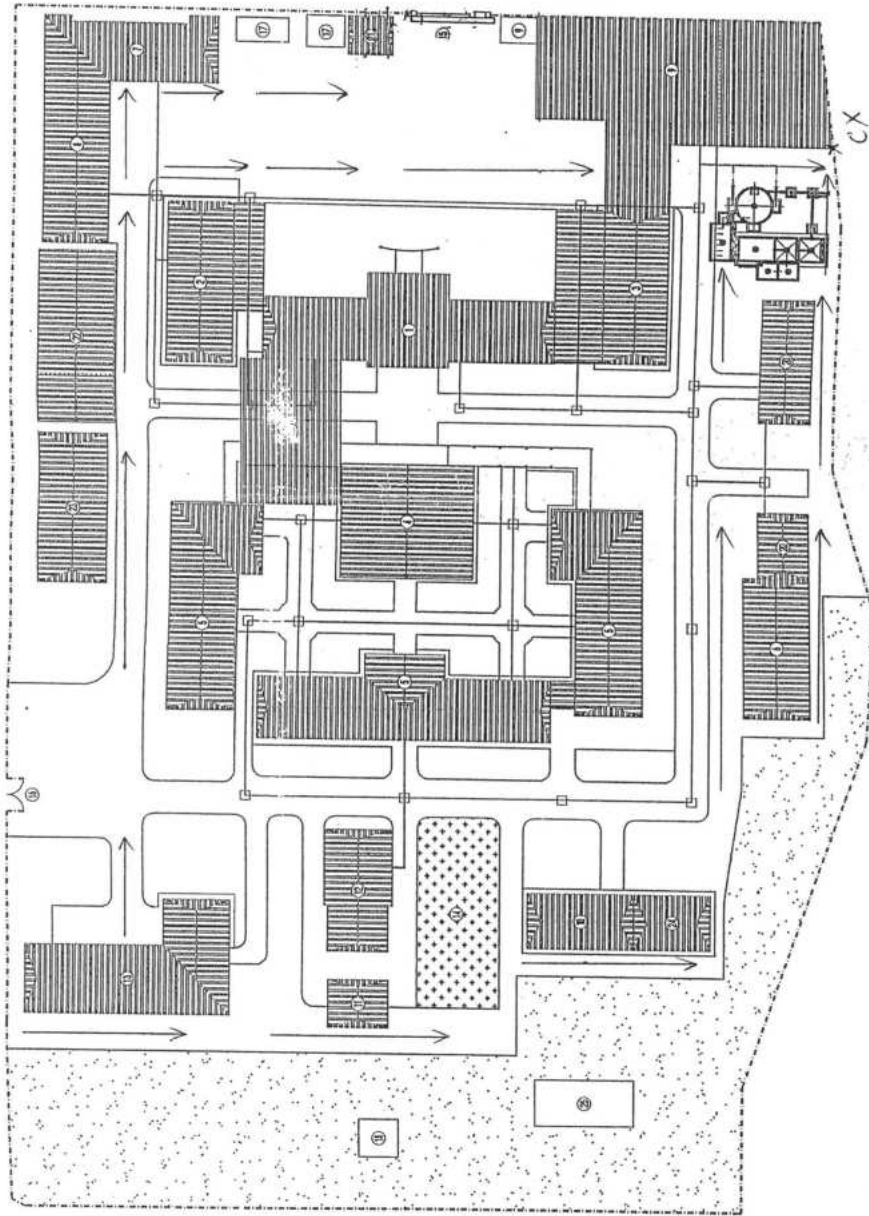
MÃ DỰ ÁN - PROJECT CODE: SỐ HẸU BẢN VẼ - DWG NO: TMB-01

TỔNG MẶT BẰNG THU GOM THOÁT NƯỚC MƯA CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHA



Ghi chú: _____

Đường thoát nước mưa



CHỮ THẮC:

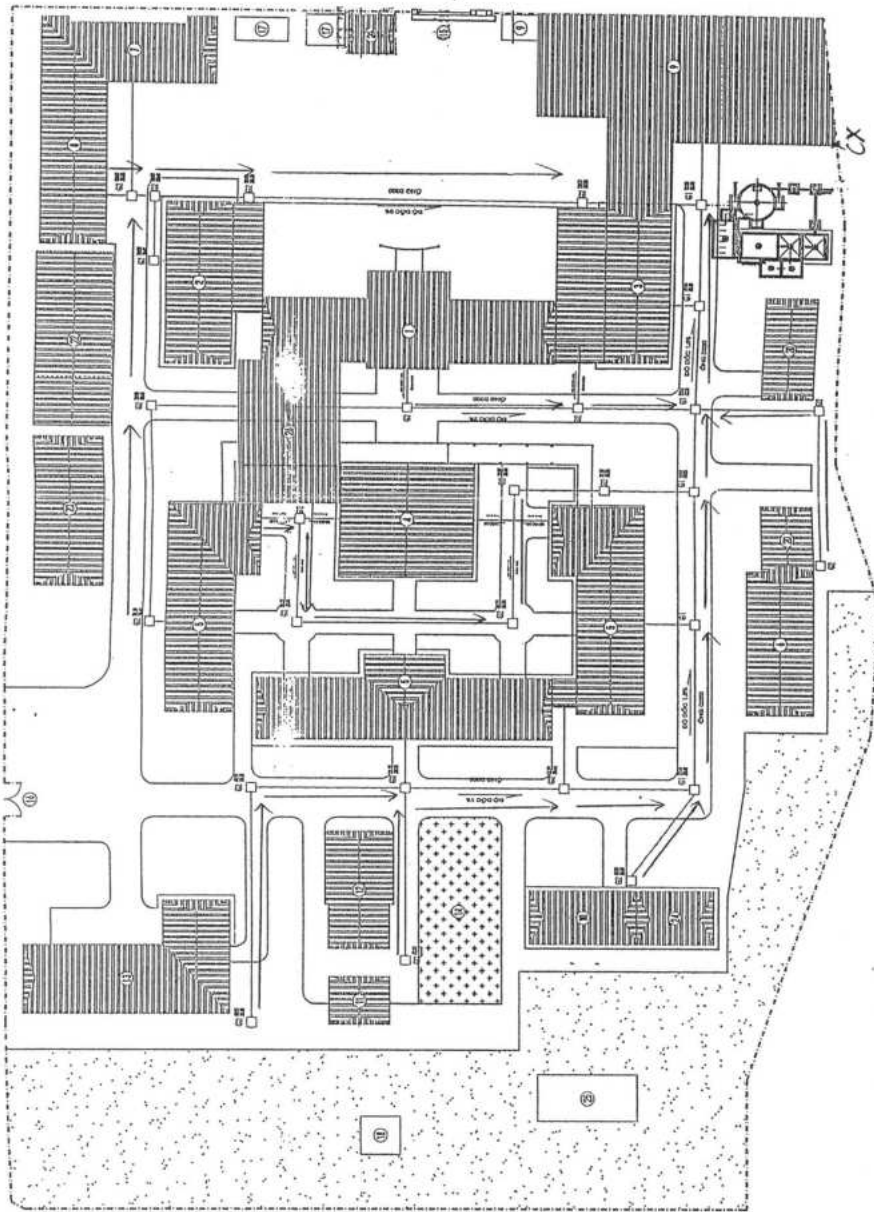
①	đường thoát nước mưa
②	đường thoát nước
③	đường thoát nước
④	đường thoát nước
⑤	đường thoát nước
⑥	đường thoát nước
⑦	đường thoát nước
⑧	đường thoát nước
⑨	đường thoát nước
⑩	đường thoát nước
⑪	đường thoát nước
⑫	đường thoát nước
⑬	đường thoát nước
⑭	đường thoát nước
⑮	đường thoát nước
⑯	đường thoát nước
⑰	đường thoát nước
⑱	đường thoát nước
⑲	đường thoát nước
⑳	đường thoát nước
㉑	đường thoát nước
㉒	đường thoát nước
㉓	đường thoát nước
㉔	đường thoát nước
㉕	đường thoát nước
㉖	đường thoát nước
㉗	đường thoát nước
㉘	đường thoát nước
㉙	đường thoát nước
㉚	đường thoát nước
㉛	đường thoát nước
㉜	đường thoát nước
㉝	đường thoát nước
㉞	đường thoát nước
㉟	đường thoát nước
㊱	đường thoát nước
㊲	đường thoát nước
㊳	đường thoát nước
㊴	đường thoát nước
㊵	đường thoát nước
㊶	đường thoát nước
㊷	đường thoát nước
㊸	đường thoát nước
㊹	đường thoát nước
㊺	đường thoát nước
㊻	đường thoát nước
㊼	đường thoát nước
㊽	đường thoát nước
㊾	đường thoát nước
㊿	đường thoát nước

TỔNG MẶT BẰNG THU GOM THOÁT NƯỚC THẢI CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VÕ NHAI



Ghi chú: _____

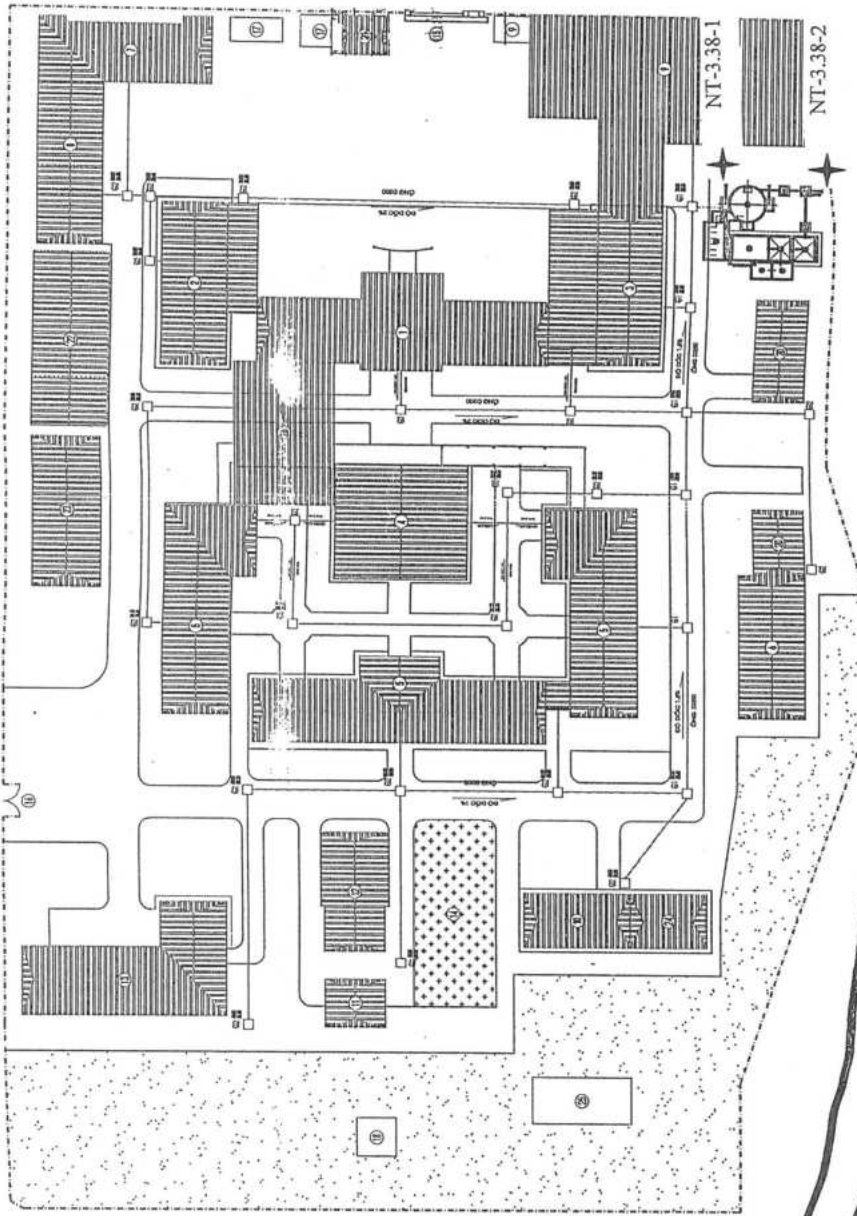
Đường thoát nước thải



CHÚ THÍCH:

- | | | |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> ① phòng khám ② phòng cấp cứu ③ phòng xét nghiệm ④ phòng sinh lý ⑤ phòng sinh hóa ⑥ phòng vi sinh ⑦ phòng miễn dịch ⑧ phòng chẩn đoán hình ảnh | <ul style="list-style-type: none"> ⑨ phòng phẫu thuật ⑩ phòng hồi sức ⑪ phòng cấp cứu ⑫ phòng khám ⑬ phòng khám ⑭ phòng khám ⑮ phòng khám ⑯ phòng khám | <ul style="list-style-type: none"> ⑰ phòng khám ⑱ phòng khám ⑲ phòng khám ⑳ phòng khám ㉑ phòng khám ㉒ phòng khám ㉓ phòng khám ㉔ phòng khám |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU NƯỚC THẢI



Ghi chú:

- NT-3.38-1: Tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử lý
- NT-3.38-2: Tại cửa xả nước thải sau khi qua hệ thống xử lý thải ra ngoài môi trường

- Chú thích:**
- ① Bể lắng cát
 - ② Bể lắng nổi
 - ③ Bể lọc
 - ④ Bể lọc sinh học
 - ⑤ Bể lọc sinh học
 - ⑥ Bể lọc sinh học
 - ⑦ Bể lọc sinh học
 - ⑧ Bể lọc sinh học
 - ⑨ Bể lọc sinh học
 - ⑩ Bể lọc sinh học
 - ⑪ Bể lọc sinh học
 - ⑫ Bể lọc sinh học

- NM-3.38-1: Trên suối làng Hin, trước điểm tiếp nhận nước thải của Trung tâm khoảng 50m về phía thượng lưu
- NM-3.38-2: Trên suối làng Hin, tại điểm tiếp nhận nước thải của Trung tâm
- NM-3.38-3: Trên suối làng Hin, sau điểm tiếp nhận nước thải của Trung tâm khoảng 50m về phía hạ lưu



LÊN HẠNG	NGHỀ QUẢN LÝ	NGƯỜI DẪN ĐẦU TƯ	NGƯỜI DẪN THI CÔNG
1	1	1	1
1	1	1	1

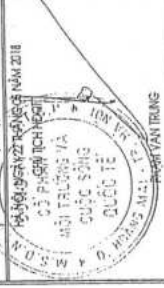
CÔNG TRÌNH - PROJECT
HÀNG CẤP, CẢI TẠO
THẠCH XÂY VÀ KHUỐNG LƯỚI THỦY CÔNG NƯỚC THẢI
ĐIỀU KIỆN BAN ĐẦU NƯỚC VÀ KHUỐNG

ĐỊA ĐIỂM - LOCATION
 BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VĨNH
 KH. BẾN MŨI CỎ, KH. VĨNH VĨNH, B. VĨNH PHƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT
 BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VĨNH

CON YÊU VIÊN - CONSULTANT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CUỘC SỐNG QUỐC TẾ



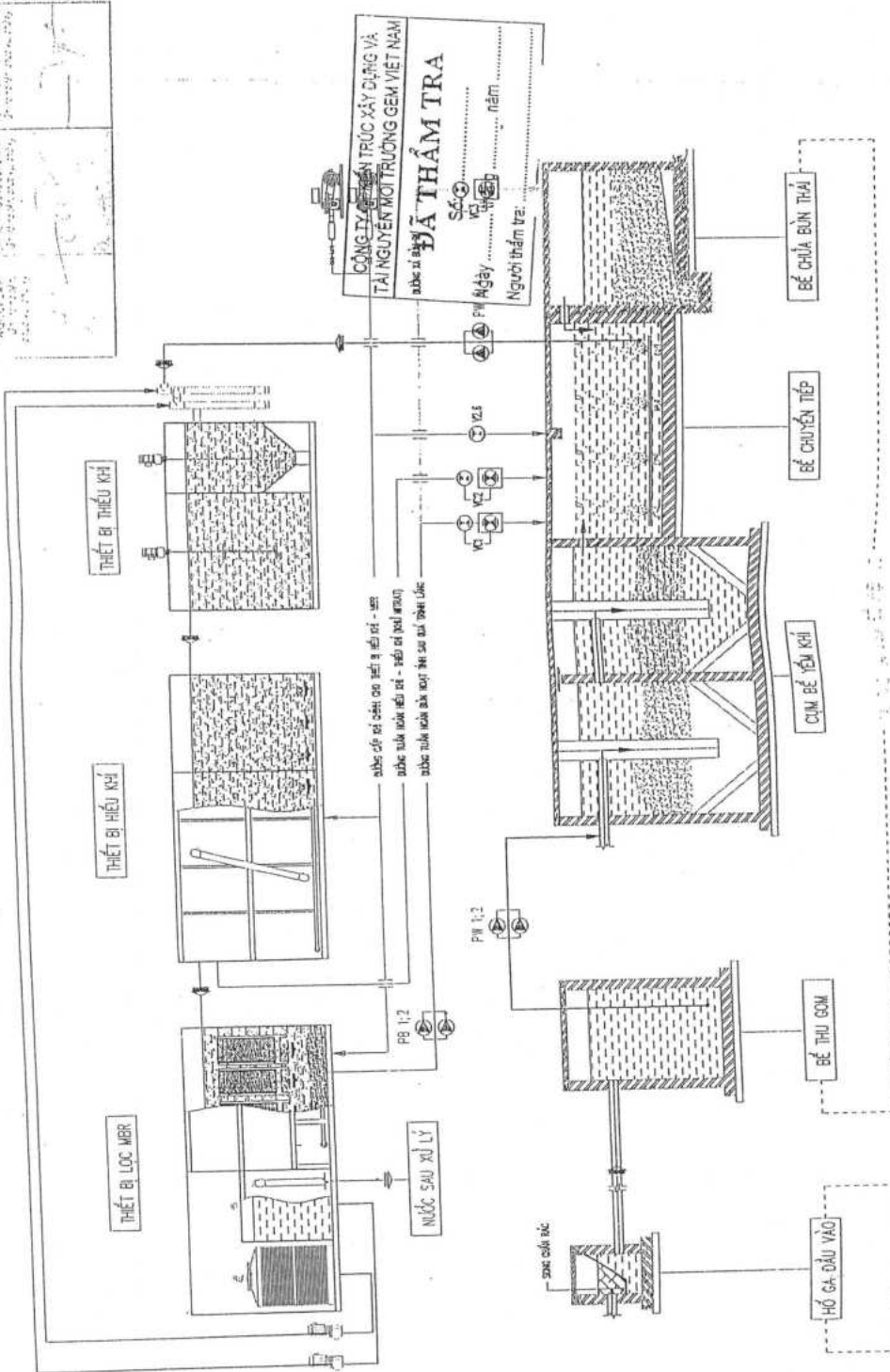
CÁC DANH	HỌ VÀ TÊN	MIỀN
CHỦ TRƯ	TRẦN VĂN TRUNG	1
THIẾT KẾ	LÊ MINH THIỆN	1
Kiểm tra	ĐƯƠNG CÔNG HỮU	1

HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN SP-1/US
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG

TÊN BẢN VẼ - NAME DRAWING
ĐIỀU KIỆN THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ

TỶ LỆ - SCALE 1/100	KHOẢNG CÁCH
HẠNG TRÌNH - SHEET DATE	SỐ SÁCH VÀ SỐ QUÂN
9/2018	CN-12

THAYẾP HỒN CÔNG
 SỐ QUÂN: 123456789
 NGÀY: 12/09/2018

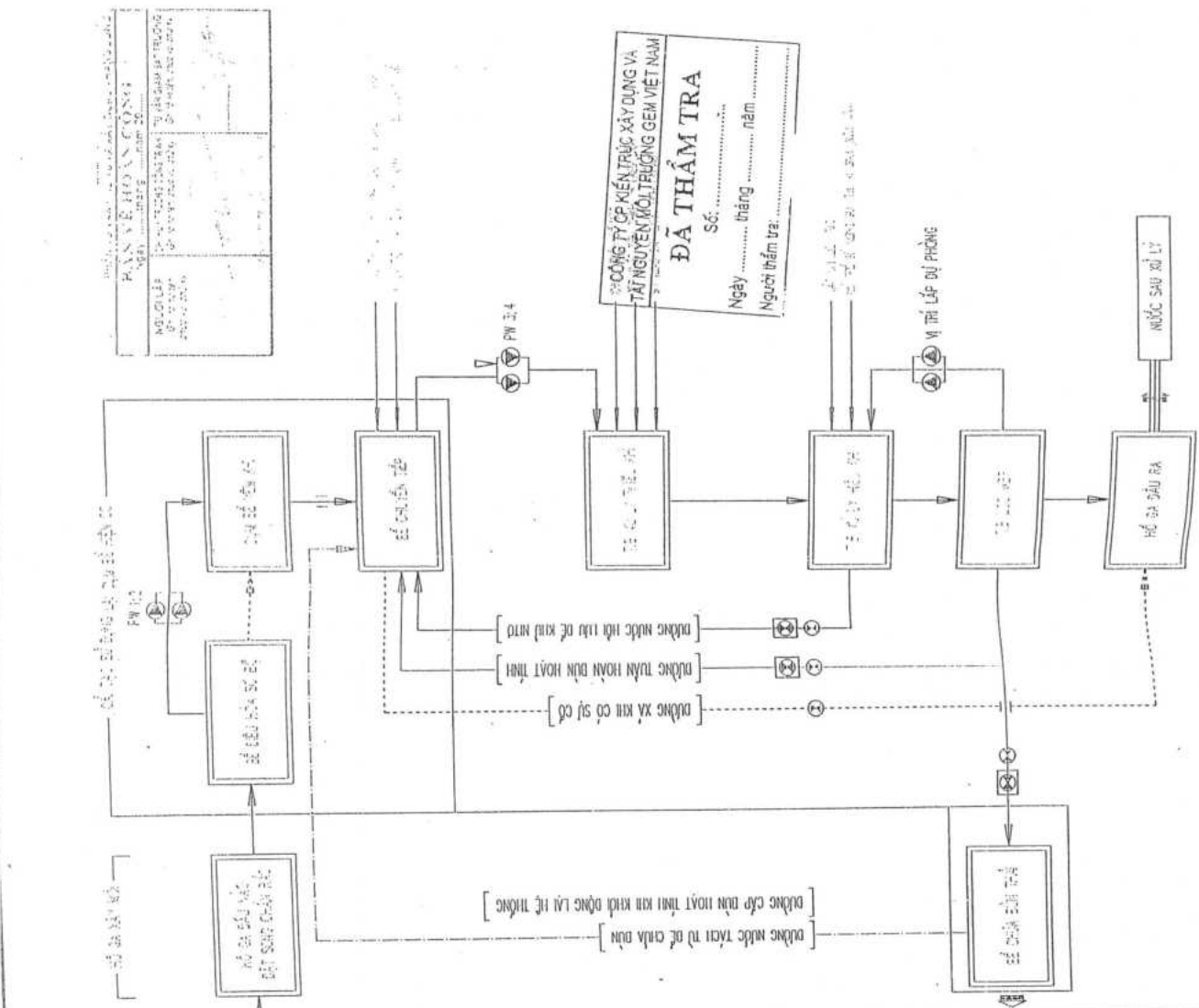


CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG GEM VIỆT NAM
ĐÃ THẨM TRA
 Số: 123456789
 Ngày: 12/09/2018
 Người thẩm tra: [Signature]

DIỆN



LÊN SỐ: 1	1	SỬA CỐ HỆ SỬ DỤNG
LÊN SỐ: 2	2	Y TẾ HUYỆN VĨNH NHAI
LÊN SỐ: 3	3	HUYỆN VĨNH NHAI
CÔNG TRÌNH - PROJECT		
KINH CẤP, CẤP TRỘ		
TRẠNG TỰ LỰ VÀ KẾ HOẠCH LƯU THOI BỒNG THỂ		
HỆSỐ THIẾT BỊ KHÓA, KHUYNH VÀ NHAI		
ĐỊA ĐIỂM - LOCATION		
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VĨNH NHAI		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN - CONSULTANT		
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CUỘC SỐNG QUỐC TẾ		
TRỤ SỞ: SỐ 11 NGUYỄN VĂN CƯỜNG, P. BÌNH NHAM, Q. HOÀN KIẾM, TP. HÀ NỘI		
Số điện thoại: 0436 3940000 Email: phuong@vtsd.com		
CHỨC DANH	HỌ VÀ TÊN	KÝ TÊN
CHỨC TÊN	PHẠM VĂN TRUNG	
THIỆT KẾ	LÊ MINH THIỆN	
Kiểm tra	ĐƯƠNG CÔNG HIỆU	
HỒ SƠ THIẾT KẾ - DESIGN STATUS		
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG		
TÊN BẢN VẼ - NAME DRAWING		
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG		
THẺ - SCALE 1/...	KHỔ GIẤY: A2	
HỌ TÊN - NAME DATE		SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO
		5/2018 CN: 01



ĐÃ THẨM TRA
 Ngày tháng năm
 Người thẩm tra:

HỒ SƠ THIẾT KẾ THI CÔNG
 CÔNG TRÌNH: SỬA CỐ HỆ SỬ DỤNG
 ĐỊA ĐIỂM: BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VĨNH NHAI
 NGÀY: 05/05/2018

THÔNG SỐ THIẾT KẾ
 - NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO: NƯỚC THẢI BỆNH VIỆN
 - LƯU LƯỢNG THIẾT KẾ: Q = 100 M³/NGÀY
 - TIÊU CHUẨN ĐẦU RA: CỘT B CỐN 28:2010/ST/MIT
 - CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG: CÔNG NGHỆ A.A.O - MBR
 - CHẾ ĐỘ VẬN HÀNH: AUTO - MAN

NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO

NƯỚC SAU XỬ LÝ



ĐƠN ĐƠN
 LÊN HỒ SƠ
 CÔNG TRÌNH:

KẾ HOẠCH CẤP ĐỘ
 THẠC SĨ VÀ CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN
 ĐỀ NGHỊ THIẾT KẾ KẾ HOẠCH CẤP ĐỘ

ĐƠN ĐƠN
 ĐƠN ĐƠN
 ĐƠN ĐƠN

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN VĨNH SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CUỘC SỐNG QUỐC TẾ

TRỤ SỞ SỐ 101 NGUYỄN VĂN LINH
 QUẬN HẢI PHONG, TP. HẢI PHÒNG

TÊN MÔI TRƯỜNG: ...
 TÊN CÔNG TRÌNH: ...

PHẠM VĂN TRUNG

CHỨC DANH: HC VÀ TIỀN
 CHỮ TÊN: PHẠM VĂN TRUNG
 THỰC TẾ: LÊ VĂN TIẾN
 KÈM TRẢ: DƯƠNG CÔNG HỮU

HỒ SƠ THIẾT KẾ - JEDBNV.01.02
BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG
 TÊN BẢN VẼ - NAME DRAWING
 MẶT CẮT CHI TIẾT 1-1
 TỶ LỆ - SCALE: 1:10
 SỐ QUÂN: 15

CÔNG TRÌNH: KẾ HOẠCH CẤP ĐỘ
 ĐƠN ĐƠN
 ĐƠN ĐƠN
 ĐƠN ĐƠN

